



DANH TÁC TRIẾT HỌC

FRIEDRICH NIETZSCHE

BUỔI HOÀNG HÔN CỦA NHỮNG THẦN TƯỢNG

HAY LÀM CÁCH NÀO
TRIẾT LÝ VỚI CÂY BÚA

www.thuvien-ebook.com



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

⌂ DANH TÁC TRIẾT HỌC

FRIEDRICH NIETZSCHE

BUỔI HOÀNG HÔN CỦA NHỮNG THẦN TƯỢNG

HAY LÀM CÁCH NÀO
TRIẾT LÝ VỚI CÂY BÚA

www.thuvien-ebook.com



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

BUỔI HOÀNG HÔN CỦA NHỮNG THẦN TƯỢNG

(hay “Làm cách nào triết lý với cây búa”)

Friedrich Nietzsche

Nguyễn Hữu Hiệu *dịch và giới thiệu*

Tên sách: Buổi hoàng hôn của những thần tượng

Tác giả: Friedrich Nietzsche

Dịch và giới thiệu: Nguyễn Hữu Hiệu

Thể loại: Triết học

Nhà xuất bản: Văn Học

Năm xuất bản: Quý II -2006

Khổ: 12x20 cm

(Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

)

Lời giới thiệu

1. Năm 1888 trong cuộc đời và tư tưởng Nietzsche

2. Buổi hoàng hôn của những thần tượng

3. Song luận

Khai từ

Châm ngôn và tên nhon

Vấn đề Socrate

“Lí trí” trong triết học

Luân lí như một cái gì phản tự nhiên

Những kẻ muốn “cải thiện” nhân loại

Tôi nợ những gì nơi cổ nhân

Cây búa nói

Lời cuối của người dịch

Phụ lục

Những năm tháng trọng đại trong cuộc đời Nietzsche

Lời giới thiệu

1. Năm 1888 trong cuộc đời và tư tưởng Nietzsche

Mặt trời lên cao đỉnh rồi bùng vỡ trong Van Gogh trong năm 1888. Đó cũng chính là thời kì sáng tạo dữ dội nhất của ông. Bóng tối lưỡng lự đã bị lừa ra khỏi tranh. Bàn tay trở nên chính xác một cách tàn bạo. Nét cọ tung hoành như sấm sét. Màu sắc loé sáng trong khi tâm trí đã bắt đầu hôn ám. Nhưng trong buổi hoàng hôn của tâm thức đó, viễn tượng đã kết hợp một cách kì diệu với thực tại. Ngày 21 tháng 4 năm sau, Van Gogh viết cho em: “Điều an ủi anh đôi chút là anh bắt đầu coi sự điên cuồng như một chứng bệnh giống như những bệnh tật khác, trong khi đó ngay cả trong những cơn khủng hoảng, anh thấy dường như tất cả những gì anh tưởng tượng trước kia đều là thực tại cả.” Và ông lẫn xả vào công việc, vẽ từ sáng tới tối. Người ta kể lại rằng những người bạn đồng phòng với ông khi đi ra thấy ông đang vẽ một tấm tranh, vài giờ sau trở vào đã thấy ông vẽ một tấm tranh khác. Ông làm việc như kẻ bị quỷ ám, “*j’ai une fureur sourde de travail plus que jamais*” (9/1889). Ông không thể ra khỏi hội hoạ, nghĩa là ra khỏi thực tại, làm mọi cho điên cuồng và phiến não. “Trong tất cả mọi trường hợp, tìm cách trung thành với sự thực có lẽ là một phương thuốc để chống lại bệnh tật đang làm anh lo âu” (thư cho Théo, 12 tháng 2 năm 1890). Có lẽ Vincent van Gogh linh cảm thấy rằng phần ánh sáng dành cho ông sắp hết và ông phải tận dụng nó, nhìn lần cuối cùng trong ánh sáng viễn tượng những thực tại đã bị thói quen giả dối chôn vùi. Trường hợp Nietzsche cũng tương tự như vậy. Năm 1888 là cực điểm sáng suốt và sáng tạo của Nietzsche, đồng thời cũng là cực độ của đau khổ và cô đơn của ông. Ngày 12 tháng 2 năm 1888, Nietzsche viết cho bá tước Seydlitz: “Bây giờ tôi cô đơn, cô đơn một cách phi lí; trong cuộc chiến tàn khốc và âm thầm mà tôi theo đuổi (dưới uy thế Đảo Hoán mọi Giá Trị) chống lại tất cả những gì đã được mọi người tôn sùng và quý trọng từ xưa tới nay, chính tôi đã trở thành một cái u hồn cóc mà không hay...” Trong tình cảnh đó ông chỉ cầu xin một điều: “Sự thanh bình, quên lãng, sự khoan dung của mặt trời và của mùa thu cho một cái gì đang muốn chín tới, cho sự chứng thực và biện minh của toàn thể con người tôi...” (thư cho Paul Dessen, 3 tháng Giêng năm 1888). Kết quả là năm tác phẩm cuối cùng, chín mùi nhất, mãnh liệt nhất của Nietzsche hoàn thành trong năm này: *Trường hợp Wagner*, *Hoàng hôn của những thần tượng*, *Kẻ chống Chúa*, *Nietzsche chống Wagner*, *Ecce Homo* và *tụng ca Dionysos*.

Quả thực năm 1888 là cực điểm của cuộc đời và tư tưởng Nietzsche. Trước hết nó là cao độ của một thập niên đầy sáng tạo khởi đầu từ 1878 với *Phạm phu*, *quá phạm phu*, tác phẩm đầu tiên mà trong đó chan hoà ánh sáng thiên tài, kể đó *Ý kiến tương hợp và châm ngôn* (1879), *Lữ khách và bóng hình mình* (1880), *Bình minh* (1881), *Tri thức hân hoan* (1882 - bổ túc thêm năm 1887), *Zarathustra đã nói như thế* (1883–1885), *Phi thiện ác* (1886) và *Phổ hệ luân lí* (1887). Song song những tác phẩm trên, trong nhiều thập niên này Nietzsche còn đưa ra nhiều tư tưởng dững mảnh quanh chủ đề *Ý chí hùng cường*. Sang năm 1888, Nietzsche bỏ *Ý chí hùng cường* và thay thế bằng *Cuộc đảo hoán mọi giá trị*, trong đó *Kẻ chống Chúa*, là tác phẩm mở đầu.

Năm 1888 còn có ý nghĩa cực điểm trong cuộc đời và tư tưởng Nietzsche ở chỗ toàn bộ tác phẩm viết trong năm này là những cuộc duyệt xét lại và toát lược lại toàn thể những chủ đề triết lí của ông và của hai ngàn năm triết học Tây phương trong ánh sáng chói loà cuối cùng của tâm thức, ở một cao độ buốt giá, bằng một bút pháp sắc bén, cô đọng. Sau đó là bóng tối và yên lặng hoàn toàn. Đầu tháng Giêng

1889, tình anh ông đã vỗ cánh bay cao, và ông không viết thêm một dòng nào nữa mặc dầu thể phách còn ngồi lại mười năm nữa, tới tháng 8 năm 1990.

2. Buổi hoàng hôn của những thần tượng

Tác phẩm *Buổi hoàng hôn của những thần tượng hay làm cách nào người ta triết lý với cây búa?* (*Götzen-Dämmerung, oder: Wie man mit dem Hammer philosophiert?*) được viết trong khoảng thời gian từ cuối tháng Sáu tới đầu tháng Chín năm 1888 và được đem ấn hành vào tháng Mười cùng năm. Mới đầu tác phẩm mang tựa đề *Sự nhàn rỗi của một tâm lý gia hay Những giờ nhàn cư của một tâm lý gia* (*Müssiggang eines Psychologen*). Nhưng sau đó, theo lời yêu cầu của Peter Gast, một cao đồ trung thành của Nietzsche, đòi ông phải tìm một tựa đề “huy hoàng” hơn cho tác phẩm, Nietzsche nhượng bộ, phỏng theo nhan đề vở *Hoàng hôn của những thần thánh* (*Götterdämmerung*) của Wagner, đặt lại là *Hoàng hôn của những thần tượng* (*Götzen-Dämmerung*).

Thần thoại Bắc Âu kể rằng tất cả mọi thần thánh đều có ngày tàn mạt, ngày họ tan biến vào hư vô. Đó là buổi hoàng hôn của thần thánh. Richard Wagner đã mượn thần thoại này để dựng vở kịch thứ tư trong bộ *Tứ ca bộ kịch* (*Tétralogie*) của ông, Nietzsche thay đổi tựa đề và cả ý nghĩa. “Thần tượng” là biểu tượng Nietzsche dùng để chỉ chân lý. “Buổi hoàng hôn của những thần tượng” có nghĩa là sự sụp đổ của mọi chân lý.

Không một thực tại, một ý tưởng, một lý tưởng, một chân lý, một “thần tượng” nào tác phẩm này không chạm tới. Từ những chân lý vĩnh cửu đến những chân lý, giá trị mới mẻ. “Một cơn gió lớn thổi qua rừng cây... và trái chín rụng rơi tơi tả: những chân lý”. (*Ecce Homo*). Nhưng những cái người ta có thể lượm trong tay chẳng có gì ngọt ngào. Vì đó chỉ là những trái thối hư, thực phẩm vô vị đã hết dưỡng chất của hai ngàn năm qua cần phải liệng bỏ. Tất cả mọi chân lý đều nhạt phai và phải xoá đi, mọi thần tượng đều hết thiêng liêng và phải tiêu diệt. Duy chỉ có cuộc đời là vĩnh cửu. Tất cả mọi hiểu biết đều sai lầm, mọi luân lý đều độc hại. Duy chỉ có bản năng là tốt lành.

Đây là cuộc Tuyên chiến vĩ đại. Đây là cuộc mổ xẻ tàn nhẫn lý trí, luân lý, tâm lý học, lòng ái quốc, vị tha, tình nhân loại... Đây là cuộc lật mặt nạ không thương tiếc những nhân vật, “những thần tượng” tượng trưng cho những chân lý, những giá trị cũ: Socrate, Platon, thiện ác, đẹp xấu... và những “thần tượng” tượng trưng cho những chân lý và giá trị mới: Renan, Rousseau, Sainte-Beuve, G. Eliot, George Sand, Schopenhauer, Comte, Kant, Schiller, Zola, Victor Hugo, Listz, Carlyle, nghệ thuật vị nghệ thuật, dân chủ, tiến bộ...

Trên tất cả, chúng ta tìm thấy trong tác phẩm này những tư tưởng hữu thể học quan trọng nhất của Nietzsche. Đúng hơn, chúng ta thấy những diễn dịch về những vấn đề cốt yếu từ quan điểm biến dịch siêu hình của ông dựa trên phương trình căn bản cũng là tiền đề của ông - là: hữu thể học truyền thống coi là “hữu thể chân thực” (*Wahres-Sein*) cái thực ra chỉ là một ảo tưởng, một ảo tưởng có tất cả đặc tính của phi thể (*Nicht-Sein*) và vô thể (*Nichts*) và chối bỏ, coi như “phi hữu” và phi thực cái thực ra là hữu thể đích thực và hữu thể duy nhất. Cái từ xưa tới nay, người ta coi là hiện thể đích thực, thực ra chỉ là mộng huyền bào ảnh, trong khi cái từ xưa tới nay người ta coi là mộng huyền bào ảnh lại chính là hiện thể chân thực. Cái từ xưa tới nay được coi là “hữu thể” (*Sein*) đối nghịch với biến dịch không có, trong khi chỉ có cái biến dịch hiện hữu mà thôi. Không có “hữu thể” siêu thời gian và không gian,

cũng như không có tâm linh thế giới, Linh tượng giới (le monde des idées) hay thế giới của những ý tưởng vĩnh cửu mà chỉ có thế giới khả giác (monde sensible), hiện hữu trong không gian thời gian. Không có thế giới tự nội (monde en-soi), mà chỉ có thế giới hiển lộ (monde des apparences). Không có thế giới *khác* mà chỉ có thế giới *này*, thế giới chân thực, duy nhất, linh động mà nguyên động lực là ý chí hùng dũng. Không có thế giới nào *khác*. Tất cả những ý nghĩ, khát vọng về một thế giới *khác* chỉ là cách *trả thù* cuộc đời “bằng sự lam dụng ảo tưởng” về một cuộc đời “tốt đẹp hơn”. Sự chia thế giới ra làm một thế giới “tự nội” và một thế giới “bề ngoài” là dấu hiệu của sự *suy đồi*- một triệu chứng của sa đọa. “Sự kiện người nghệ sĩ đặt bề ngoài lên trên thực tại không phải là một vấn nạn chống lại mệnh đề này. Bởi “bề ngoài” ở đây cũng có nghĩa là thực tại *nữa*, nhưng mà là dưới một hình thức lựa chọn, kiên cường hoá, sửa sai... Người nghệ sĩ bi tráng *không* bi thảm,- hẳn gật đầu nói “ừ” trước tất cả những gì còn hồ nghi và khủng khiếp của cuộc đời, hẳn là kẻ theo Dionysos”.

Chương quan trọng nhất và cũng là trọng tâm của tác phẩm là chương “Lí trí trong triết học”. Trước đó là “Vấn đề Socrate”, sau đó là “Luân lí như một cái gì phản tự nhiên”. Trước kia Nietzsche lên án khoa học, triết học vì chúng bị đầu độc bởi luân lí. Bây giờ Nietzsche lên án luân lí, triết học, khoa học bởi chúng bị đầu độc bởi lí trí, hay đúng hơn, bởi những sự lầm lẫn lớn lao của lí luận. Những triết gia lầm lẫn lấy hậu quả làm nguyên nhân, nguyên nhân làm hậu quả. Nietzsche bài bác gắt gao phương trình quái gở và bệnh hoạn này của Socrate: lí trí = đức hạnh = hạnh phúc. Socrate, Platon là những triệu chứng suy đồi. Thế nào là suy đồi (décadence)? “*Bị bắt buộc phải chiến đấu* chống lại bản năng đó là định thức của suy đồi, khi cuộc đời hướng thượng, hạnh phúc và bản năng là một.” Tất cả mọi sự tốt lành đều thuộc bản năng. *Alles Gute ist Instinkt*. Nietzsche coi như có bốn phận chống lại quan niệm cho Thượng Đế = thế giới khác của “hữu thể chân thực”. Vì quan niệm như thế, người ta bắt buộc phải coi rẻ những thực tại trần gian mà giác quan chứng nghiệm, khi coi chúng là hiển thể (Schein) không thực thể, và đi đến chỗ khước từ cuộc sống nhục cảm, lạnh mạnh, coi như “tội lỗi”. Theo Nietzsche, với Thượng Đế, người ta đặt thành tuyệt đối thể một hữu thể tưởng tượng, phi thời gian bên trên những thực tại trần gian, những cái duy nhất có thực thể trong dòng biến dịch. Một Thượng Đế, nếu được quan niệm như thế, sẽ làm nền tảng cho một thứ luân lí vô cùng nguy hại cho con người và cuộc đời. Đó là một hữu thể học luân lí hoá hay một luân lí hữu thể học hoá. Cần phải giải phóng hiện thể khỏi thứ hữu thể học hay luân lí này. Đó là một nhiệm vụ nặng nề mà Nietzsche gọi là cuộc “Đảo hoán mọi giá trị”. Đó là công việc của người nghệ sĩ bi tráng, kẻ nói “ừ” trước tất cả mọi hồ nghi và khủng khiếp. Người nghệ sĩ bi tráng chọc thủng hiển thể để đạt tới thực thể một cách can đảm. Hẳn dám chấp nhận cái chết của Thượng Đế và dám đập “bằng cây búa” tất cả những chân lí cấm rề sâu nhất trong lòng đời và dám đón ngả những thần tượng được tôn kính của truyền thống và thừa can đảm để gây nên những “âm thanh trống rỗng” của buổi chiều tà. Đi vào “Hoàng hôn của những thần tượng” và đương đầu với “Đêm tối của Hư vô chủ nghĩa” là những sứ mệnh lịch sử của người nghệ sĩ bi tráng cũng như của tất cả những tinh thần tự do không chấp nhận làm rêu mốc bám trên những bậc thềm, những bờ tường nứt nẻ của những miếu đường hoang vắng nữa. Nếu “Hoàng hôn của những thần tượng” có nghĩa là sự lam phát của mọi chân lí, mọi giá trị thiết định lấy “thế giới chân thực” bên ngoài trần gian, bên kia đời sống làm bản vị, coi những kẻ bạc nhược sa đọa là những kẻ làm giấy bạc, coi đền thờ là những ngân hàng và Thượng Đế là kẻ chế tài thì “Đêm tối của Hư vô chủ nghĩa” chính là sự phá giá của tất cả những chân lí, những giá trị đó. Cả hai đều là những giai đoạn tất yếu và cần phải vượt qua của lịch sử. Chân lí, trần gian, cuộc đời sẽ và chỉ thuộc về những kẻ chân thực, dám đốt đi những bản di chúc hứa hẹn huy hoàng nhưng giả dối và giả tạo như tấm ngân phiếu không tiền bảo chứng, những kẻ sau khi buông rời cây búa phá huỷ còn đủ sức mạnh cầm tay cây khai phá cánh đồng khả thể, khơi mở dòng đời, tạo dựng đời sống trong dòng Hồn nhiên của Biến dịch.

3. Song luận

Sự thức tỉnh của nhân loại bắt đầu với song luận này: “Hoặc chúng ta phá hủy sự sùng bái của chúng ta hoặc chúng ta phá hủy chính chúng ta” (*Der Will zur Macht*, III) Chúng ta đã phải trả giá khá đắt cho những “chân lí” thiêng liêng, những sai lầm *in physiologicis* (Ibid, II) Nietzsche tự coi như bốn phần việc “sửa soạn cho nhân loại một giây phút tuyệt vời trở về chính mình, một buổi giữa ngo rục rở để quay về quá khứ và đưa mắt nhìn về tương lai, để rũ khỏi ách đô hộ của tình cờ và của những giáo sĩ và đặt câu hỏi tại sao và thế nào trong toàn bộ của nó lần thứ nhất, bốn phần này thiết yếu bắt nguồn từ lòng xác tín rằng nhân loại tự mình đã không đi theo đúng chính đạo, đã không được điều động bởi một thần tính mà trái lại đã để bị lôi cuốn và chế ngự bởi một bản năng tiêu cực, hư hỏng, bởi bản năng suy đồi mà nhân loại đặt lên hàng những giá trị tối thiêng liêng” (*Ecce Homo*, III, 2), vì thế “sự khôn ngoan xuất hiện trên trái đất này từ xưa tới nay như một con quạ khoang bị hấp dẫn bởi mùi tử khí”, hay cũng có thể nói như một con cú vọ chuyên soi mói những khía cạnh đen tối cuộc đời và thốt lên những tiếng bi ai. Đó là sự khôn ngoan của tinh thần nặng nề, tìm sự giải thoát bằng cách tiêu diệt ý chí sống. Nietzsche gây chiến chống lại chủ trương tiêu cực mệt mỏi đó. Kết quả của nỗ lực bền bỉ, can đảm, cứng cỏi, âm thầm này là sự hân hoan hay “*tri thức hân hoan*” theo ngôn ngữ Nietzsche. “Kẻ nào trèo lên núi cao, kẻ ấy tự cười mọi bi kịch giả tạo hay có thực.” Trên bàn thờ những giá trị mới, tiếng cười chiến thắng đã thay thế tiếng thở dài đầu hàng. “Tôi đã phong thánh tiếng cười, hồi những con người siêu đẳng, hãy học cười!”. Bằng tiếng cười hồn nhiên rộn rã, chúng ta quét sạch mọi thần tượng trang trọng dăm chiêu và đón chào một thế giới tinh khôi rục rở.

Nguyễn Hữu Hiệu
Vạn Hạnh, 26-09-1971

Khai từ

Duy trì được sự thanh thản giữa một sự vụ u sầu và có thể biện minh quá độ chừng đâu phải là một nghệ thuật không đáng kể: tuy nhiên có điều gì cần thiết hơn thanh thản chẳng? Chẳng việc gì thành công nếu lòng hăng hai chẳng tham dự vào. Chỉ có sự thặng dư của sức mạnh mới là bằng chứng của sức mạnh. *Đảo hoán mọi Giá Trị*, dấu hỏi quá đen, quá lớn hắt bóng tối lên kẻ đặt ra nó, -định mệnh của một công việc như vậy buộc người ta từng giây phút phải lao thẳng vào mặt trời, rũ bỏ vẻ trang nghiêm đã đè ta quá nặng. Tất cả mọi phương tiện đều được biện minh, mọi “cơ hội” đều là cơ hội tốt. Trên tất cả, *chiến tranh*. Chiến tranh luôn là sự minh mẫn thận trọng ghê gớm của tất cả những tinh thần đã trở nên quá chuyên tâm, của tất cả những tinh thần đã trở nên quá thăm sâu; khả năng chữa trị đã nằm ngay trong vết thương. Một câu phương ngôn mà xuất xứ tôi cố tình dấu nhem óc tò mò trí thức, từ lâu đã trở thành phương châm của tôi:

increscunt animi, virescit volnere virtus ^[1]

Một hình thức chữa trị khác, trong một vài trường hợp còn thích hợp với tôi hơn nữa, đó là *thăm dò những thần tượng*... Trên thế giới có nhiều thần tượng hơn là thực tại: đó là “ác nhãn” của tôi đối với thế giới này, đó cũng là “ác nhĩ” của tôi nữa... Ở đây đặt ra những câu hỏi với một *chiếc búa* và có thể nhận được như một hồi âm cái âm thanh trống rỗng thốt lên từ lòng hiu hiu tự đắc - thích thú thay cho kẻ nào có một đôi tai khác nữa sau đôi tai của mình, - đối với tôi, một tâm lý gia và một kẻ đánh bẫy chuột cổ cừu, trước sự hiện diện của kẻ đó quả thực những gì muốn thủ khẩu như bình cũng *phải thốt lên tiếng nói*...

Cả cuốn sách này nữa - nhan đề đã bộc lộ nội dung - trước hết là một sự giải trí, một chấm ánh sáng, một cuộc đào thoát vào những giờ nhàn rỗi của một tâm lý gia. Có thể còn là một cuộc chiến tranh mới nữa? Và biết đâu có thể bắt được quả tang những bí mật của những thần tượng mới?... Cuốn tiểu luận này là một *cuộc khai chiến vĩ đại*; còn về vấn đề nhằm thăm dò những thần tượng, lần này không phải là những thần tượng thời đại mà là những thần tượng *vĩnh cửu* ở đây sẽ bị đụng chạm đến bằng một chiếc búa như thể bằng cái âm thoa - cuối cùng không còn những thần tượng cổ kính nữa... Cũng không còn những thần tượng trống rỗng nữa... Nhưng điều đó không ngăn cản được *người ta tin tưởng nhất*; cũng như không ngăn cản người ta, ngay cả trong những trường hợp cao quý nhất, không gọi là thần tượng nữa...

Turin, 30 tháng Chín, 1888, ngày hoàn tất cuốn sách đầu tiên của *Cuộc đảo hoán mọi Giá Trị* ^[2]
Friedrich Nietzsche

Châm ngôn và tên nhọn

1.
Nhân cư là khởi đầu của tất cả mọi tâm lý học. Sao? tâm lý học có thể là... một tật xấu?
2.
Ngay cả kẻ can đảm nhất trong chúng ta cũng ít khi có đủ can đảm khẳng định điều hấn thực sự *biết*.
3.
Để sống một mình người ta phải là một con vật hay một thần thánh - Aristote nói như vậy. Còn có trường hợp thứ ba nữa: người ta phải vừa là thú vật vừa là thần thánh - đó là *triết gia*.
4.
“Tất cả mọi chân lý đều đơn giản.”- Đó không phải là một lời dối trá phức tạp sao?
5.
Nói một lần dứt khoát, có nhiều điều tôi *không* muốn biết. - Minh triết vạch ra những giới hạn, ngay cả đối với hiểu biết.
6.
Chính vì trong bản chất của người ta có chất man rợ mà người ta có thể khôi phục lại được sự ác tà của mình, tôi muốn nói tâm linh tính...
7.
Sao? Con người chỉ là một sự nhầm lẫn của Thượng Đế hay Thượng Đế chỉ là một sự nhầm lẫn của con người?
8.
Trường chiến tranh của đời. - Cái gì không giết tôi khiến tôi mạnh mẽ hơn.
9.
Hãy tự giúp mình: rồi tất cả sẽ trợ giúp mình. Nguyên tắc bác ái của Kitô giáo.
10.
Chúng ta đừng hèn nhát trước những hành động của chúng ta! Chúng ta đừng bỏ rơi chúng ta trong cơn bão rồi! - Sự hối hận của lương tâm là điều khiếm nhã.
11.
Con lừa có thể bi thảm không? - Bị đè bẹp dưới một gánh nặng mà người ta không thể mang cũng không thể quăng đi?... Trường hợp của triết gia.

12.

Nếu người ta - thủ hữu câu hỏi *tại sao* của cuộc đời, người ta sẽ quen với bất cứ câu hỏi *thế nào* nào - Con người không khát vọng hạnh phúc; chỉ có người Ăng Lê làm vậy thôi.

13.

Người đàn ông đã tạo ra người đàn bà - nhưng bằng gì vậy? Bằng xương sườn Thượng Đế của hắn, - bằng lý tưởng của hắn...

14.

Sao? Bạn đang tìm kiếm gì? Bạn muốn nhân bạn lên một chục lần? Một trăm lần? Bạn tìm kiếm những kẻ theo mình? - Tìm hư không!^[3]

15.

Những con người sống lại sau khi đã chết^[4] - như tôi chẳng hạn - ít được hiểu hơn những người sống phù thời, nhưng họ được người ta *lắng nghe* chăm chú hơn. Nói rõ hơn: chúng ta không bao giờ được hiểu cả - và đó chính là quyền uy của chúng ta.

16.

Giữa đám quần thoa. - “Chân lý! Ô! Chị không biết chân lý là gì rồi! Nó chẳng phải là một toan tính xâm phạm *pudeur*^[5] của chúng ta sao?

17.

Đây là một nghệ sĩ, như những nghệ sĩ tôi yêu, đơn giản trong nhu cầu: hắn thực sự cần có hai điều: bánh mì và nghệ thuật của hắn, - *panem et Circen*...

18.

Kẻ nào không biết đặt ý chí của mình vào sự vật, muốn ít nhất đặt vào trong đó một *ý nghĩa*: điều đó khiến hắn tưởng trong đó đã hàm chứa một ý chí (nguyên tắc “tin tưởng”).

19.

Sao? Bạn đã chọn đức hạnh và tâm hồn cao thượng đồng thời lại ghen ghét nhìn lợi lộc của những kẻ thô lỗ phóng tâm trục vật? Nhưng với đức tính người ta *khước từ* “lợi lộc” mà... (để viết trên cửa nhà những kẻ bài Do Thái).

20.

Một người đàn bà hoàn toàn xúc phạm văn chương cũng như nàng phạm một tội lỗi nhỏ: để thử chơi, trong khi quay đầu lại ngó xem ai có để ý không, và *để cho* một người nào đó để ý...

21.

Phải đặt mình vào những hoàn cảnh trong đó người ta không được có những đức tính giả hình, nhưng trong những hoàn cảnh ấy, tựa như một người múa trên dây hoặc là người ta té hoặc đứng thẳng hoặc từ bỏ...

22.
“Những người độc ác không biết hát”. Vậy thì tại sao những người Nga lại biết hát?

23.
“Tinh thần Đức”: từ mười tám năm nay ^[6] là một *contradictio in adjecto* ^[7].

24.
Vì muốn tìm nguồn gốc khởi nguyên, người ta trở thành một con tôm ^[8]. Nhà sử học nhìn lại đằng sau: cuối cùng ông ta *tin tưởng* vào phía sau.

25.
Sự thoải mái bảo vệ người ta khỏi ngay cả sự cảm lạnh. Một người đàn bà biết mặc áo quần đầy đủ có cảm lạnh không nhỉ? - Tôi giả thiết trường hợp nàng mặc quần áo mong manh.

26.
Tôi hồ nghi tất cả những người muốn thiết lập hệ thống và tránh xa họ. Ý muốn lập hệ thống là sự thiếu ngay thẳng thanh liêm.

27.
Người ta nói rằng người đàn bà sâu sắc - tại sao? Bởi vì người ta không bao giờ tới được đáy sâu của họ. Người đàn bà không hời hợt nữa.

28.
Khi người đàn bà có những đức tính đàn ông, người ta lảng tránh nàng, và nếu nàng không có những đức tính ấy, nàng sẽ chạy trốn chính nàng.

29.
Trước kia lương tâm phải cắn nhiều xiết bao! Nó có bộ răng tốt biết mấy! Và ngày nay? Có chuyện gì trục trặc xảy ra? - Vấn đề của nhà sĩ.

30.
Ít khi người ta phạm nguyên chỉ một lỗi lầm khinh xuất. Với lỗi lầm khinh xuất đầu tiên, người ta luôn làm quá. Chính vì lý do đó, người ta thường phạm lỗi thứ hai - và bây giờ thì lại quá ít.

31.
Khi bị giẫm chân lên, con con sâu sẽ cuộn mình lại. Đó là tính thận trọng khôn ngoan. Bằng cách đó nó giảm dần tai hoạ bị giẫm lên trên lần nữa. Nói theo ngôn ngữ đạo đức: *lòng khiêm tốn*.

32.
Sự ghét dối trá và che đậy có thể khởi lên từ quan niệm thái quá về danh dự; sự khinh ghét tương tự có thể khởi lên từ lòng hèn nhát, vì sự dối trá bị *cấm* bởi luật thiêng liêng. Quá hèn nhát để nói dối...

33.

Cần ít biết chừng nào để được hạnh phúc! Tiếng sáo mục tử. - Không âm nhạc cuộc đời sẽ là một lỗi lầm. Người Đức còn tưởng tượng ngay cả Thượng Đế như một người đang ca hát nữa.

34.

On ne peut penser et écrire qu'assis ^[9] (G. Flaubert) - Thế là ta tóm được người rồi, kẻ theo hư vô chủ nghĩa! Ngồi đúng là *phạm tội* với Thánh Linh. Chỉ có những tư tưởng đến với ta khi đang bước đi mới có giá trị mà thôi.

35.

Có những trường hợp chúng ta giống như những con ngựa, chúng ta, những tâm lý gia, và chúng ta trở nên bồn chồn sợ hãi: chúng ta nhìn thấy bóng chúng ta chập chờn trước mặt mình. Tâm lý gia phải quay mặt đi *đừng nhìn mình* để có thể nhìn thấy tất cả.

36.

Chúng ta có gây *tổn thất* gì cho đức hạnh không, chúng ta những kẻ vô luân? - Cũng ít như những kẻ vô chính phủ làm hại những ông hoàng vậy thôi. Chỉ khi nào đã bị bắt rồi họ mới có thể ngồi lại một cách vững vàng trên ngôi. Luân lý: *người ta phải bắt bỏ luân lý*.

37.

Bạn chạy trước những người khác? - Bạn làm như vậy như một mục tử? Hay như một kẻ ngoại hạng? Trường hợp thứ ba có thể như một kẻ đào ngũ... Câu hỏi *thứ nhất* của lương tâm.

38.

Bạn chân thật? Hay chỉ là một kẻ đóng trò? Một đại diện? Hay chỉ là một kẻ được đại diện? Cuối cùng có lẽ bạn chỉ bắt chước kẻ đóng trò... Câu hỏi *thứ hai* của lương tâm.

39.

Kẻ bất mãn nói. - Tôi tìm kiếm những vĩ nhân nhưng bao giờ cũng chỉ tìm thấy *con khỉ* bắt chước lí tưởng của họ.

40.

Bạn là kẻ ngấm nhìn? Hay một kẻ bắt tay vào công việc? - Hay một kẻ ngó lơ quay đi chỗ khác... Câu hỏi *thứ ba* của lương tâm.

41.

Bạn muốn đi chung cùng bạn hữu? Hay dẫn đầu? Hoặc đi riêng lẻ một mình?... Người ta phải biết mình muốn gì và phải biết rằng mình muốn. - Câu hỏi *thứ tư* của lương tâm.

42.

Đối với tôi chúng chỉ là những bậc thang và tôi đã bước lên chúng - do đó tôi phải vượt qua chúng. Nhưng chúng lại tưởng rằng tôi muốn ngồi lên chúng.

43.

Có quan hệ gì việc tôi giữ lễ phải! Tôi có quá nhiều lễ phải. - Và kẻ nào cười nhiều hôm nay cũng sẽ là kẻ cười cuối cùng.

44.

Định thức hạnh phúc của tôi: một tiếng ừ, một tiếng không, một con đường thẳng, một *mục tiêu*...

Vấn đề Socrate

1.

Bàn về cuộc đời, những kẻ khôn ngoan nhất của mọi thời đại đều đưa ra một phán đoán tương tự như nhau: *cuộc đời vô giá trị*... Bất cứ ở đâu và bao giờ cũng vậy người ta đều nghe thấy câu nói đó thốt ra từ miệng họ. - Một câu nói đầy nghi ngờ, đầy phiền não, đầy chán chường cuộc đời, đầy khinh miệt cuộc đời. Ngay cả Socrate cũng nói lúc lâm chung: “Sống - là đau bệnh một thời gian lâu dài: Ta nợ đáng cứu nhân độ thế Esculape một con gà ^[10]” Ngay cả Socrate cũng chán mứa cuộc đời. - Điều đó chứng tỏ gì? Điều đó muốn *trở* cái gì? - Ngày xưa có lẽ người ta sẽ nói (- Ồ, người ta đã nói rồi và nói khá lớn, nhất là những kẻ bi quan của chúng ta): “Chắc chắn phải có một cái gì chân thực ở đây! *Consensus sapientium* ^[11] là bằng chứng của chân lý.” – Ngày hôm nay chúng ta sẽ còn nói như thế không? Chúng ta còn *được phép* làm thế không? “Chắc chắn phải có một cái gì *bệnh hoạn* ở đây” - đó là câu trả lời của chúng ta. Những kẻ khôn ngoan nhất của mọi thời đại, ta phải nhìn họ thật gần! Có thể tất cả những người đó chân không còn đứng vững? Chậm trễ? Run rẩy? *Décadents* ^[12] biết đâu? Có lẽ sự khôn ngoan xuất hiện trên trái đất này như một con quạ khoang bị hấp dẫn bởi mùi tử khí?

2.

Quan niệm bất kính cho rằng những bậc hiền nhân vĩ đại là những *mẫu sa đoạ* ^[13] khởi lên trong tôi chính trong trường hợp trong đó thành kiến bác học và thành kiến vô học đối chọi nhau kịch liệt: tôi nhận ra Socrate và Platon như những triệu chứng suy đồi, như những công vụ của sự băng hoại của Hy Lạp, như những kẻ nguy Hy Lạp, như những kẻ bài Hy Lạp (*Sự khai sinh của bi kịch*, 1872). Sự *consensus sapientium* - như càng ngày tôi càng thấy rõ - chẳng chứng tỏ một chút nào rằng họ có lý về điều mà họ đồng ý với nhau: nó chỉ chứng tỏ rằng chính họ, những kẻ khôn ngoan nhất, một cách nào đó về phương diện sinh lý, họ tương tự như nhau để có cùng một thái độ như nhau đối với cuộc đời - để bắt buộc *phải* có thái độ đó. Sau hết, những phán đoán và những thẩm định giá trị về cuộc đời, dù tán dương hay chống lại, đều không thể đúng được: giá trị đích thực của chúng nằm trong sự kiện chúng là những triệu chứng; chúng chỉ có thể được coi như là triệu chứng mà thôi - trong tự thể những phán đoán này là những điều xuẩn ngốc. Chúng ta phải cố gắng bằng mọi cách để lãnh hội *sự tế nhị* ^[14] siêu phàm này là *giá trị của cuộc đời không thể thẩm định được* ^[14]. Không thể thẩm định được bởi một người còn sống, bởi hắn là thành phần, là đối tượng của chính cuộc tranh luận nữa, chứ không phải là quan toà; cũng không thể bởi một người đã chết vì một lý do khác. - Về phần một triết gia, nhìn một vấn đề trong *giá trị* của cuộc đời, là một vấn nạn chống lại chính hắn, một dấu hỏi về sự khôn ngoan của hắn, một sự thiếu khôn ngoan ^[15] nữa - Sao? Tất cả những người khôn ngoan vĩ đại này - không những họ là những *décadents* mà họ còn không khôn ngoan nữa sao? - Nhưng tôi xin trở lại vấn đề Socrate.

3.

Xét về nguồn gốc, Socrate thuộc về đẳng cấp thấp hèn nhất: Socrate thuộc dòng hạ lưu. Người ta biết, người ta có thể thấy ông ta xấu xí biết chừng nào nữa. Nhưng sự xấu xí tự nó đã là một vắn nạn, hầu như là một bác luận nơi người Hy Lạp. Socrate có đúng là người Hy Lạp không? Sự xấu xí thường là dấu hiệu của một sự phát triển bị ngăn chặn, một sự phát triển *bị cản trở* bởi sự pha giống. Trong trường hợp khác, nó hiện ra như một sự phát triển suy đồi. Những nhà nhân chủng học chuyên khảo về tội ác học tuyên bố rằng kẻ tội phạm đặc trưng xấu xí: *monstrum in fronte, monstrum in animo* ^[16].

Nhưng kẻ tội phạm là một kẻ *décadent* ^[17]. Socrate có phải là một kẻ tội phạm đặc trưng không? - Dù sao điều đó cũng không trái ngược với ý kiến của nhà chuyên coi tướng mạo, ý kiến khiến bằng hữu của Socrate tức giận. Trong khi đi qua thành Nhã Điển, một người ngoại quốc biết coi tướng mặt đã nói thẳng vào mặt Socrate rằng ông ta chỉ là *một quái vật*, ông ta chứa dấu trong mình tất cả những tật xấu và những khát vọng đồi bại. Và Socrate chỉ đáp: “Thưa ông, ông biết tôi rõ lắm”.

4.

Không những sự hoang đàng và hỗn loạn của bản năng chỉ sự *décadence* nơi Socrate: mà sự bội dư của những khả năng luận lý, và sự độc ác méo mó còn là những đặc tính nổi bật nơi ông ta nữa. Chúng ta đừng quên rằng những ảo tưởng thánh giá, dưới danh từ “con quỷ của Socrate”, được diễn giải theo một ý nghĩa tôn giáo. Tất cả mọi sự nơi ông ta đều quá đáng, hài hước, hoạt kê, đồng thời đều dấu dếm, có ẩn ý, tà khuất. Tôi cố gắng tìm hiểu xem đặc tính nào đã có thể khai sinh ra cái phương trình Socrate này: lí trí = đức hạnh = hạnh phúc: cái phương trình quái gở nhất, và đặc biệt, nghịch lại tất cả mọi bản năng Hy Lạp xưa.

5.

Với Socrate, thị hiếu Hy Lạp biến đổi theo chiều thuận lợi cho biện chứng pháp: thực ra điều gì đã xảy ra? Trước hết, thị hiếu cao nhã đã biến mất; với biện chứng pháp, đám hạ lưu len chân tới thượng đỉnh. Trước Socrate, những lễ lỗi biện chứng bị khai trừ trong xã hội thượng lưu: chúng bị coi như những kiểu cách xấu xa, chúng có tính cách thoả hiệp bình dân. Thanh niên được cảnh giác lánh xa. Người ta còn nghi kị cả những kẻ trình bày lý lẽ của mình. Những sự việc lương thiện cũng như những con người lương thiện không mang phôi trần những lý lẽ của mình cách ấy. Phôi bày cái tốt lành của mình là điều vô phép. Cái cần phải chứng rõ không có giá trị bao nhiêu. Bất cứ nơi nào mà uy quyền hãy còn thuộc tập tục tốt, bất cứ nơi nào mà người ta không “luận lý” mà chỉ ra lệnh, thì nhà biện chứng pháp là một thứ hề: hấn bị chế nhạo, hấn không được coi trọng. Socrate là tên hề *thành công trong việc bắt người khác coi mình là trọng*: vậy thì chuyện gì đã thực sự xảy ra?

6.

Người ta chỉ chọn biện chứng pháp khi nào không còn cách nào khác. Người ta biết rằng biện chứng pháp gây ra nghi ngờ, rằng nó không hùng hồn lắm. Không có gì dễ xoá bỏ hơn hiệu quả biện chứng: sự kiện này được chứng minh trong những cuộc hội thảo. Nó chỉ có thể là sự tự vệ cuối cùng của những người không có khí giới. Người ta phải dành giật quyền hành của mình: nếu không, người ta không dùng đến nó. Đó là lý do tại sao, những người Do Thái đều là những nhà biện chứng; Lão Cáo-già ^[18] là nhà biện chứng: sao vậy? Socrate cũng là một nhà biện chứng sao?

7.

Sự hài hước của Socrate là một biểu lộ của phản kháng? Của lòng *hờn oán* của đám hạ lưu? Ông ta có

thích thú nếm mùi tàn bạo của chính mình trong mũi dao nhọn của tam đoạn luận, như một kẻ bị áp chế không? Ông có trả thù những người quý phái ông dụ hoặc không? - Là một nhà biện chứng, người ta nắm trong tay một khí cụ tàn nhẫn; với sự trợ giúp của nó người ta có thể làm một bạo chúa; người ta thoả hiệp trong khi chiến thắng. Nhà biện chứng để nó lại cho địch thủ để chứng tỏ rằng hắn không phải là một tên ngốc: hắn làm người ta nổi điên và đồng thời trở nên bơ vơ không nơi nương tựa. Nhà biện chứng *bất lực* hoá trí tuệ đối thủ. Sao? Biện chứng pháp chỉ là một hình thức *trả thù* trong trường hợp Socrate?

8.

Tôi đã cho thấy bằng cách nào Socrate có thể làm người ta xa lánh: bây giờ điều quan trọng nhất là giải thích sự kiện ông ta đã mê hoặc *cách nào*. Ông ta đã khám phá ra một nghệ thuật *chiến đấu* mới, ông ta là kiếm sư đầu tiên của những giới quý tộc ở Nhã Điện, đó là lý do thứ nhất. Ông ta mê hoặc bởi ông ta kêu gọi những bản năng hiếu chiến của người Hy Lạp, - ông ta đã đưa vào trường đô vật giữa người lớn và thanh niên một sự thay đổi. Socrate còn là một người đại *dâm dăng*.

9.

Nhưng Socrate còn tiên đoán nhiều cái khác nữa. Ông ta nhìn thấu suốt những nhà quý phái Nhã Điện; ông ta thấy rằng trường hợp của ông ta, trường hợp riêng của ông ta, chẳng phải là trường hợp ngoại lệ phi thường, ngay cả trong thời đại ông ta. Sự suy đồi tương tự thầm lặng sửa soạn ở khắp nơi: thành Nhã Điện cổ kính đang hấp hối. Và Socrate hiểu rằng toàn thể thế giới *cần* ông ta - cần phương thuốc, cách chữa trị, phương thức tự bảo tồn đặc biệt của ông ta. Ở khắp nơi, những bản năng đều ở trong tình trạng hỗn loạn; khắp nơi người ta chỉ cách xa sự thái quá có một bước: *monstrum in animo* là hiểm hoạ chung. “Bản năng muốn đóng vai bạo chúa chuyên chế; cần phải tạo ra một *phản bạo chúa* mạnh hơn”... Khi nhà chuyên coi tướng mạo đã cho Socrate thấy con người thực của ông ta, một miệng núi lửa đầy rẫy mọi khát vọng xấu xa, nhà đại hài hước này đã thốt ra một câu cho chúng ta một cái chìa khoá mở vào bản chất của ông ta. “Điều đó đúng, nhưng tôi đã chế ngự được tất cả.” Bằng cách nào Socrate đã tự chủ được *chính mình*? Trường hợp của ông ta, rốt cuộc cũng chỉ là trường hợp thái quá, một thí dụ rõ rệt nhất của một trạng thái tuyệt vọng đang bắt đầu trở thành phổ quát: không ai còn có thể tự làm chủ mình nữa, những bản năng đang trở nên *chống đối* lẫn nhau. Ông ta cảm dỗ vì là thí dụ thái quá của trạng thái này - sự xấu xí khủng khiếp của ông ta khiến mọi mắt nhìn đều tỏ rõ: ông ta còn cảm dỗ hơn nữa, điều đó tự nhiên, như một câu trả lời, như một phương sách, như một cách *chữa trị* hiển nhiên của trường hợp này.

10.

Khi người ta thấy cần phải biến *lí trí* thành một bạo chúa chuyên chế, như Socrate đã làm, thì hiểm hoạ một cái gì khác cũng muốn thủ vai bạo chúa chuyên chế không phải là nhỏ. Chính lúc đó lí trí được khám phá như một đáng *cứu thế*. Cả Socrate lẫn những “kẻ bệnh hoạn” không được tự do chọn có lí hay không có lí: điều đó tính cách *de rigueur*, đó là phương thuốc cuối cùng của họ. Sự cuồng tín mà toàn thể tư tưởng Hy Lạp nhào vào lí trí tố cáo một tình trạng khẩn trương: như người ta đang trong cơn hiểm hoạ, người ta chỉ có một sự lựa chọn duy nhất: hoặc là chìm đắm tận đáy hoặc - *lí trí một cách phi lí*... Chủ trương đạo đức của những triết gia Hy Lạp từ Platon bị điều kiện hoá của một cách bệnh hoạn; sự thẩm định về biện chứng pháp của họ cũng vậy. Lí trí = đức hạnh = hạnh phúc chỉ có nghĩa: người ta phải bắt chước Socrate và đương đầu với những đam mê đen tối bằng cách thường trực tạo ra *ánh sáng ban ngày* - ánh sáng lí trí. Phải thận trọng, sáng sủa, minh bạch bằng mọi giá: tất cả mọi nhượng bộ cho bản năng, vô thức đều đưa *xuống dốc*...

11.

Tôi đã cho thấy cách mà Socrate cảm dỗ: ông ta có vẻ là một thầy thuốc, một đáng cứu thế. Có cần phải vạch ra sự sai lầm trong niềm tin vào “lí trí với bất cứ giá nào” của ông ta nữa không? - Đó là một sự tự lừa dối về phía những triết gia và những nhà luân lí khi họ tin tưởng rằng họ thoát ra khỏi sự *décadence* bằng cách gây chiến với nó. Điều đó ở trên khả năng của họ: cái họ chọn lựa như một phương thuốc, như một phương tiện cứu chuộc, lại chỉ là một sự biểu lộ khác của sự *décadence* - họ chỉ *thay đổi* cách biểu lộ của nó, chứ họ không huỷ bỏ được chính nó. Socrate là một sự ngộ nhận; *toàn thể luân lí nhằm cải thiện, kể cả luân lí Kitô giáo là một sự ngộ nhận...* Ánh sáng chói lọi nhất, lí trí với bất cứ giá nào, đời sống minh bạch, lạnh lùng, thận trọng, ý thức, không phải bản năng, chống lại bản năng, chỉ là một sự bệnh hoạn, một thứ bệnh hoạn mới - chứ không phải là một sự trở về “đức hạnh”, “sức khỏe”, hạnh phúc... *Bắt buộc phải* chiến đấu chống lại bản năng - đó là định thức của sự *décadence*: chừng nào mà cuộc đời còn *đi lên* thì hạnh phúc và bản năng đồng nhất.

12.

Tự ông ta có hiểu điều đó không, ông ta, người thận trọng nhất trong những kẻ tự lừa dối mình? Ông ta có tự thú nhận với mình vào giây phút cuối cùng, trong sự *khôn ngoan* của lòng can đảm trước cái chết không?... Socrate *muốn* chết: - Không phải Nhã Điện mà chính là *ông ta* tự trao cho mình chén thuốc độc... “Socrate không phải là thầy thuốc”, ông ta thầm nhủ: “Chỉ có cái chết mới là thầy thuốc ở đây... Chỉ có Socrate mới đau một cơn đau dài...”

“Lí trí” trong triết học

1.

Bạn hỏi tôi tất cả đặc chất nơi những triết gia là gì?... Chẳng hạn sự thiếu cảm thức lịch sử của họ, sự thù ghét ý tưởng về Biến Dịch của họ, chủ trương tồn cổ kiểu Ai Cập của họ. Họ tưởng họ làm vẻ vang một sự việc khi họ tước bỏ khía cạnh lịch sử của nó, sub specie aeterni^[19], - khi họ biến nó thành một xác ướp. Tất cả những ý tưởng mà những triết gia mân mê hàng năm chỉ là những ý tưởng xác ướp; không có gì thực thoát ra khỏi bàn tay họ mà còn sinh động. Họ giết, họ lột da, nhồi trấu khi họ tôn sùng, những vị sùng bái ý tưởng này, - họ trở thành một hiểm họa chết chóc cho tất cả mọi sự khi họ tôn sùng. Chết chóc, thay đổi, tuổi tác, cũng như sinh sản và trưởng thành đối với họ đều là những dị luận - những bác luận nữa. Cái đang hiện hữu không *biến dịch*; cái biến dịch không *hiện hữu*... Bây giờ họ hoàn toàn tin, tới độ tuyệt vọng nữa, vào Hữu Thể^[20]. Nhưng vì họ không thể nắm được nó, họ tìm kiếm lí do tại sao họ bị ngăn trở không đạt tới. Phải có một Hiện Thể^[21], một sự lừa gạt, ngăn cản không cho chúng ta tri giác Hữu Thể: kẻ lừa gạt ở đâu?” - “Chúng ta nắm được nó rồi”, họ sung sướng kêu lên; “đó là nhục cảm. Những giác quan này, *đồng thời cũng rất vô luân*, chính chúng lừa gạt chúng ta về thế giới *chân thực*. Luân lí: thoát ra khỏi sự lừa gạt của giác quan, khỏi biến dịch, khỏi lịch sử: lịch sử không là gì khác hơn sự tin tưởng vào giác quan, tin tưởng vào đối trái. Luân lí: khước từ tất cả những kẻ tin vào giác quan, khước từ toàn thể nhân loại: tất cả những kẻ đó đều thuộc về “quần chúng”. Là một triết gia, là một xác ướp, trình bày thuyết monotonothéisme bằng cách bắt chước điệu bộ của phu đào huyệt! - Và trên hết, tẩy chay *thân xác*, *cái idée fixe*^[22] đáng thương của những giác quan! Nhiệm đầy khuyết điểm của luận lí, bị bác bỏ, bất khả nữa, dù khá trơ trẽn khi cư xử như thể nó có thật...”

2.

Với một niềm kính cẩn vô biên, tôi đặt riêng tên tuổi *Héraclite*^[23] sang một bên. Nếu tất cả bọn triết gia khước từ chứng cứ minh bạch của những giác quan bởi chúng cho thấy phức tính và biến chuyển, thì ông cũng khước từ chứng cứ minh bạch của bọn họ vì họ trình bày sự vật như thể chúng có trường cửu tính và nhất tính. Ngay cả Héraclite cũng bất công với những giác quan. Giác quan không lừa dối theo cách những triết gia trường phái Éléates tưởng, cũng không như ông tưởng - chúng không lừa dối bao giờ cả - Chính điều ta *tạo nên* từ chứng cứ minh bạch của chúng là cái đầu tiên du nhập sự đối trá vào; chẳng hạn sự đối trá của nhất thể, sự đối trá của thực tại, của bản thể, của trường cửu... Lí trí chính là nguyên do của sự xuyên tạc chứng cứ minh bạch của giác quan. Chừng nào mà giác quan chỉ sự biến dịch, sự chuyển biến, sự đối thay, chúng không đối trá... Nhưng Héraclite sẽ mãi mãi đúng khi tuyên bố rằng Hữu Thể chỉ là một ảo tưởng rỗng tuếch. Thế giới “hiển lộ bề ngoài” là thế giới duy nhất: thế giới “chân thực” chỉ là do sự *đối trá thêm vào*...

3.

Và những giác quan của chúng ta là những dụng cụ quan sát tinh xảo biết bao! Cái mũi chẳng hạn, mà không triết gia nào không từng cung kính và biết ơn khi nói tới, ngay như cái mũi tạm thời là dụng cụ tế

nhị nhất thuộc quyền sử dụng của chúng ta: dụng cụ này có thể ghi nhận những sự sai biệt nhỏ nhất nhất trong sự vận chuyển, mà ngay cả kiếng quang phổ cũng không thể ghi nhận được. Ngày nay chúng ta có khoa học tới chừng độ nào mà chúng ta quyết định *chấp nhận* chứng cứ minh bạch của những giác quan, - tới chừng độ mà chúng ta làm bén nhọn và vỡ trảng những giác quan, học suy tưởng chúng tới cùng. Còn lại là sự sẩy non chứ chưa phải là khoa học nữa: nghĩa là siêu hình học, thần học, tâm lý học hay nhận thức luận. *Hay* khoa học hình thức, lý thuyết về biểu tượng: như luận lý và luận lý học ứng dụng, toán học. Trong tất cả những khoa học này thực tại không hề lộ diện, dù như một vấn đề; cũng hiểm hoi như câu hỏi một hệ thống kí hiệu quy ước như luận lý có giá trị gì vậy.

4.

Đặc chất *khác* của các triết gia cũng không kém phần nguy hiểm: nó hệ tại việc lẫn lộn cái cuối cùng với cái đầu tiên. Họ đặt cái đến sau cùng - bất hạnh thay! bởi nó không bao giờ được đến! - những “khái niệm cao nhất”, nghĩa là những khái niệm đại cương nhất và rộng tuếch nhất, đám khói cuối cùng của thực tại bốc hơi, lên đầu và *như* cái khởi đầu. Một lần nữa đây lại là cách duy nhất biểu lộ lòng sùng kính của họ: cái cao cả nhất *không được phép* nảy sinh từ cái thấp nhất, không bao giờ *được phép* nảy sinh... Luân lý: tất cả những gì thuộc thượng đẳng phải là *causa sui* ^[24]. Bắt nguồn từ một căn nguyên khác bị coi như một vấn nạn, như đáng hồ nghi về giá trị. Tất cả mọi giá trị siêu đẳng phải thuộc thượng đẳng, tất cả mọi khái niệm siêu đẳng như hữu thể, tuyệt đối, chân, thiện, hoàn hảo - tất cả đều không thể “trở thành” do đó *phải* là *causa sui*. Nhưng những khái niệm siêu đẳng này cũng không thể bất tương xứng với nhau... Vì lẽ đó họ đi tới khái niệm kì dị của họ về “Thượng đế”... Cái cuối cùng, cái mong manh nhất, trống rỗng nhất được đặt lên đầu, như nguyên nhân của chính nó, như *ens realisimum* ^[25]... Nhân loại phải coi trọng những bệnh tương đau màng óc của những tên dẹt mạng nhận bệnh hoạn này! - Và nhân loại còn phải trả giá rất đắt vì đã làm vậy!...

5.

Để kết luận, chúng ta hãy thiết định đường lối khác biệt trong đó *chúng ta* (- tôi nói “chúng ta” vì lịch sử...) quan niệm vấn đề sai lầm và hiển thể. Trước kia người ta thường coi sự thay đổi, đột biến là bằng chứng của hiển thể như một dấu hiệu của sự hiện diện của một cái gì đó phải có ở đó để dẫn dắt chúng ta vào chỗ lầm lạc. Ngày nay ngược lại, chúng ta thấy rõ rằng chừng nào mà lý trí bắt buộc chúng ta phải qui định nhất tính, sự trường cửu, thực thể, nguyên do, thực tại, hữu thể là một cách nào đó chúng ta bị vướng mắc vào sai lầm, *cần phải* sai lầm; dù chúng ta chắc chắn thế nào, căn cứ trên sự kiểm chứng gắt gao, thì sự sai lầm vẫn có ở đó. Ở đây cũng chẳng khác gì sự vận hành của mặt trời: trong trường hợp kia sự sai lầm có con mắt của chúng ta làm nhân chứng, trong trường hợp này có *ngôn ngữ* của chúng ta không ngót biện hộ. Trong căn nguyên của nó, ngôn ngữ thuộc về thời đại của những hình thức sơ khai nhất của tâm lý học: chúng ta sẽ thấy mình ở giữa lòng sự sùng bái vật thần thô thiển nếu chúng ta triệu hồi những điều kiện cơ bản của khoa siêu hình học của ngôn ngữ, nghĩa là của

lý trí, tới trước ý thức. Khắp nơi nó chỉ thấy tác nhân và tác động ^[26]: nó tin vào ý chí như nguyên nhân tổng quát; nó tin vào “tự ngã”, tin vào tự ngã như hữu thể, tin vào tự ngã như thực thể và nó

phóng chiếu lòng tin tưởng vào tự ngã-thực thể ^[27] của nó lên tất cả mọi sự vật - chỉ bằng cách đó nó mới *sáng tạo* ra khái niệm “sự vật”... Khắp nơi hữu thể được quan niệm, *tiếp dẫn vào*, như là nguyên nhân; chính từ khái niệm về “ngã” mới tiếp nối, nảy sinh ra khái niệm về “hữu thể”... Thoạt kì thủy, là sự sai lầm tai hại lớn lao cho rằng ý chí là một cái gì *tác động*, rằng ý chí là một *năng lực*... Ngày nay chúng ta biết rằng đó chỉ là một danh từ không hơn không kém... Rất lâu sau, trong một thế giới

trăm ngàn lần sáng lạn hơn, sự *chắc chắn*, sự *xác tín* chủ quan, trong sự sử dụng những phạm trù của lí trí^[28] đột nhiên đến với ý thức của những triết gia: họ kết luận rằng chúng không thể đến từ kinh nghiệm, - vì quả thực tất cả những gì thuộc kinh nghiệm đều không thích hợp với chúng. *Vậy thì chúng bắt nguồn từ đâu?* Ở Ấn Độ, cũng như ở Hy Lạp, người ta đều mắc chung một lỗi lầm này: “Ngày xưa chắc chắn chúng ta phải ở trong một thế giới cao siêu hơn (- thay vì nói trong một thế giới hạ đẳng hơn rất nhiều, điều đó mới đúng!) - “chắc chắn chúng ta phải thần thánh lắm, *bởi vì chúng ta có lí trí!*”... Từ trước tới nay không có gì có sức thuyết phục ngậy thơ hơn sự sai lầm về hữu thể, như nó được hình thành bởi những triết gia thuộc trường Éléate chẳng hạn: vì mỗi chữ, mỗi câu chúng ta thốt ra đều nói lên vì nó! - Ngay cả những đối thủ của trường Éléate cũng chịu cái ảnh hưởng quyền rũ của khái niệm về hữu thể của họ: trong số những người đó có Démocrite, khi ông phát kiến ra *nguyên tử*... “Lí trí” trong ngôn ngữ: Ôi! thật là một con mụ lường gạt đáo dể! Tôi sợ rằng chúng ta sẽ chẳng bao giờ thoát khỏi Thượng Đế vì chúng ta hãy còn tin vào văn phạm...

6.

Người ta sẽ cảm ơn tôi nếu tôi cô đọng một sự sáng suốt vô cùng mới mẻ và quan trọng vào bốn luận đề: bằng cách này tôi sẽ khiến nó dễ hiểu hơn, bằng cách này tôi sẽ khơi ra sự mâu thuẫn.

Mệnh đề thứ nhất: Những lí do khiến thế giới “này” được coi như một thế giới của hiện thể, chính là những lí do chứng minh thực tại của nó, - một thực tại khác tuyệt đối không thể chứng minh được.

Mệnh đề thứ hai: Những đặc tính người ta gán cho “hữu thể chân thực”^[29] của sự vật thấy đều là những đặc tính của vô thể^[30] của hư thể^[31] - “thế giới chân thực” được xây dựng bằng cái mâu thuẫn của thế giới đích thực: quả thực thế giới hiện lộ^[32] nếu được nhìn như thế, thì nó chỉ là một ảo tưởng thì giác luân lí.

Mệnh đề thứ ba: Nói về một thế giới “khác” thế giới này là điều hoàn toàn vô nghĩa, miễn là chúng ta không có một bản năng mãnh liệt buộc chúng ta phải báng, dèm pha và lên án cuộc đời này: trong trường hợp sau chúng ta *trả thù* cuộc đời bằng sự lạm dụng ảo tưởng về một cuộc đời “khác”, một “cuộc đời tốt đẹp hơn”.

Mệnh đề thứ tư: Chia thế giới ra làm một thế giới “thực” và một thế giới “hiện lộ” hoặc theo lối của Kitô giáo hay lối của Kant (sau rốt, cũng chỉ là một tín đồ Kitô xảo quyệt) thì cũng chỉ là một dấu hiệu của sự *décadence* - một triệu chứng của cuộc sống sa đoạ. Sự kiện người nghệ sĩ đặt hiện thể lên trên thực tại không phải là một vấn nạn chống lại mệnh đề này. Bởi “hiện thể” ở đây cũng có nghĩa là thực tại *nửa* nhưng mà dưới một hình thức lựa chọn, kiên cường hoá, sửa sai... Người nghệ sĩ bi tráng *không* bi thảm, - hẳn chính là kẻ *khăng định* tất cả những gì còn hồ nghi và khủng khiếp trong cuộc đời, hẳn là một kẻ theo Dionysos.

*

“Thế giới chân thực” cuối cùng trở thành một huyền thoại như thế nào

Lịch sử một lầm lẫn

1.

Thế giới chân thực, rộng mở cho hiền nhân, kẻ mộ đạo, người đức hạnh - hẳn sống trong đó, hẳn là thế giới đó.

(Hình thức tư tưởng cổ điển nhất, khá dễ hiểu, đơn giản, hùng hồn. Uyển-khúc-pháp của mệnh đề: “Ta, Platon, ta là chân lí.”) [\[33\]](#)

2.

Thế giới chân thực, khép kín với giây phút, nhưng hứa hẹn với hiền nhân, kẻ mộ đạo, người đức hạnh (“với kẻ tội đồ ăn năn”).

(Sự tiến bộ của tư tưởng: nó trở nên tế nhị hơn, phỉnh gạt hơn, khúc mắc hơn, - nó trở thành đàn bà, nó trở thành tín đồ Kitô giáo...)

3.

Thế giới chân thực, khép kín, không thể chứng minh, không thể hứa hẹn, nhưng, dù chỉ mơ tưởng, là một an ủi, một mệnh lệnh.

(Vẫn là mặt trời xưa cũ, nhưng mờ tối vì sương mù và hồ nghi; ý tưởng trở nên xanh xao, thuộc về miền bắc, của người ở Königsberg [\[34\]](#))

4.

Thế giới chân thực, khép kín? Khép kín trong bất cứ trường hợp nào. Và vì khép kín nên cũng *bất khả tri*. Vì lẽ đó nó cũng không an ủi, không cứu rỗi, không bỏn phận: làm thế nào một bất khả tri có thể buộc chúng ta một điều gì đó?

(Sớm mai xám. Những cái ngập dài đầu tiên của lí trí. Tiếng gà gáy của thuyết duy nghiệm).

5.

Thế giới “chân thực” - một ý tưởng vô dụng, không có ý nghĩa ngay cả như một bổn phận nữa - một ý tưởng đã trở nên vô tích sự, dư thừa, *do đó*, một ý tưởng bị bác bỏ: chúng ta hãy tiêu diệt nó đi!

(Ngày sáng lạn; bữa điểm tâm đầu tiên; sự trở về của *bon sens* và vui tươi; Platon đỏ mặt vì mắc cỡ; tất cả mọi tinh thần tự do gây huyền não dữ dội.)

6.

“Thế giới chân thực”, chúng ta đã tiêu diệt rồi: còn lại thế giới nào? Có lẽ thế giới hiển lộ chăng?... Nhưng không! *Với thế giới chân thực chúng ta đã tiêu diệt thế giới của những hiển thế!*

(Giữa ngo: khoảnh khắc bóng tối ngắn ngủi nhất: chung cục của sự sai lầm lâu dài nhất; cực điểm của nhân loại; INICIPIT ZARATHUSTRA.) [\[35\]](#)

*

Luân lí như một cái gì phản tự nhiên

1.

Tất cả mọi đam mê đều có một thời trong đó chúng chỉ là tai hoạ, trong đó chúng chìm những nạn nhân dưới sức nặng của sự điên cuồng của chúng, - và một thời kế tiếp, rất lâu sau trong đó, chúng kết hợp với tinh thần, trong đó chúng tự “tinh thần hoá”. Ngày xưa, vì sự điên cuồng trong đam mê, người ta đã gây chiến với chính đam mê: người ta âm mưu tiêu diệt nó, - tất cả mọi quái vật luân lí cổ điển đều đồng tâm nhất trí với nhau về điểm này: “*il faut tuer les passions*”^[36]. Định thức lừng danh nhất cho việc này nằm trong Tân Ước, đoạn Bài Giảng trên Núi, nơi, xin nói qua, những sự vật không hề được nhìn *từ một đỉnh cao*. Chẳng hạn nói về dục tính: “Nếu con mắt các người lãng nhục các người, hãy móc mắt ra.”: may mắn thay không tín đồ Kitô giáo nào theo lời khuyên này. *Tiêu diệt* những đam mê và khát vọng chỉ vì sự điên cuồng của chúng, và để ngăn ngừa những hậu quả tai hại của chúng - dường như đối với chúng ta ngày nay chỉ là một hình thức bén nhọn của điên cuồng. Chúng ta không còn thần phục những nghệ sĩ chuyên *nhỏ rằng* để chúng không làm đau được nữa... Đàng khác có thể công bình chấp nhận rằng, trên lãnh vực mà Kitô giáo tăng trưởng, ý tưởng về sự “*tinh thần hoá đam mê*” không thể quan niệm được. Bởi Giáo Hội nguyên thủy, như mọi người đều biết, chống lại những kẻ “thông minh” vì lợi ích của những kẻ “nghèo khó trong tinh thần”, làm sao người ta có thể trông đợi nó một cuộc chiến thông minh chống lại đam mê được? Giáo Hội đánh phá những đam mê bằng cách làm cỏ tận rễ, biện pháp cách “chữa trị” của Giáo Hội là *thiến*. Giáo Hội không bao giờ hỏi: “Làm thế nào người ta có thể tinh thần hoá, tô điểm, thần thánh hoá một dục vọng?”- Giáo Hội luôn đặt nặng kỷ luật của mình lên sự tuyệt diệt (dục vọng, lòng kiêu căng, tham vọng quyền lực, biển lận, thù hận) - Nhưng tấn công đam mê tận gốc rễ của nó có nghĩa là tấn công cuộc đời tận gốc rễ của nó vậy: biện pháp của Giáo Hội *thù nghịch với cuộc đời*...

2.

Cũng phương thuốc đó: sự thiến và diệt dục đó, được chọn dùng một cách tự nhiên theo bản năng trong cuộc chiến đấu chống lại dục vọng bởi những ý chí quá yếu đuối, quá sa đoạ để có thể cưỡng bách dục vọng đó phải chấp nhận một giới hạn; bởi những bản chất cần *la Trappe*^[37], nói một cách ẩn dụ (và không hình ảnh), một sự khai chiến quyết liệt của lòng cừu hận, một *vực thẳm* ngăn cách giữa họ và đam mê. Chính những kẻ sa đoạ mới thấy những phương tiện triệt để là tối cần thiết; sự yếu đuối của ý chí, rõ rệt hơn sự bất lực *không* thể phản ứng chống lại một sự kích thích, chính nó mới là một hình ảnh của sa đoạ. Lòng cừu hận triệt để, sự căm thù không đội trời chung đối với nhục cảm luôn luôn là một triệu chứng trầm trọng cần phải xét lại; người ta có quyền đặt những giả thiết về tình trạng chung của một kẻ cực đoan về phương diện này. - Tuy nhiên, lòng cừu hận, sự căm thù này chỉ lên tới cao độ khi những bản chất này không còn đủ quả cảm ngay cả cho sự chữa trị tận gốc rễ, cho sự khước từ “ma quỷ” của họ. Thử nhìn lướt qua toàn thể lịch sử những tu sĩ và những triết gia, kể cả những nghệ sĩ nữa: những lời nói hiềm độc nhất nhằm chống lại giác quan *không* xuất phát từ những kẻ bất lực cũng *chẳng* từ những kẻ khổ hạnh, mà là từ những kẻ thấy mình không thể trở nên khổ hạnh, vì những kẻ cần trở nên khổ hạnh...

3.

Sự tinh thần hoá nhục cảm được gọi là *tình yêu*: đó là một chiến thắng lớn lao trên Kitô giáo. Một chiến thắng khác nữa là sự tinh thần hoá lòng *cừu hận* của chúng ta. Nó hệ tại sự thấu hiểu sâu xa giá trị của việc có kẻ thù: tóm lại, hệ tại sự hành động và suy tưởng ngược lại đường lối người ta hành động và suy tưởng ngày xưa. Giáo Hội bao giờ cũng chỉ muốn tiêu diệt kẻ thù: chúng ta, những kẻ vô luân và chống Kitô giáo, chúng ta thấy rằng Giáo Hội tồn tại là điều ích lợi cho chúng ta... Trong chính trị cũng vậy, lòng cừu hận đã trở nên tinh thần hơn - thận trọng hơn, chín chắn hơn, an hoà hơn rất nhiều. Hầu hết mọi đảng đối lập của họ không đi đến chỗ suy yếu là điều có lợi cho chính sự tự bảo tồn của họ; sự kiện này đúng cả trong trường hợp đại chính trị. Một sự sáng tạo mới, một Đế quốc chẳng hạn, cần thù hơn cần bạn: chỉ khi đối chọi, nó mới tự cảm thấy cần thiết, chỉ khi đối chọi, nó mới *trở nên* cần thiết... Chúng ta chấp nhận một thái độ tương tự đối với kẻ “nội thù”: ở đó chúng ta cũng tinh thần hoá cừu hận, ở đó chúng ta mới hiểu *giá trị* của nó. Người ta chỉ *phong phú* với điều kiện phải trả giá bằng cách có nhiều mâu thuẫn; người ta chỉ trẻ với điều kiện tâm hồn không nghỉ ngơi, tâm hồn không khát khao yên ổn. Không có gì xa lạ với chúng ta hơn cái khát vọng “thanh bình của tâm hồn” ngày xưa, khát vọng của người Kitô; không có gì khơi dậy trong lòng chúng ta ít thèm muốn cho bằng con bò cái luân lí và sự thoả mãn mập ú của lương tâm yên ổn... Người ta đã khước từ cuộc đời *vĩ đại* khi người ta khước từ chiến tranh... Quả thực, trong nhiều trường hợp, sự “thanh bình của tâm hồn” chỉ là một điều ngộ nhận, - nó là một cái gì *khác* không biết làm thế nào tự cho mình một cái danh xưng lương thiện hơn. Không quanh co và không thành kiến, đây là một vài trường hợp. Chẳng hạn sự “thanh thản của tinh thần” có thể là sự phát quang êm dịu của một thú tính phong phú vào trong lãnh vực luân lí (hay tôn giáo). Hay có thể là sự bắt đầu của mỗi một, bóng tối đầu tiên mà buổi chiều, tất cả mọi thứ chiều, toả ra. Hay có thể là một dấu hiệu chỉ rằng không khí ẩm ướt, rằng gió nồm sắp thổi. Hay có thể là lòng cảm ơn miễn cưỡng đối với một sự tiêu hoá tốt đẹp (đôi khi còn có tên là tình thương nhân loại). Hay có thể là sự tĩnh lặng tạm thời của người mới khỏi bệnh thấy tất cả mọi sự vật đều có một hương vị mới và chờ đợi... Hay có thể là trạng thái tiếp theo sau một sự thoả mãn mãnh liệt của nỗi đam mê mạnh nhất của chúng ta, cảm giác thích thú của một sự no đầy hiếm có. Hay có thể là sự suy nhược của ý chí chúng ta, của những ước vọng của chúng ta, của những tật xấu của chúng ta. Hay có thể là sự lười biếng, bị thuyết phục bởi lòng phù phiếm, tự trang điểm bằng luân lí. Hay có thể là sự xuất hiện của một niềm xác tín khủng khiếp, sau sự căng thẳng kéo dài và sự dày vò của hồ nghi. Hay có thể là sự biểu lộ của trưởng thành và tự chủ, giữa hành động, sự sáng tạo, cố gắng, ước muốn, một hơi thở lặng lẽ khi sự “tự do của ý chí” đã *đạt tới*... *Hoàng Hôn của những thần tượng*: Ai biết? Hay đó cũng có thể là một thứ “thanh bình của tâm hồn” mà thôi...

4.

Tôi đặt một nguyên tắc thành định thức. Tất cả mọi chủ trương duy nhiên trong luân lí, nghĩa là tất cả luân lí *lành mạnh*, đều bị chế ngự bởi bản năng sống ^[38], - một giới luật của cuộc sống nào đó, được làm tròn qua một qui luật “Phải” và “Không được”, một sự ngăn cấm hay một sự cừu hận nào đó trên đường đời, như thế đều bị gạt qua một bên. Luân lí *phản tự nhiên*, nghĩa là tất cả nền luân lí từ xưa tới nay đã được giảng dạy, tôn kính và thuyết giáo, ngược lại, chắc chắn nhằm chống lại những bản năng sống, nó là một sự *lên án* những bản năng này, khi thì bí mật, khi thì ồn ào và trơ trẽn. Khi nói rằng: “Thượng Đế nhìn thấu suốt con tim”, nó đã khước từ những ước vọng sâu xa nhất và cao viễn nhất của cuộc sống và coi Thượng Đế như *kẻ thù của cuộc đời*... Bậc Thánh mà Thượng Đế hài lòng là một kẻ bị thiếu lí tưởng... Cuộc đời chấm dứt ở nơi mà “nước Chúa” bắt đầu...

5.

Khi người ta đã hiểu sự phạm thượng trong một cuộc đời loạn chống lại cuộc đời như thế này, như nó đã trở thành cực kỳ tôn nghiêm trong luân lí Kitô giáo, chính nhờ điều đó người ta sẽ may mắn hiểu được thêm một vài điều khác nữa: đó là sự vô ích, mê vọng hão huyền, phi lí, dối trá của một sự nổi loạn như vậy. Vì một sự lên án cuộc đời bởi một kẻ đang sống cuối cùng chỉ là triệu chứng của một lối sống xác định nào đó: vấn đề sự lên án này đúng hay không đúng không hề được đặt ra. Người ta phải đặt mình ở *bên ngoài* cuộc đời, và mặt khác phải hiểu biết thấu suốt cuộc đời như bất kỳ, như đa số, như tất cả mọi người đã cảm nghiệm nó, mới được phép đụng chạm tới vấn đề *giá trị* của cuộc đời: đó là những lý do túc lí để thấy rằng vấn đề này là một vấn đề ở ngoài tầm đôi với chúng ta. Khi chúng ta nói về giá trị, chúng ta không nói vì cảm hứng và từ lảng kính của cuộc đời: chính cuộc đời buộc chúng ta phải thiết định những giá trị; chính cuộc đời đã đánh giá trị qua chúng ta khi chúng ta thiết định những giá trị ^[39] ... Do đó tất cả mọi luân lí *phản tự nhiên* coi Thượng Đế như khái niệm mâu thuẫn và lên án cuộc đời, thực ra đầu chỉ là một sự đánh giá giá trị cuộc đời, - cuộc đời *nào*? Thứ cuộc đời *nào*? - Nhưng tôi đã trả lời rồi: cuộc đời xuống dốc, suy nhược, mệt mỏi, bị lên án - Luân lí, như được hiểu từ xưa tới nay - như cuối cùng được thiết định thành định thức bởi Schopenhauer, như là sự “khước từ ý chí sinh tồn” - thứ luân lí này chính là *bản năng suy đồi*, tự biến thành một mệnh lệnh: nó nói: “Hãy diệt vong đi!” - đó là sự phán xét của những kẻ bị phán xét...

6.

Sau cùng chúng ta hãy thử xem người ta gây thơ đến chừng nào khi nói rằng: “Người ta phải thế này thế nọ!” Thực tế cho chúng ta thấy biết bao mẫu người kì lạ, biết bao sai biệt và biến đổi trong hình thức; thế mà nhà luân lí lười biếng đã đi rêu rao: “Không, con người bắt buộc phải khác”?... Hẳn còn biết con người bắt buộc phải khác *như thế nào* nữa, kẻ cuồng tín đáng thương này, hẳn tự vẽ chân dung hẳn lên tường và nói: “*ecce homo!*” ^[40] ... Nhưng ngay cả khi nhà luân lí quay sang nói riêng một mình với cá nhân: “Bạn phải giống như thế này!”, hẳn vẫn không ngừng khiến mình trở thành lỗ bịch. Cá nhân, trong quá khứ và trong hiện tại, là một mảnh định mệnh, một luật lệ thêm nữa, một thiết yếu thêm nữa cho tất cả những gì biến hiện và tất cả những gì sắp tới. Nói với nó: “Bạn hãy thay đổi bạn đi!” có nghĩa là đòi hỏi rằng tất cả phải thay đổi, ngay cả trong quá khứ... Quả thật, có nhiều nhà luân lí hợp lí khi muốn rằng con người phải khác, nghĩa là phải có đức hạnh, họ muốn hẳn phải rập theo hình ảnh của họ, theo hình ảnh của những kẻ giả đạo đức. Chính vì lẽ đó mà họ đã *chối bỏ* thế giới. Không phải không điên chút nào!... Chừng nào mà luân lí *lên án* vì lợi ích của chính nó, *không* đếm xỉa gì tới cứu cánh và mục đích của cuộc đời, thì nó là một sự sai lầm đặc biệt người ta không thể nương tay, một *đặc chất của những kẻ sa đoạ* đã gây ra không biết bao nhiêu là tai hại! Trái lại chúng ta, những kẻ phi luân, chúng ta mở rộng tâm hồn đón nhận tất cả mọi thứ hiểu biết, thấu hiểu và *tán thành* ^[41] . Chúng ta không phủ định một cách nông nổi dễ dàng, chúng ta tìm danh dự của chúng ta trong việc trở thành những *kẻ khăng định* ^[42] . Cặp mắt chúng ta luôn luôn mở rộng hơn nữa cho sự cần kiệm còn cần dùng và biết dùng tất cả cái mà sự điên rồ thiêng liêng của những tu sĩ và lí trí *bệnh hoạn* của những tu sĩ thải đi, cho sự cần kiệm trong luật đời rút tĩa lợi ích cho mình từ những loại đạo đức giả, những tu sĩ và những kẻ đức hạnh như nhóp nhắt, - lợi ích gì? - Nhưng mà chính chúng ta, chúng ta những kẻ phi luân, chính chúng ta đây đã là một lời giải đáp sống động rồi...

Bốn sai lầm trầm trọng

1.

Sai lầm giữa nguyên nhân và hậu quả. - Không có sự sai lầm nào nguy hiểm hơn sự *làm lẫn cho hậu quả là nguyên nhân*: tôi gọi điều đó là sự đảo điên thác loạn đích thực của lí trí. Tuy nhiên, sự sai lầm này là một trong những tập quán cố cựu nhất và mới mẻ nhất của nhân loại: nó còn được thần thánh hoá giữa chúng ta nữa, nó mang tên “tôn giáo” và “luân lí”. *Bất cứ* mệnh đề nào phát biểu, bởi tôn giáo và luân lí cũng đều chứa đựng sai lầm này; những tu sĩ và những kẻ thiết định qui tắc luân lí là những kẻ chủ xướng sự bại hoại này của lí trí. Tôi đan cử một thí dụ. Tất cả mọi người đều biết cuốn sách nổi tiếng của Cornaro trong đó ông ta giới thiệu sự ăn uống kiêng khem nghiêm nhặt của ông như phương pháp cho một đời sống lâu dài và sung sướng - một đời sống đức hạnh nữa. Ít có cuốn sách nào được đọc nhiều đến thế và ngay cả bây giờ ở Anh, mỗi năm người ta in hàng trăm ngàn cuốn. Tôi tin rằng ít có cuốn sách nào (trừ Kinh Thánh, dĩ nhiên) lại tác hại nhiều như thế, lại rút ngắn nhiều đời sống như sự kỳ lạ đầy hảo ý đó. Lý do: làm lẫn cho hậu quả là nguyên nhân. Tác giả người Ý đáng kính này nhìn thấy trong sự ăn uống kiêng khem là *nguyên nhân* của sự trường thọ của ông: trong khi điều kiện tiên quyết để sống lâu, sự chậm rãi lạ lùng trong sự tiêu hoá, sự thẩm thấu yếu ớt, là nguyên nhân của sự ăn uống kiêng cử của ông. Ông ta không tự ý muốn ăn nhiều ít thế nào cũng được, sự đam bạc của ông ta không phải là một “sự tự do theo ý muốn”: ông ta đau ốm ngay khi ông ta ăn nhiều. Nhưng khi người ta không phải là một kẻ ốm trơ xương thuộc loại đó, thì không những người ta phải ăn uống đầy đủ mà người ta còn tuyệt đối cần phải ăn uống đàng hoàng nữa. Một nhà bác học *thời đại chúng ta*, với sự tiêu thụ năng lượng trí não mau chóng, chẳng bao lâu sẽ tàn tạ với *régime* ^[43] của Cornaro, *Credo experto* ^[44].

2.

Định thức phổ quát dùng làm căn bản cho mọi tôn giáo và luân lí là: “Phải làm việc này việc nọ, không được làm việc này hay việc nọ - và người sẽ được sung sướng! Nếu không...” Tất cả mọi luân lí, mọi tôn giáo là mệnh lệnh đó, - tôi gọi đó là tội tổ tông của lí trí, sự *phi lí muôn đời*. Trong miệng tôi định thức này đổi thành ngược lại - thí dụ đầu tiên về sự “đảo hoán mọi giá trị” của tôi: một người cường tráng, một người “sung sướng” *bắt buộc* phải làm một số hành động nào đó và tự nhiên chùn lại sợ không dám làm một số những hành động khác; hắn mang đẳng cấp hắn tiêu biểu về phương diện sinh lí vào trong những giác quan của hắn với con người và sự vật. Phát biểu thành định thức: đức hạnh của hắn là *kết quả* của hạnh phúc hắn... ^[45] Cuộc sống trường thọ con cháu đầy đàn, *không phải* là phần thưởng của đức hạnh đúng hơn chính đức hạnh, là sự trì trệ trong tiến trình thẩm thấu mà một trong những hậu quả của nó là một cuộc sống trường thọ và hậu huệ đầy đàn, tóm lại, cái mà người ta gọi là *chủ thuyết Cornaro*. - Giáo Hội và Luân lí dạy: “Tật xấu và sự xa hoa làm tiêu diệt một chủng tộc hay một dân tộc.” Trái lại lí trí *đã được chỉnh đốn lại của tôi* khẳng định: “Khi một dân tộc diệt vong, suy đồi về phương diện sinh lí, thì từ đó mới nảy sinh những tật xấu và sự xa hoa (nghĩa là nhu cầu kích thích mỗi ngày một mạnh hơn và thường hơn, như tất cả những bản chất suy nhược đều biết). Gã trai trẻ kia gầy yếu xanh xao và mòn mỏi trước tuổi. Bạn bè hắn nói: bệnh này hay bệnh nọ là nguyên nhân của sự kiện đó. Tôi trả lời: *chính sự kiện* hắn bệnh tật, *chính sự kiện* hắn thất bại không thể chống lại bệnh hoạn, tự nó đã là hậu quả của một cuộc sống nghèo nàn, một sự suy nhược di truyền rồi. Những kẻ đọc báo ^[46] nói: đảng này sẽ suy sụp nếu phạm phải một lỗi lầm như thế. Chính trị cao viễn của tôi

trả lời: một đảng phái mà phạm phải một lỗi lầm như thế là đã đến lúc tàn mạt rồi vậy - nó không còn có sự chính xác bản năng nữa. Tất cả mọi lỗi lầm, bất cứ thuộc loại nào, là hậu quả của sự suy đồi của bản năng, của sự phân hoá của ý chí: đó hầu như là định nghĩa của cái *xấu*. Tất cả mọi sự *tốt lành* là bản năng ^[47] - và do đó dễ dàng, thiết yếu, thông dong. Sự cố gắng là một vấn nạn, thần thánh đặc biệt khác hẳn người anh hùng (nói theo ngôn ngữ của tôi: đôi chân nhẹ nhàng là đặc tính đầu tiên của thần tính).

3.

Sai lầm về một giả nguyên nhân. - Người ta luôn luôn tưởng mình biết thế nào là một nguyên nhân; nhưng chúng ta rút sự hiểu biết của chúng ta, hay đúng hơn, lòng tin tưởng vào sự hiểu biết của chúng ta, từ đâu ra? Từ lãnh vực của những “sự kiện nội tại” lừng danh mà cho đến bây giờ chưa có một sự kiện nào tự chứng tỏ là một sự kiện xác thực. Chúng ta tin tưởng chúng ta là tác nhân trong hành động theo ý chí: ít ra là ở đây chúng ta tin rằng chúng ta *bắt được quả tang nguyên nhân* giữa đường trường. Tương tự như vậy, người ta không bao giờ ngờ được rằng mọi *anteccedentia* ^[48] của một hành động, nguyên nhân của nó, phải tìm trong ý thức và có thể khám phá thấy ở đấy nếu người ta tìm kiếm chúng - như những “duyên có”: bởi nếu không người ta đã không *tự do* hành động, chịu trách nhiệm về hành động đó. Cuối cùng, kẻ nào đã bàn cãi rằng một tư tưởng đã được khởi lên, rằng cái tôi đã khơi nguồn tư tưởng?... Từ ba “sự kiện nội tại” và nhờ đó nguyên nhân hầu như được đảm bảo, nguyên nhân thứ nhất và cũng là nguyên nhân hùng hồn nhất, là *ý chí như là nguyên nhân*; quan niệm về một ý thức (“tinh thần”) như nguyên nhân, và sau đó quan niệm về cái tôi (“chủ thể”) như nguyên nhân chỉ là sản phẩm hậu sinh, sau khi nguyên nhân, trên nền tảng ý chí, đã được thiết định vững vàng như một sự kiện, như kinh nghiệm... Trong khi đó chúng ta suy nghĩ chín chắn hơn về điều đó. Tất cả những điều đó ngày nay chúng ta không còn tin tưởng một chữ nào nữa. “Thế giới nội tại” đầy những ảo ảnh và ánh sáng giả tạo: ý chí là một trong những ảo ảnh đó. Ý chí không còn chuyển động được cái gì nữa, do đó không còn giải thích được gì nữa - nó chỉ đi theo những biến cố, nó còn có thể vắng mặt nữa. Cái được gọi là “duyên có”: một sự lầm lẫn khác. Đó chỉ là một hiện tượng hời hợt của ý thức, một cái gì đi bên cạnh hành động, che dấu hơn là bày tỏ những tiền sự của hành động. Còn về phần *cái tôi*! Cái tôi đã trở thành một huyền thoại, một sự tưởng tượng, một trò chơi chữ: nó đã hoàn toàn ngừng suy nghĩ, cảm và muốn!... Từ đó xảy ra điều gì? Không có cái gì là nguyên nhân tinh thần cả! Toàn thể nền tảng kinh nghiệm vững chắc bảo đảm cho nó đã đi đời nhà ma! *Đó* là cái nối tiếp theo! - Và chúng ta đã lạm dụng “duy nghiệm thuyết” một cách khôn ngoan, chúng ta đã *sáng tạo* thế giới trên nền tảng của nó như một thế giới của nguyên nhân, như một thế giới của ý chí, như một thế giới của tinh thần. Nền tâm lý học cổ điển nhất và sống dai dẳng nhất đã ra tay làm việc ở đây, thực ra nó không làm việc gì khác: tất cả mọi biến cố đối với nó đều là hành động, tất cả mọi hành động đều là hậu quả của một ý chí; đối với nó thế giới trở thành vô vàn tác nhân, một tác nhân, một “chủ thể” nằm tại căn đế của mọi biến cố. Con người đã phóng ra ngoài nó ba “sự kiện nội tại” mà nó tin tưởng chắc chắn, là ý chí, tinh thần và tự ngã, - trước hết nó diễn dịch ý niệm về hữu thể từ ý niệm về tự ngã, nó giả thiết “sự vật” hiện hữu theo hình ảnh nó, theo ý niệm của nó về tự ngã như là nguyên nhân. Có gì đáng ngạc nhiên đâu khi sau này nó luôn tìm thấy trong sự vật *cái mà nó đã đặt vào trong sự vật?* - Chính sự vật, xin nhắc lại lần nữa, khái niệm về sự vật, chỉ là phản ảnh của niềm tin vào tự ngã như là nguyên nhân... Và ngay cả nguyên tử của quý vị, thừa quý vị theo cơ giới luận và vật lý học, thứ tâm lý sai lầm không biết chừng nào mà kẻ vẫn bám chặt vào nguyên tử của quý vị! - Ấy là chưa nói gì về “sự vật tự nội”, cái *horrendum pudendum* ^[49] của nhà siêu hình học! Sự sai lầm của tinh thần được coi như nguyên nhân,

lẫn lộn với thực tại! Và đo lường thực tại! Và được gọi là Thượng Đế!

4.

Sai lầm về những nguyên nhân tưởng tượng. - Lấy giấc mơ làm khởi điểm: với một cảm giác xác định nào đó, chẳng hạn cảm giác gây ra bởi tiếng súng đại bác từ phía xa, một nguyên nhân liền sau đó thường được gắn ghép vào (thường là cả một cuốn tiểu thuyết nhỏ mà dĩ nhiên kẻ mơ mộng là nhân vật chính). Trong khi đó cảm giác tiếp tục kéo dài, như một thứ âm hưởng dội lại, một cách nào đó nó chờ đợi cho đến khi bản năng về nguyên nhân cho phép nó đi lên hàng đầu - từ nay trở đi không phải như một sự tình cờ nữa mà như một “ý nghĩa”. Tiếng súng đại bác tự biểu lộ dưới hình thức *nguyên nhân*, trong một sự đảo lộn thời gian thấy rõ. Cái đến sau, trình bày duyên cớ, lại được cảm nghiệm trước, thường với hàng trăm chi tiết lướt qua như một tia chớp, tiếng súng *tiếp theo*... Điều gì đã xảy ra? Những ý tưởng *được tạo ra* bởi một trạng thái đặc biệt được diễn dịch sai lầm như nguyên nhân của chính trạng thái đó. Quả thực, chúng ta hành động tương tự như vậy khi chúng ta tỉnh thức. Phần lớn những cảm giác tổng quát của chúng ta - tất cả mọi loại câu thúc, dồn ép, căng thẳng, bột phát trong tác động hỗ tương của những giác quan, và đặc biệt hơn nữa trạng thái của *nervus sympathicus*^[50] - kích động bản năng về nguyên nhân của chúng ta: chúng ta muốn có một *lý do* để được ở trong một trạng thái như thế như thế - để cảm thấy mạnh khoẻ hay đau yếu. Chẳng bao giờ chúng ta thoả mãn khi chỉ nghiệm thấy sự kiện chúng ta cảm thấy thế này hay thế nọ: chúng ta chỉ chấp nhận sự kiện - chúng ta chỉ *ý thức* về nó - khi nào chúng ta đã cung cấp cho nó một thứ nguyên nhân nào đó. - Ký ức, trong những trường hợp này, tự nhiên trở nên linh động một cách máy móc, mang gọi lại những trạng thái trước tương tự như vậy và những diễn giải - nguyên nhân liên kết với chúng, - chứ *không phải* nguyên nhân của chúng. Chắc chắn sự tin tưởng rằng những ý tưởng, những tiến trình song hành của ý thức, là nguyên nhân, cũng do ký ức đem lại. Do đó nảy ra *thói quen* về một cách diễn giải nguyên nhân nào đó, quả thực, ngăn trở và cấm đoán nữa, sự *truy tìm* nguyên nhân đích thực.

5.

Giải thích tâm lí sự kiện trên. - Lôi kéo một cái gì chưa biết về cái đã biết rồi, là trấn an tinh thần, làm tinh thần nhẹ nhõm, thoả mãn, ngoài ra còn tạo ra một cảm thức về sức mạnh. Cái chưa biết bao hàm sự nguy hiểm, bất an, lo âu - bản năng đầu tiên là diệt trừ những hoàn cảnh đau đớn này. Nguyên tác thứ nhất: bất cứ một giải thích nào đó cũng hơn là thiếu giải thích. Bởi vì tựu trung chỉ cần trừ khử những ý tưởng ghê sợ, người ta không cần lưu tâm tới những phương tiện dùng để trừ khử chúng: cái ý tưởng thứ nhất, nhờ nó, cái chưa biết tự chứng tỏ là cái biết rồi tạo ra một cảm giác thoải mái đến nỗi nó “được coi là đúng”. Chúng cứ *khoái lạc* (“sức mạnh”) như tiêu chuẩn của chân lí. - Vậy bản năng - nguyên nhân được điều kiện hoá và kích thích bởi cảm giác sợ hãi. Câu hỏi “tại sao?”, nếu có thể, không những cung cấp nguyên nhân cho chính nó, mà còn cả một *thứ nguyên nhân* nữa - một nguyên nhân trấn an, giải thoát và làm tinh thần nhẹ nhõm. Kết quả đầu tiên của nhu cầu này là một cái gì *đã biết* nay đã hoàn toàn kinh nghiệm và được ghi nhận trong kí ức, được đặt làm nguyên nhân. Cái mới lạ, cái chưa kinh nghiệm, cái xa lạ bị loại khỏi nguyên nhân. - Vậy thì người ta không tìm một giải thích về nguyên nhân mà là tìm một lối giải thích *chọn lọc* và *được ưa chuộng*, lối giải thích tiêu trừ nhanh chóng nhất và thường nhất cái cảm giác xa lạ, chưa kinh nghiệm - những lối giải thích *thông thường* nhất. - Hậu quả: một lối qui định nguyên nhân có khuynh hướng đi tới chỗ càng ngày càng che ngụy nhiều hơn nữa, trở thành tập trung trong một hệ thống và cuối cùng đi tới chỗ *độc tôn* nghĩa là loại trừ những nguyên nhân *khác* và những giải thích *khác*. Chủ ngân hàng nghĩ ngay tới “áp- phe”, tín đồ Kitô giáo nghĩ tới “tội lỗi”, thiếu nữ nghĩ tới “tình yêu” của mình.

6.

Toàn thể lãnh vực luân lí và tôn giáo thuộc về ý niệm “những nguyên nhân tưởng tượng đó”. - “Giải thích” về cảm giác *khó chịu* chung. Những cảm giác này tùy thuộc nơi những kẻ thù nghịch với chúng ta (những tinh thần tội lỗi: đó là trường hợp nổi tiếng nhất - những kẻ mắc bệnh ưu uất thần kinh bị hiểu lầm là phù thủy). Những cảm giác này tùy thuộc những hành động không thể thẩm định (cảm thức “tội lỗi”, “phạm tội” được gán cho một sự khó chịu thuộc về sinh lí - người ta luôn luôn tìm thấy lí do để bất mãn với chính mình). Những cảm giác này tùy thuộc sự trừng phạt, chuộc lại một việc gì mà chúng ta đã không được làm, một cái gì mà chúng ta đã không được là (ý tưởng được tổng hợp, dưới một hình thức trở trên, thành một mệnh đề trong đó luân lí hiện ra đúng chân tướng của nó, nghĩa là như chất kịch độc và sự phỉ báng cuộc đời: “Tất cả mọi đau đớn, thuộc thể xác hay tinh thần, đều cho thấy chúng ta xứng đáng được, bởi nó không đến với chúng ta nếu chúng ta không xứng đáng nhận lãnh nó. (Thế giới như Ý Chí và Biểu Tượng II, 666). Những cảm giác này tùy thuộc những hành động bông bột thiếu suy nghĩ có những hậu quả tai hại (- những đam mê, những giác quan bị coi như là nguyên nhân, như là phạm tội; những tai biến sinh lí trở thành hình phạt “xứng đáng” nhờ những tai biến khác). - “Giải thích” những cảm giác *dễ chịu* chung. Những cảm giác này tùy thuộc lòng tin tưởng vào Thượng Đế. Chúng cũng tùy thuộc ý thức về những hành động tốt (cái mà người ta gọi là “lương tâm yên ổn”, một trạng thái sinh lí đôi khi giống như một sự tiêu hoá tốt, như nó thường bị hiểu lầm như thế.) Chúng tùy thuộc kết quả thành công của một vài công việc nào đó (- Kết luận ngây thơ: kết quả thành công của một công việc không mang lại cho một người mắc bệnh ưu uất hay một Phascal bất cứ một cảm giác thú vị chung nào cả). Chúng có thể tùy thuộc đức tin, tình yêu và lòng hy vọng - những đức tính Kitô giáo. Trong thực tế, tất cả những cái tự nhận là giải thích này chỉ là những hậu quả của những trạng thái thú vị hay khó chịu nào đó và được di dịch sang một thổ ngữ sai lầm: một người ở trong trạng thái hi vọng *bởi vì* cảm giác sinh lí trời vượt hơn cả của con người hấn, một lần nữa lại mãnh liệt và đầy đủ; người ta tin tưởng vào Thượng Đế *bởi vì* cảm giác về sự tràn đầy và sức mạnh mang lại cho tâm trí hấn sự nghỉ ngơi. - Luân lý và tôn giáo hoàn toàn thuộc về *tâm lí học về lầm lẫn*; trong bất kì trường hợp đặc thù nào nguyên nhân cũng bị lầm lẫn với hậu quả hoặc chân lí với hậu quả của cái mà người ta *coi* như chân lí; hay hơn nữa, một trạng thái của ý thức với một chuỗi nguyên nhân gây ra trạng thái này. -

7.

Sự sai lầm của tự do ý chí. - Ngày nay chúng ta không còn chút thiện cảm nào đối với khái niệm về “tự do ý chí” nữa: chúng ta biết nó quá rõ - cái xảo thuật thần học khả ố nhất trần đời của những nhà thần học để khiến cho nhân loại “có trách nhiệm” theo kiểu những nhà thần học, nghĩa là: *làm cho nhân loại tùy thuộc vào những nhà thần học*... Ở đây tôi chỉ nêu ra tâm lí của khuynh hướng làm con người có trách nhiệm này. - Ở bất cứ nơi nào mà người ta tìm kiếm trách nhiệm thì thường là bản năng *trừng phạt và kết án* bắt tay vào việc tìm kiếm. Biến dịch bị tước đoạt mất sự hồn nhiên vô tội khi người ta đưa bất cứ một trạng thái nào về ý chí, ý định, về những hành động có trách nhiệm: lí thuyết ý chí được tạo ra chủ yếu nhằm mục đích trừng phạt, nghĩa là với *ý định vạch tội*. Toàn thể tâm lí học cổ điển, tâm lí học chủ ý chí bắt nguồn từ sự kiện những người tạo ra nó, những tu sĩ đứng đầu những tập thể cổ xưa, muốn tạo ra *quyền* ra hình phạt - hay đúng hơn họ muốn tạo ra quyền đó cho Thượng Đế... Con người được coi là “tự do” để có thể bị kết án và trừng phạt, - để có thể *có tội*: do đó tất cả mọi hành động đều *phải* coi như do ý muốn, nguồn gốc của tất cả mọi hành động như nằm trong ý thức (- do đó sự giả mạo *căn bản nhất in psychologicis* được đặt làm nguyên tắc của chính tâm lí học)... Ngày nay khi chúng ta đi vào hướng *ngược lại*, khi chúng ta, những kẻ vô luân, cố gắng

tìm kiếm loại khỏi thế giới những khái niệm về tội lỗi và hình phạt, cũng như tẩy sạch tâm lý học, lịch sử, thiên nhiên, những cơ cấu và luật lệ xã hội, chúng ta nhận thấy chúng ta không có đối thủ nào triệt để hơn những nhà thần học, những kẻ tiếp tục làm ung độc sự hồn nhiên của biến dịch với “tội lỗi” và “hình phạt” bằng khái niệm về “trật tự luân lý”. Kitô giáo là siêu hình học của đao phủ...

8.

Lí thuyết duy nhất của *chúng ta* có thể là gì? - Là không một ai có thể *cho* con người những đặc tính của nó, ngay cả Thượng Đế, xã hội, cha mẹ và tổ tiên, ngay cả *chính hần* nữa (- ý tưởng phi lý cuối cùng bị bác bỏ ở đây, đã được giảng dạy như “tự do minh nhiên” của Kant và có thể bởi Platon trước nữa). *Không một ai* chịu trách nhiệm bởi sự kiện hần hiện hữu, hay được cấu tạo như con người hiện tại của hần, hoặc sống trong những hoàn cảnh và môi trường trong đó hần đang sống cả. Định mệnh của bản chất hần không thể tách khỏi định mệnh của tất cả những cái đã là và sẽ là. Hần *không* phải là kết quả của một ý hướng cá biệt, một ý chí, một mục đích nào, hần *không* phải là một sự thí nghiệm để đạt tới một “con người lí tưởng” hay một “hạnh phúc lí tưởng” hoặc một “đạo đức lí tưởng” thật là phi lý khi muốn *lái* bản chất hần về bất cứ mục tiêu nào khác. *Chúng ta* đã tạo ra ý tưởng về mục đích: trong thực tế không có “mục đích”... Con người vốn thiết yếu, con người là một mảnh định mệnh, con người thuộc toàn thể, con người ở trong toàn thể - không có gì có thể phán đoán, đo lường, so sánh, lên án cuộc hiện hữu của chúng ta... *Nhưng không có gì bên ngoài toàn thể!* - Không một ai còn có trách nhiệm nữa, loại hạng của hữu thể không thể đưa về *causa prima* ^[51] được nữa, thế giới là một nhất thể không phải như thế giới khả giác cũng không phải như tinh thần *duy có* điều này là sự giải thoát tối thượng - duy bởi đó sự *hồn nhiên* của Biến dịch được khôi phục lại... Ý tưởng về “Thượng Đế” cho tới bây giờ là một *vấn nạn* lớn lao nhất đối với cuộc đời... Chúng ta khước từ Thượng Đế, chúng ta khước từ trách nhiệm nơi Thượng Đế: chỉ *bằng cách đó thôi* chúng ta mới cứu vớt được thế giới.

Những kẻ muốn “cải thiện” nhân loại

1.

Người ta biết điều tôi đòi hỏi nơi những triết gia: họ phải đặt mình *bên kia* thiện ác, - họ phải đặt ảo tưởng về phán đoán luân lí *bên dưới* họ. Sự đòi hỏi này là kết quả của một cuộc khảo sát mà tôi phát biểu lần thứ nhất: tôi đi tới chỗ kết luận rằng: *không hề có những sự kiện luân lí*. Phán đoán luân lí đồng ý với phán đoán tôn giáo trong sự tin tưởng vào những thực tại không có. Luân lí chỉ là một sự diễn giải một số những hiện tượng nào đó, nhưng là một sự diễn giải sai lầm. Phán đoán luân lí, hết như phán đoán tôn giáo, thuộc về một bình diện ngu dốt nơi ý niệm về thực tại, sự phân biệt giữa thực và mộng tưởng chưa có: đến nỗi rằng, trên một bình diện tương tự, “chân lí” chỉ biểu thị những sự vật mà ngày nay chúng ta gọi là “tưởng tượng”. Đó là lí do tại sao phán đoán luân lí không bao giờ được coi là đứng đắn cả: như thế bao giờ nó cũng chỉ chứa đựng cái vô nghĩa. Nhưng, như một *lí thuyết về kí hiệu*, nó có một giá trị vô cùng quý báu: nó phát hiện, ít nhất cho những người hiểu biết, những thực tại *quý giá* nhất của những nền văn hóa và những thế giới bên trong *chưa hiểu biết* đủ để tự “hiểu” mình. Luân lí chỉ là ngôn ngữ của những dấu hiệu, một triệu chứng học, người ta phải biết trước nó chỉ *cái gì* để có thể rút lợi ích từ đó.

2.

Đây là thí dụ thứ nhất, hoàn toàn có tính cách tạm thời. Bất cứ thời nào người ta cũng muốn “cải thiện” con người cả: chính cái đó, trước hết, được gọi là luân lí. Nhưng dưới cùng một danh từ có thể ẩn dấu nhiều khuynh hướng khác biệt nhau nhất. Sự *thuần hoá* con vật người cũng như *sự nuôi nấng* một loại người nào đó đều có thể gọi là sự “cải thiện” được cả: chỉ có những danh từ thuộc về động vật học mới chỉ đúng những thực tại, - nhưng đó là những thực tại mà “kẻ cải thiện”, những giáo sĩ, quả thực, không biết gì cả, - không *muốn* biết gì cả... Gọi là “cải thiện” sự thuần hoá của một con vật, đối với lỗ tai của chúng ta nó hầu như một lời lừa gạt. Ai biết được điều xảy ra trong những chuồng thú, nhưng tôi không tin con vật được “cải thiện” ở đây. Người ta làm yếu nó đi, người ta làm nó trở nên bết ngụy hiểm, bởi cảm thức suy nhược tinh thần của sự sợ hãi, bởi đau đớn, bởi sỉ nhục, bởi đói khát, người ta khiến nó thành con vật *ốm đau bệnh hoạn* - Chẳng khác gì con người thuần thực mà những giáo sĩ đã “cải thiện”. Trong những năm đầu thời Trung Cổ, khi Giáo Hội trước hết là một chuồng thú, khắp nơi người ta tổ chức những cuộc săn những loại thú “tóc vàng” đẹp dễ nhất ^[52] - người ta “cải thiện” những dân Nhật Nhĩ Man quý phái chẳng hạn. Nhưng sau đó một kẻ dòng Nhật Nhĩ Man trông ra sao khi đã được “cải thiện” và đưa vào tu viện? Nó có vẻ như một bức hí hoạ của con người, một sự sa sầy: người ta đã làm nó thành một kẻ “phạm tội”, nó bị nhốt trong lồng, người ta đã nhốt nó trong những khái niệm khủng khiếp... nó nằm đó, đau ốm, khốn khổ, lòng đầy hờn oán đối với chính mình; đầy thù hận đối với những bản năng hướng về đời sống, đầy nghi ngờ tất cả những gì còn khoẻ mạnh và sung sướng. Tóm lại, nó là một “tín đồ Kitô giáo”... Nói theo danh từ sinh lí học: trong trận đấu với mãnh thú, làm nó bệnh hoạn *có thể* là cách duy nhất làm nó yếu đi. Đó là điều Giáo Hội đã hiểu: Giáo Hội đã làm *hur hỏng* con người, Giáo Hội đã làm nó suy yếu đi - nhưng Giáo Hội lớn tiếng tuyên bố đã “cải thiện” con người...

3.

Chúng ta hãy xét một trường hợp khác của cái tự nhận là luân lí, trường hợp *nuôi dưỡng* một chủng loại đặc biệt nào đó. Thí dụ hùng vĩ nhất được cung hiến bởi luân lí Ấn Độ, được tôn giáo chuẩn nhận, là “Luật Manu”. Ở đây người ta đặt ra vấn đề phải nuôi không dưới bốn giai cấp cùng một lúc. Một giai cấp tăng lữ, một giai cấp chiến sĩ, một giai cấp thương gia và làm ruộng, và cuối cùng một giai cấp tôi tớ, giai cấp Sudra. Hiển nhiên ở đây chúng không có ở giữa đám người dậy thú nữa: một loại người một trăm lần dịu dàng và biết lễ phải là điều kiện tiên quyết để đi tới chỗ quan niệm chương trình nuôi dưỡng như vậy. Người ta thở một hơi dài tự do khi ra khỏi bầu không khí Kitô giáo, bầu không khí của bệnh viện và của ngục tù, vào trong một thế giới lành mạnh hơn, cao ráo hơn và *rộng rãi* hơn? Tân Ước nghèo nàn xiết bao khi so với Manu và nó nặng mùi xiết bao! - Nhưng chính sự tổ chức này cũng cần phải khủng khiếp, - lần này không phải với dã thú mà với phản đề *của nó* với con người không được nuôi dưỡng, con người tạp nhạp, giai cấp Tchândâla^[53]. Và lại một lần nữa nó không có cách gì làm yếu và vô hại hơn là cách làm cho nó *bệnh hoạn* - đó là cuộc tranh đấu với “đại đa số”. Có lẽ không có gì xúc phạm tình cảm của chúng ta cho bằng những biện pháp phòng ngừa của luân lí Ấn Độ. Sắc lệnh thứ ba chẳng hạn (*Avadhna - sastra* I) sắc lệnh về “rau cỏ như bần” phán quyết rằng thực phẩm duy nhất dành cho giai cấp Tchândâla là hành và tỏi, nhân vì Thánh Kinh cấm cho họ mề cốc hay trái cây có hạt hoặc *nước* hay lửa. Cũng sắc lệnh đó phán quyết rằng nước mà họ cần dùng không được lấy từ sông hay suối hoặc ao hồ, mà chỉ được lấy từ đầm lầy và những vũng nước chân thú vật. Họ còn không được phép giặt giũ quần áo và *tắm rửa* bởi vì nước họ được ban cho vì nhân đạo chỉ được dùng với mục đích duy nhất là giải khát. Sau cùng, những phụ nữ Sudra không được phép giúp đỡ những phụ nữ Tchândâla khi sinh đẻ, và những người phụ nữ sau này cũng không được phép giúp đỡ *lẫn nhau*... - Kết quả của những qui tắc vệ sinh này thấy rõ ngay: bệnh dịch chết người, bệnh phong tình ghê khiếp và như hậu quả của nó, một lần nữa “luật của lưỡi dao”, ban lệnh cắt bao bì qui đầu của những đứa bé trai và cắt bỏ *labia minora*^[54] của những đứa bé gái. - Chính Manu nói: “Giai cấp Tchândâla là kết quả của ngoại tình, loạn luân và tội ác” (- đó là hậu quả *thiết yếu* của ý tưởng nuôi dưỡng). Quần áo chúng chỉ là những giẻ rách lấy từ những xác chết, chén bát là những bình, hũ bẻ, đồ trang sức là sắt gỉ, và ma quỷ là đối tượng thờ phượng của chúng; chúng phải đi lang thang hết nơi này tới nơi khác, không được nghỉ ngơi. Chúng không được viết từ trái sang phải và viết bằng tay phải; sự sử dụng tay phải và viết từ trái sang phải dành cho những người *đức hạnh*, cho những người thuộc *chủng tộc* cao quý.

4. Những qui tắc này khá rõ ràng: qua chúng, ta thấy nhân tính của dòng *Aryan*, hoàn toàn sơ khai, chúng ta thấy ý tưởng “huyết thống tinh túy” là sự ngược lại của một ý tưởng vô hại. Trái lại, nó trở nên rõ rệt trong dân tộc *nào* sự thù hận, sự thù hận giai cấp Tchândâla đối với “nhân tính” này đã được bắt tử hoá, nơi nó đã trở thành *thần thánh*... Từ quan điểm này, Phúc Âm là những tài liệu thượng hạng; Sách của Enoch còn hơn thế nữa. - Kitô giáo nảy sinh từ gốc rễ Do Thái, chỉ có thể hiểu được như sản phẩm của mảnh đất, trình bày sự *phản động* chống lại luân lí nuôi dưỡng, dòng giống, đặc ân - đó là tôn giáo - chống lại *Aryan đệ nhất*: Kitô giáo, là sự đảo hoán mọi giá trị Aryan, sự chiến thắng của những giá trị Tchândâla, Phúc Âm giảng cho dân nghèo và hạ tiện, sự nổi loạn tập thể của tất cả những kẻ bị chà đạp, những kẻ bần cùng, xấu hổ, bạc phước chống lại “dòng giống”, - sự trả thù vĩnh viễn của giai cấp Tchândâla trở thành *tôn giáo của tình yêu*...

5. Luân lí của sự *nuôi dưỡng* và luân lí của sự *thuần hoá* vô cùng giá trị bởi những phương tiện chúng

dùng để đạt tới cứu cánh, chúng ta có thể thiết định như qui luật thứ nhất của chúng ta rằng để *làm ra* luân lí, người ta phải có ý muốn vô điều kiện cái nghịch lại. Đó là vấn đề lớn lao, vấn đề *kì quái* mà tôi đeo đuổi từ lâu: tâm lý: của “những kẻ muốn cái thiện” nhân loại. Một sự kiện nhỏ và khá khiêm tốn, sự kiện tự nhận là *pia fraus* ^[55], đã mở cho tôi lối vào đầu tiên vấn đề này: *pia fraus*, di sản của tất cả những triết gia và giáo sĩ đã “cải thiện” nhân loại. Cả Manu lẫn Platon, cả Khổng Tử lẫn những giáo phụ Do Thái và Kitô giáo, chẳng người nào nghi ngờ *quyền* nói láo của họ. Họ cũng chẳng nghi ngờ nhiều *quyền khác* nữa của họ... Nếu muốn diễn tả thành định thức, người ta có thể nói: *tất cả* mọi phương tiện từ xưa tới nay được dùng nhằm mục đích làm cho con người đạo đức đều hoàn toàn vô luân. —

*

Những cuộc ngao du của con người phi thời

1.

Những bất khả của tôi. - *Sénéque*: hay kẻ đầu bò của đức hạnh. - *Rousseau*: hay sự trở về thiên nhiên *in impuris naturalibus* ^[56]. - *Schiller*: hay kẻ giống Trống khua Chiêng - Đạo đức ở Sackingan ^[57]. - *Dante*: hay con lang làm thơ trong mộ. - *Kant*: hay sự lễ độ giả dối như đặc tính trí tuệ. - *Victor Hugo*: hay đèn pha của đại dương phi lí. - *Listz*: hay thiên tài âm nhạc - bên đàn bà. - *George Sand*: hay *lactea uberta* ^[58] nói theo tiếng Đức: die Milchkuh mit “schonem Stil” ^[59]. - *Michelet*: hay sự hăng say đã cởi áo khoác ngoài. - *Carlyle*: hay chủ trương bi quan như sự tiêu hoá trì trệ. - *John Stuard Mill*: hay sự minh bạch tổn thương. - *Les frères de Goncourt* ^[60]: hay hai tên Ajax chiến đấu chống lại Homène. Nhạc của Offenbach. *Zola*: hay “thú phóng uế”.

2.

RENAN. - Thần học, hay là sự đòi bại của lí trí bởi “tội tổ tông” (Cơ đốc giáo). Bằng chứng: Renan, kẻ bất cứ khi nào phải liệu lĩnh đưa ra một tiếng *phải* hay *không* về một vấn đề thông thường, đều sai trật với một sự tuân thủ theo đúng kỉ luật một e dè thận trọng kiểu thầy dòng. Chẳng hạn ông ta muốn nối kết chặt chẽ *la science* và *la noblesse* ^[61] lại với nhau; nhưng khoa học thuộc về chế độ dân chủ, điều đó quá hiển nhiên. Ông ta muốn trình bày không phải không có tham vọng, một sự quý phái tinh thần; nhưng đồng thời ông qui trước lí thuyết đối nghịch, *évangile des humbles* ^[62] và không phải chỉ qui gối mà thôi... Làm gì bằng tất cả những tinh thần tự do, tân tiến, tất cả sự diễu cợt, tất cả sự thay đổi địa vị một cách mềm mỏng, uyển chuyển đó, khi tận đáy lòng, người ta vẫn là tín đồ Cơ Đốc, Kitô giáo và ngay cả linh mục nữa? Renan có tài tìm tòi những sáng kiến để hấp dẫn, giống như một giáo sĩ dòng Gia Tô hội hay một linh mục chuyên nghe xưng tội; tinh thần ông không thiếu nụ cười nhân hậu giả dối rộng mở của thầy dòng - giống như tất cả những linh mục, ông ta chỉ trở nên nguy hiểm khi ông ta yêu. Không ai có thể sánh được với ông trong cách yêu quý chết người. Cái tinh thần này của Renan, một tinh thần bạc nhược, là một tai ương thêm vào cho nước Pháp bệnh hoạn đáng thương, ý chí suy vi. —

3.

SAINTE-BEUVE. - Không có chút đàn ông tính nào trong ông ta; ông ta đầy lòng thù hận nhỏ nhen đối với tất cả những tinh thần hùng tráng. Ông ta lang thang đây đó tinh tế, tò mò, chán chường tọc mạch -

một người đàn bà tại căn đề, với những sự trả thù của đàn bà và nhục cảm đàn bà. Là một tâm lý gia, ông ta là thiên tài *médisance*^[63]; khả năng khai thác chuyện dèm xiêm bất tận, không ai biết cách pha trộn độc dược với lời tán dương giỏi hơn. Những bản năng hạ đẳng của ông ta đều hạ lưu và bà con gần gũi với tính *resentiment*^[64]; của Rousseau: *do đó* ông ta là một kẻ theo phong trào lãng mạn, - bởi dưới mọi *romantisme*^[65] đều có bản năng trả thù của Rousseau châu chực, rình mò. Ông ta là một nhà cách mạng, nhưng dằn nén quá kỹ vì sợ hãi. Không độc lập trước tất cả những gì có sức mạnh (dư luận, hàn lâm viện, triều đình, ngay cả Port royal). Bực tức chống lại tất cả những gì vĩ đại trong người và sự vật, chống lại tất cả những gì tự tin nơi mình. Đủ là một thi sĩ và nửa - đàn bà để cảm thức sức mạnh của những gì vĩ đại; không ngừng co rúm như con sâu trong tục ngữ bởi ông ta luôn luôn cảm thấy bị chà đạp dưới gót chân. Là một nhà phê bình, ông ta không có tiêu chuẩn phê phán, không tiêu chuẩn hướng dẫn và không xương sống. Mặt dầu ông ta có miệng lưỡi của một *libertin*^[66] quốc tế nhưng lại thêu can đảm nhìn nhận *libertinage* của mình. Là một nhà sử học không có triết lý, không có *sức mạnh* của viễn quan triết lý, - chính vì lý do đó ông khước từ trách nhiệm phê phán trong tất cả những vấn đề quan yếu, bằng cách dùng “khách quan tính” như một cái mặt nạ. Tuy nhiên ông ta có một thái độ khác hẳn trước những sự vật mà trong đó năng khiếu tinh tế và lão luyện là tối cao pháp viện: ở đó ông ta có can đảm và thích thú là chính mình, - ở đó ông là *bậc thầy*. - Về một vài phương diện, đó là một kiểu mẫu đầu tiên của Baudelaire.

4.

IMITATIO CHRIST^[67] là một trong những cuốn sách tôi không thể cầm mà không cảm thấy gớm tay^[68]: nó toát ra một *mùi* người nữ vĩnh cửu^[69] mà người ta phải là dân Pháp - hay là một tín đồ của Wagner mới chịu nổi... Ông thánh này có một lối nói về tình yêu khiến cho ngay cả những người đàn bà Paris cũng phải hiếu kỳ. - Người ta nói với tôi rằng A. Comte, tu sĩ dòng Gia Tô hội *qui quyết* nhất, kẻ muốn dẫn dắt dân Pháp tới La Mã qua sự *ngoắt ngoéo* của khoa học, hứng khởi từ cuốn sách này. Tôi tin điều đó: “Tôn giáo của trái tim”...

5.

G. ELIOT. - Họ đã giải thoát khỏi Thượng Đế Kitô giáo và bây giờ họ cảm thấy phải bám lấy luân lý Kitô giáo chặt chẽ hơn bao giờ hết. Đó là cách lý luận kiểu Ăng lê, chúng ta không muốn nhạo báng những thứ luân lý - đàn bà à la Eliot^[70]. Ở Anh, bất cứ một sự thoát li thần học nhỏ nhoi nào, người ta cũng phải hồi phục lại danh dự bằng cách khủng khiếp nhất là trở thành một kẻ cuồng tín luân lý. Đó là cách giải tội ở xứ này. - Với chúng ta lại khác hẳn. Nếu người ta khước từ đức tin Kitô giáo là người ta đồng thời tự bãi bỏ *quyền hạn* đối với luân lý Kitô. Bởi vì luân lý này *không* tự nó minh nhiên: điều này cần soi sáng lại luôn luôn mặc dầu đầu óc nông cạn của dân Anh. Kitô giáo là một hệ thống, một ý tưởng thống nhất và một quan niệm *toàn bộ* về sự vật. Nếu người ta phá bỏ một khái niệm căn bản chủ yếu, niềm tin vào Thượng Đế, là người ta phá tan cả một toàn thể: người ta chẳng có một chút cốt tuỷ nào trong tay nữa hết. Kitô giáo giả thiết rằng con người không biết gì cả, *không thể* biết cái gì tốt, cái gì xấu đối với mình: hẳn tin tưởng vào Thượng Đế, đáng duy nhất hiểu biết. Luân lý Kitô giáo là một huấn giới; nguồn gốc của nó là siêu việt; nó ở trên mọi phê bình, mọi quyền phê bình, nó chỉ chứa đựng chân lý nếu Thượng Đế là chân lý - nó đứng vững hay sụp đổ với niềm tin vào Thượng Đế. - Nếu người Anh thực sự tin rằng tự họ hiểu biết bằng “trực giác”, thế nào là thiện, thế nào là ác,

nêu do đó họ nghĩ rằng họ không cần Thượng Đế như một đảm bảo cho luân lý nữa, thì đó chỉ là *hậu quả* của quyền tối thượng của sự thẩm định Kitô giáo và là một bằng chứng của *sức mạnh* và *chiều sâu* của quyền tối thượng này: do đó nguồn gốc luân lý Anh Cát Lợi đã bị bỏ quên, do đó người ta không còn nhận thấy tính chất tùy thuộc lớn lao của quyền tồn tại của nó nữa. Đối với người Áng Lê, luân lý không còn là một vấn đề nữa...

6.

GEORGE SAND. - Tôi đã đọc những bức thư đầu tiên của tập *Lettres d'un voyageur*; như tất cả những gì bắt nguồn từ Rousseau, những bức thư đó sai lầm, giả tạo, khoa trương, khoác lác. Tôi không thể chịu nổi thứ bút pháp vàng úa màu giấy dán tường; cũng như tham vọng khơi dậy những tình cảm khoan hồng tâm thường. Điều tồi tệ nhất là sự làm dáng đàn bà với những kiểu cách đàn ông, với những cung cách của hạng thanh niên vô giáo dục. - Bà ta phải lạnh lùng xiết bao với tất cả những điều đó, thứ nghệ sĩ không chịu nổi: bà ta tự lên dây như một cái đồng hồ - và viết... Lạnh lùng như Victor Hugo, như Balzac, như tất cả những kẻ theo phong trào lãng mạn khi họ bắt đầu ngồi vào bàn viết! Và với xiết bao tự mãn bà ta muốn nằm dài ra đó, con bò cái viết lách khủng khiếp có một chút Đức, trong ý nghĩa xấu xa nhất của danh từ, như Rousseau, bậc thầy của bà, kẻ chỉ có thể chịu đựng được khi thị hiếu Pháp đi đến chỗ suy đồi! Nhưng Renan kính phục bà ta...

7.

Luân lý cho những tâm lý gia. - Không đem tâm lý học bán rong! Không bao giờ quan sát *chỉ để* quan sát mà thôi! Điều đó tạo ra một viễn tượng sai lầm, một cái nhìn xiên lệch, một cái gì bị cưỡng bách và thời phỏng. Cảm nghiệm một điều gì *muốn cảm nghiệm* - không đem lại kết quả tốt đẹp. Trong khi cảm nghiệm, người ta *không được phép* nhìn trở lại mình, nếu không mọi cái nhìn đều trở thành “con mắt xấu”. Một tâm lý gia bẩm sinh tự nhiên chống lại việc nhìn chỉ để mà nhìn: một họa sĩ bẩm sinh cũng vậy. Hẳn không làm việc “phỏng theo thiên nhiên”. - hẳn giao cho bản năng, cho phỏng tối của hẳn, sàng sảy và gạn lọc “thiên nhiên”, “trường hợp”, “kinh nghiệm sống”... Hẳn chỉ ý thức về *phổ quát tính*, kết luận, kết quả: hẳn không biết diễn dịch đoán từ trường hợp đặc thù. - Kết quả sẽ ra sao nếu người ta làm ngược lại? Đem tâm lý học đi bán rong, bán sỉ và bán lẻ như những *romanciers* Ba Lê, chẳng hạn? Như thế là người ta rình chờ thực tại, mỗi buổi chiều mang về nhà một dùm tò mò... Nhưng hãy nhìn hậu quả - một đồng lộn xộn, hay hơn nữa một thứ tạp luận, và trong mọi trường hợp một cái gì thêm thắt, nhốn nháo, loè loẹt. Nhóm Goncourts đã đạt đến cực đỉnh tồi tệ của loại này: họ không bao giờ đặt ba câu cạnh nhau mà không làm nhức mắt, mắt *nhà tâm lý học* - Thiên nhiên, thẩm định theo quan điểm nghệ thuật, không phải là kiểu mẫu. Nó phóng đại, méo mó, để lại những lỗ hổng. Thiên nhiên là *sự tình cờ*. Nghiên cứu “theo thiên nhiên” đối với tôi dường như là một dấu hiệu xấu: nó phản lại sự phục tòng, yếu đuối! định mệnh thuyết, - sự qui lụy trước những *petits faits* [71] này không xứng đáng với một nghệ sĩ *hoàn toàn*. Nhìn *hiện thể* của sự vật - điều đó thuộc về một loại đầu óc khác hẳn, những đầu óc *phi-nghệ thuật*, cụ thể. Người ta phải biết mình là *ai*...

8.

Về tâm lý học của nghệ sĩ. - Để có nghệ thuật, để có bất cứ một hành động hay một sự chiêm ngắm nghệ thuật nào, một điều kiện sinh lý chuẩn bị này không thể thiếu: sự *ngây ngất*. Trước hết sự ngây ngất phải nâng cao xúc cảm tính của toàn thể bộ máy: không nghệ thuật nào phát sinh trước khi điều đó xảy ra. Tất cả mọi trạng thái ngây ngất đó, dù nguồn gốc khác nhau thế nào chăng nữa, đều có khả năng tạo ra nghệ thuật này: trên tất cả là sự ngây ngất của kích động dục tình, hình thức xuất thần cổ điển và

nguyên thủy nhất. Cũng vậy sự ngây ngất đi kèm theo tất cả những ước vọng lớn lao, tất cả mọi cảm xúc mãnh liệt; sự ngây ngất của yến tiệc, của tranh đấu, của hành vi dũng cảm, của chiến thắng, của giao động cùng cực; sự ngây ngất của tàn bạo; sự ngây ngất của phá huỷ; sự ngây ngất dưới một vài ảnh hưởng khí tượng nào đó, chẳng hạn sự ngây ngất của mùa xuân; hay dưới ảnh hưởng của thuốc mê; cuối cùng sự ngây ngất của ý chí chất chứa và căng phồng. - Yếu tính của sự ngây ngất là cảm thức về sự tràn đầy và gia tăng nghị lực. Bị kích thích bởi cảm thức này, người ta buông thả cho sự vật, bắt buộc sự vật tiếp nhận mình, cưỡng bức sự vật, - người ta gọi quá trình này là *lí tưởng hoá*. Ở đây chúng ta hãy đoạn trừ một thành kiến: sự lí tưởng hoá *không* hệ tại sự diển dịch hay giảm trừ cái nhỏ bé và tùy phụ như người ta vẫn tin tưởng. Trái lại, việc vạch rõ một cách *khùng khiếp* những nét chính yếu, để đến nỗi những nét khác biến mất chính là cái quyết định tất cả.

9.

Trong trạng thái này người ta làm giàu tất cả mọi sự bằng chính sự phong phú của mình: điều hấn nhìn, điều hấn muốn, người ta đều thấy nó căng phồng, chặt chẽ, mạnh mẽ, chất chứa sức mạnh. Con người trong trạng thái này biến đổi sự vật cho đến khi chúng phản chiếu sức mạnh của hấn - cho đến khi chúng trở thành những phản ảnh của sự hoàn hảo của hấn. Sự cưỡng bách, biến đổi thành cái hoàn hảo này - là nghệ thuật. Tất cả đối với con người này đều là nguồn hân hoan trào vọt phát xuất từ trong mình; trong nghệ thuật, con người hân hưởng chính con người mình như sự hoàn hảo. Có thể tưởng tượng một trạng thái nghịch lại, một trạng thái phi nghệ thuật đặc thù của bản năng - một cách thể làm nghèo nàn, giảm trừ và làm hao mòn xanh xao tất cả mọi sự. Và quả thật lịch sử đầy rẫy những nghệ sĩ phi nghệ thuật thuộc loại này, những kẻ thiếu sinh lực cần chiếm đoạt tất cả mọi sự vật họ nhìn thấy, tiêu thụ chúng, làm chúng trở nên gầy mòn kiệt quệ. Đó là trường hợp một tín đồ Kitô giáo chính cống, trường hợp Pascal chẳng hạn; một tín đồ Kitô giáo đồng thời là một nghệ sĩ, điều đó *không thể có*... Đừng người nào trẻ con đến nỗi nêu Raphael hay bất cứ một tín đồ Kitô giáo theo tương đồng liệu pháp ^[72] thể kỉ thứ mười chín nào để chống lại phán quyết của tôi. Raphael nói ở ^[73], Raphael làm tích cực, do đó, Raphael không phải là một tín đồ Kitô giáo.

10.

Đâu là ý nghĩa của những ý niệm trái nghịch nhau Apollon và Dionysos, cả hai đều được coi như những hình thức ngây ngất mà tôi đã đưa vào thẩm mỹ học ^[74] - Sự ngây ngất apollinien trước hết kích thích nhãn quan, khiến nhãn quan thủ đắc sức mạnh thị lực. Hoạ sĩ, điêu khắc gia, thi sĩ anh hùng ca đều là những linh tượng gia *par excellence*. Trái lại, trong trạng thái dionysien, tất cả hệ thống cảm xúc đều bị kích thích và nâng cao cường độ: đến nỗi nó phóng ra tất cả mọi phương tiện diễn tả bằng cách khu trục tất cả mọi sức mạnh bất chước, mô phỏng, biến đổi, chuyển hoá, tất cả mọi loại hoạt hoạ theo và nghệ thuật bất chước. Sự hoá thân dễ dàng vẫn là cái chính yếu, *không thể* phản động lại (- tương tự như một vài loại bệnh loạn trí, có thể bất chước điệu bộ đóng *bất cứ* vai trò nào). Con người dionysien không thể không hiểu bất cứ sự dẫn khởi nào, hấn thủ đắc bản năng thấu cảm và tiên đoán cao độ, giống như hấn thủ đắc đến cao độ nghệ thuật thông tri với người khác vậy. Hấn biết thấu suốt bất cứ vỏ bao bọc nào, đi vào bất cứ cảm xúc nào; hấn thường xuyên biến đổi. - Âm nhạc, như chúng ta hiểu ngày nay, là một sự kích thích và giảm trừ cảm xúc, nhưng dầu vậy đó cũng chỉ là tàn tích của một thế giới của biểu thị tràn đầy hơn, một căn bản của nghệ thuật riêng biệt, người ta phải bất động hoá một số giác quan, trước hết là những cơ năng, ít ra là một cách tương đối: bởi mọi tiết tấu đều hãy còn nói với những bắp thịt của chúng ta tới một giới hạn nào đó): đến nỗi con người không còn có thể nào bất chước hay diễn tả bằng thân xác điều hấn cảm thấy được nữa. Tuy nhiên, *đó* chính là trạng thái

dionysien thông thường, ít ra đó là trạng thái uyên nguyên của nó. Âm nhạc là sự cá biệt hoá thành tựu một cách chậm rãi, bằng cách nhờ vào những khả năng gần gũi với nó.

11.

Diễn viên, người diễn hí kịch, vũ viên, nhạc sĩ, thi sĩ trữ tình, rất gần nhau trong bản năng và cốt yếu là một, chỉ sau này mới cá biệt hoá và tách rời nhau ra - đi tới chỗ đối thoại với nhau nữa. Thi sĩ trữ tình đoàn kết lâu nhất với nhạc sĩ, diễn viên với vũ viên. *Kiến trúc sư* không diễn tả trạng thái dionysien cũng chẳng diễn tả trạng thái apollinien: ở đây là tác động vĩ đại của ý chí, ý chí dịch hải di sơn, sự say sưa của ý chí mạnh mẽ đòi hỏi sự diễn tả nghệ thuật. Những người mãnh liệt nhất luôn luôn gây hứng khởi đến cho kiến trúc sư: kiến trúc sư luôn luôn chịu ảnh hưởng của sức mạnh. Lòng kiêu hãnh, sự chiến thắng trên trọng lượng và trọng lực, ý chí hùng dũng phải được biểu hiện rõ rệt trong một toà lâu đài; kiến trúc là một thứ nghệ thuật hùng biện của sức mạnh bằng hình thể, khi thì hùng hồn thuyết phục hay mơn trớn, khi thì cộc lốc ra lệnh. Cảm thức mãnh liệt nhất về sức mạnh và chắc chắn tìm cách diễn tả trong *grand style*. Sức mạnh không cần chứng tỏ; khinh thị chiều dài; không đối đáp hời hợt; không cảm thấy nhân chứng cận kề chung quanh; sống bằng những sự đối kháng người ta dựng lên chống lại mình; an nhiên trong *chính mình*, tuân theo vận mệnh, một luật lệ giữa những luật lệ: đó là điều nói về mình theo thể cách *grand style* cao nhã.

12.

Tôi đã đọc về cuộc đời *Thomas Carlyle*, đúng là trò hề không ý thức và không chủ tâm, sự diễn dịch anh hùng tính - có tính cách luân lí về chứng khó tiêu. - Carlyle, một người có ngôn ngữ và cử chỉ hùng mạnh, một biện luận gia bởi *nhu cầu*, thường xuyên bị dao động bởi khát vọng một đức tin mãnh liệt và cảm thức về sự bất lực không thể đạt đức tin ấy - (về phương diện này, đó là một người theo phong trào lãng mạn điển hình!) Khát vọng về một đức tin mãnh liệt không phải là bằng chứng của một đức tin mãnh liệt mà hoàn toàn ngược lại. Một khi có đức tin đó, hẳn người ta có thể trả giá sự hoang phí lòng hoài nghi xa hoa: người ta đủ chắc chắn, đủ vững vàng, đủ cố định cho lòng hoài nghi đó. Carlyle làm đình tai nhức óc một cái gì trong ông với bài hát *hùng mạnh* ca ngợi những người có đức tin mãnh liệt của ông và sự điên cuồng chống lại những người ít rõ đại hơn của ông: ông *cần* ồn ào. Một sự *thiếu thành thật* say đắm thường xuyên với mình - đó là cái độc đáo của ông, chính vì thế mà ông đã và sẽ vẫn còn hấp dẫn. Dĩ nhiên ở Anh, người ta ngưỡng mộ ông chính bởi lòng chân thật của ông... À, đó là một cái gì đặc tính chất Ăng lê; và nếu người ta coi dân Anh là dân tộc giả dối quá đỗi quá chừng, thì điều đó còn hợp lí nữa chứ không phải chỉ dễ hiểu mà thôi. Đáo cùng, Carlyle là một kẻ vô thần Anh Cát Lợi muốn được tôn vinh mình *không* phải là một kẻ vô thần.

13.

Emerson. - Ông giác ngộ hơn, rộng rãi hơn, đa tài hơn và tế nhị hơn Carlyle rất nhiều, và trên hết, ông hạnh phúc hơn. Ông là một người tự nhiên sống bằng cao lương mỹ vị và gạt ra những thứ khó tiêu trong sự vật. So với Carlyle, đó là một người có khiếu thẩm mỹ. Carlyle, người rất quý mến ông, tuy vậy, nói về ông rằng: “Ông không cho chúng ta đủ ăn”: điều đó có thể đúng nhưng không thiệt hại gì cho Emerson. - Emerson có sự thanh thần tinh thần tốt lành làm nản lòng tất cả những kẻ nghiêm trang; ông không có ý niệm nào về sự kiện ông đã già đến mực nào và ông còn có thể trẻ lại đến mực nào, - ông có thể nói về mình như Lope de Vega: “*Yo me sucedo a mi mismo*”^[75]. Tinh thần ông bao giờ cũng tìm thấy lí do để hạnh phúc và biết ơn nữa; đôi khi ông gần đi tới sự thanh thần siêu việt của con người cao nhã, từ một cuộc hẹn hò yêu đương *tamquam re bene gesta* trở về, lòng đầy biết ơn và nói:

“*Ut desint vires, tamen est laudanda voluptas*”^[76].

14.

Chống-Darwin. - Về nguyên lí lừng danh “đấu tranh để sinh tồn” đối với tôi dường như chỉ có tính cách khẳng định hơn là chứng minh. Nó xảy ra, nhưng như một ngoại lệ; bộ mặt tổng quát của cuộc sống *không phải* là cùng khổ, đói khát mà đúng hơn là giàu có, xa hoa hay ngay cả hoang phí nữa - nơi nào có tranh đấu là tranh đấu để dành *sức mạnh*... Không được làm lộn Malthus^[77] với thiên nhiên. - Tuy nhiên, giả dụ rằng có sự tranh đấu này đi nữa chẳng - và quả thực, nó xảy ra thật - kết quả của nó, tiếc thay, lại ngược lại với trường phái Darwin mong mỏi, và ngược lại với điều mà người ta có lẽ *có thể* mong ước cùng với họ: nghĩa là sự thất bại của những kẻ mạnh, những kẻ thiên bẩm, những ngoại lệ may mắn. Những chủng loại *không* tăng trưởng ngày một hoàn hảo hơn: những kẻ yếu càng ngày càng thắng lướt kẻ mạnh - bởi chúng thuộc về số đông và bởi chúng *khôn khéo* hơn... Darwin đã bỏ quên tinh thần (cái đặc biệt Anh Cát Lợi!), những *kẻ yếu có nhiều tinh thần hơn*. Người ta phải cần tinh thần để đi đến chỗ thủ đắc tinh thần, - người ta mất tinh thần khi không cần đến nó nữa. Kẻ có sức mạnh từ bỏ tinh thần của mình (- “hãy để nó ra đi! người ta nghĩ vậy ngày nay ở Đức - *Reich* sẽ ở lại cùng chúng ta...”)^[78] Người ta sẽ thấy rằng tôi dùng chữ tinh thần để ám chỉ sự thận trọng, kiên nhẫn, xảo quyệt, yếm trá, tự chủ mạnh mẽ và tất cả những gì là *mô phỏng bắt chước* (đặc tính cuối cùng bao gồm phần lớn cái được gọi là đức hạnh).

15.

Qui kẻ của những nhà tâm lí học. - Người này biết rõ bản chất con người: hắn nghiên cứu con người để làm gì? Hắn muốn thủ một chút lợi nhỏ hay một mối lợi lớn nữa trên họ, - hắn là một chính khách!... Người này nữa cũng là một kẻ hiểu tâm lí con người^[79]: thế mà bạn lại nói rằng hắn không cầu cạnh điều gì cho hắn cả, rằng hắn sẽ là hoàn toàn “vô ngã”. Hãy nhìn gần hơn! Có thể hắn muốn một lợi ích *tôi tệ xấu xa* hơn nữa: hắn muốn cảm thấy hắn cao cả hơn con người, có quyền nhìn xuống họ, không hoà lẫn với họ. Mẫu “vô ngã” này là một sự *miệt thị* con người^[80], trong khi mẫu người thứ nhất nhân loại hơn, mặc dầu bề ngoài thế nào mặc lòng. Ít ra hắn cũng tự đặt mình trên cùng bình diện, hắn tự đặt mình *ở giữa* mọi người...

16.

Sự khéo léo tâm lí của người Đức đối với tôi dường như khả nghi bởi một loạt những trường hợp mà lòng khiêm tốn ngăn không cho tôi nêu ra. Tuy nhiên có một trường hợp đã cho tôi một cơ hội tốt để lập thuyết của tôi: tôi thù hận dân Đức vì họ đã làm lẫn về Kant và “Triết lí cửa hậu” của ông, như tôi gọi nó, - bởi đó không phải là mẫu thanh liêm tri thức. - Có điều nữa mà tôi không thể nghe lọt tai là tiếng “và” khả ố: dân Đức nói “Goethe và Schiller”, - tôi sợ họ nói “Schiller và Goethe”. Họ có *hiểu* Schiller này đã không? - còn có những tiếng “và” tệ hơn nữa; chính tai tôi đã nghe thấy, quả thực chỉ trong đám giáo sư đại học mà thôi: Schopenhauer và Hartmann”...

17.

Những con người tâm linh thâm sâu nhất, khi nhận họ là những kẻ can đảm nhất, đã cảm nghiệm những bi kịch đau đớn nhất: nhưng cũng chính vì lí do đó mà họ tôn vinh cuộc đời, bởi nó chống lại họ bằng sự đối kháng mãnh liệt nhất.

18.

Nói về “ý thức”. - Ngày nay không có gì hiếm hoi hơn sự giả đạo đức đích thực. Tôi rất hoài nghi rằng khí hậu ôn hoà của nền văn hoá chúng ta không thích hợp cho cái cây này. Sự giả đạo đức thuộc về những thời đại của đức tin mạnh mẽ: trong đó, ngay cả khi *bị bó buộc phải* phô trương một đức tin khác, người ta vẫn không chối bỏ đức tin riêng của mình; hay, thông thường hơn, người ta thủ đắc một đức tin thứ hai - tuy nhiên, người ta vẫn *luơng thiện* trong bất cứ trường hợp nào. Hiển nhiên, ngày nay người ta có thể có nhiều đức tin hơn ngày xưa: có thể, nghĩa là được phép, nghĩa là *vô hại*. Từ đó nảy ra lòng rộng lượng đối với chính bản thân. Sự rộng lượng đối với chính bản thân cho phép có nhiều đức tin; và những đức tin này hoà thuận với nhau, - và, như tất cả mọi người ngày nay, những đức tin này hết sức tránh thoả hiệp với nhau. Ngày nay người ta thoả hiệp với mình bằng cách nào? Bằng cách nhất trí. Bằng cách đi theo một đường thẳng. Bằng cách không hàm hồ, nghĩa là không cho phép năm cách diễn dịch đối kháng nhau một lúc. Bằng cách chân thật... Tôi e rằng con người hiện đại chỉ quá lười biếng đối với một số tật xấu đang bị tiêu diệt. Mọi tội lỗi đều tùy thuộc ý chí mạnh và có lẽ không có tội lỗi nếu không có sức mạnh của ý chí, - đều sa đoạ thành đức hạnh trong khí hậu ẩm ướt của chúng ta. Một vài kẻ giả đạo đức hiếm hoi mà tôi biết chỉ bắt chước sự giả đạo đức thôi: như hầu hết một phần mười con người ngày nay, họ là những kẻ đóng kịch.

19.

Đẹp và xấu. - Không có gì tương đối hay *bị giới hạn* hơn cảm thức về cái đẹp của chúng ta. Bất cứ kẻ nào muốn tách rời cảm thức này khỏi lạc thú con người tìm thấy nơi con người đều lập tức bị chơi với ngay. Cái “đẹp tự nội” chỉ là một danh từ, chứ chưa được là một khái niệm nữa. Trong cái đẹp, con người tự đặt mình như tiêu chuẩn của sự hoàn hảo; trong những trường hợp chọn lọc, nó tự ngưỡng mộ mình trong đó. Một chủng loại *không thể* nào làm khác hơn là tự khẳng định mình theo cách đó. Bản năng hạ đẳng nhất của nó, bản năng tự bảo tồn và trượng rộng mình hãy còn tỏ lộ trong những sự thăng hoa này. Con người tin rằng thế giới tự nó chứa đầy vẻ đẹp - nó *quên* rằng chính nó là nguyên nhân của tất cả những vẻ đẹp này. Nguyên mình nó đã cho thế giới một vẻ đẹp, than ôi! rất phàm phu, quá đổi phàm phu!... Tóm lại con người đã phản chiếu trong sự vật, nó cho là đẹp tất cả những gì phản ánh lại cái hình ảnh của chính nó: phán đoán cái đẹp là sự *tự mãn chủng loại* của nó... Tuy nhiên, một chút nghi ngờ có thể lọt vào tai kẻ hoài nghi: thế giới được tô điểm phải chăng bởi tại chính con người coi nó là đẹp? Con người đã *nhân loại hoá* thế giới: tất cả chỉ có vậy. Nhưng không có gì, tuyệt đối không có gì đảm bảo cho chúng ta rằng con người chính là khuôn mẫu của cái đẹp. Ai biết được trông hán giống cái gì trong cặp mắt của một phán quan thẩm mỹ siêu đẳng hơn? Có lẽ hán là một kẻ hơi hợm mình? Có lẽ hơi tức cười? Có lẽ hơi độc đoán?... “Ôi thần Dionysos, tại sao lại beo tai em như vậy?” Ariane một hôm hỏi người tình triết gia của nàng trong một trong những đối thoại nổi tiếng về Naxos như vậy. “Tôi thấy tai em hơi tức cười, Ariane: tại sao nó lại không dài hơn một chút nữa nhỉ?”.

20.

Không có gì đẹp, chỉ có con người là đẹp: tất cả mọi thẩm mỹ học đều dựa trên sự ngây thơ này, đó là *chân lí thứ nhất*. Chúng ta hãy thêm ngay chân lí thứ hai: không có gì xấu ngoài con người sa đoạ - lãnh vực của những phán xét thẩm mỹ đã được qui định bằng hai chân lí đó. - Xét về phương diện sinh lí, bất cứ cái gì xấu đều làm con người suy nhược và buồn rầu. Nó nhắc nhở con người tới sự suy đồi, nguy hiểm, bất lực; con người hao tổn sức lực khi đối diện với nó. Người ta có thể đo được hiệu quả của cái xấu bằng lực kè. Tóm lại, bất cứ khi nào con người cảm thấy yếu đuối thì đó là dấu hiệu chứng tỏ nó cảm thấy một cái gì “xấu” đang cận kề. Cảm thức về sức mạnh, ý chí hùng dũng, lòng can đảm,

sự kiêu hãnh - tất cả xuống thấp với cái xấu xa, lên cao với cái đẹp... Trong cả hai trường hợp, chúng ta đều có thể *rút ra kết luận* này: những tiền đề của chúng được tích chứa dồi dào trong bản năng. Cái xấu được coi như một dấu hiệu và một triệu chứng của suy đồi: cái gì nhắc nhở chúng ta, dù một cách xa xôi, tới sự suy đồi đều gây ra trong chúng ta phán đoán “xấu”. Bất cứ một dấu hiệu bất hảo, nặng nề, già nua, mệt mỏi nào, bất cứ sự câu thúc nào, như sự co quắp, tê liệt, nhất là mùi vị, màu sắc, hình thể của băng hoại, tan rã, dù chỉ giảm xuống đến độ chỉ còn là một biểu tượng đi chăng nữa - tất cả đều gây ra cùng một phản ứng, phán đoán “xấu”. Một sự *thù ghét* nổi lên tại đây: nhưng con người ghét cái gì? Không còn hồ nghi gì nữa: *sự suy đồi của chủng loại nó*. Ở đây, sự thù ghét của nó bắt nguồn từ bản năng chủng loại sâu thẳm nhất của nó, trong sự thù ghét này có sự kinh sợ, thận trọng, chiều sâu, sự thấu suốt - đó chính là sự thù ghét thâm sâu nhất. Chính bởi lẽ đó mà nghệ thuật sâu xa...

21.

Schopenhauer. - Schopenhauer, người Đức đáng kể cuối cùng (- người tượng trưng cho một biến cố Âu Châu, như Goethe, như Hegel, như Henrich Heine, chứ không phải chỉ như một biến cố địa phương, “quốc gia” mà thôi), là một trường hợp thượng đẳng đối với một tâm lí gia: tôi muốn nói như một toan tính khôn ngoan thiên tài viện dẫn những lời khấn nguyện đối nghịch, nhằm hỗ trợ cho một cuộc hạ giá cuộc đời một cách toàn triệt và theo quan điểm hư vô chủ nghĩa: sự tự khẳng định vĩ đại của “ý chí sống” những hình thức phong phú của cuộc đời. Ông đã lần lượt diễn dịch *nghệ thuật*, lòng anh hùng, thiên tài, vẻ đẹp, lòng đại từ bi, trí thức, ý chí tìm chân lí, bi kịch, như những hậu quả của sự “phủ nhận” hay nhu cầu phủ nhận của “ý chí” - vụ làm bạc giả tâm lí lớn nhất lịch sử, trừ Kitô giáo. Nhìn gần ông chỉ là kẻ thừa kế của lối diễn dịch Kitô giáo: có điều ông biết cách chấp thuận cái mà Kitô giáo đã *khước từ*, những sự kiện văn hoá vĩ đại của nhân loại, và chấp thuận chúng theo một quan điểm Kitô, nghĩa là hư vô chủ nghĩa (- nghĩa là ứng chuẩn chúng như những con đường “cứu chuộc”, như những kích thích của nhu cầu “cứu chuộc...”)

22.

Tôi lấy một trường hợp cá biệt. Schopenhauer nói về *cái đẹp* với một sự hăng say sâu thẳm. - Tại sao vậy? Bởi ông nhìn thấy trong đó một cây *cầu* trên đó người ta có thể đi xa hay trên đó người ta khao khát đi xa... Đối với ông vẻ đẹp là sự giải thoát khỏi “ý chí” trong giây lát - nó lôi cuốn về phía giải thoát vĩnh viễn... Đặc biệt ông ca tụng nó như đáng cứu chuộc khỏi “trung tâm điểm của ý chí”, khỏi nhục tình - trong cái đẹp ông thấy *sự phủ nhận* xung lực hướng về sự sinh đẻ... Thật là một vị thánh kì dị! Thế nào cũng có kẻ nói ngược lại ông và tôi e rằng đó là thiên nhiên. Vẻ đẹp có trong những âm thanh, màu sắc, hương thơm, những chuyển động nhịp nhàng của thiên nhiên *hướng về cứu cánh* nào? Cái gì *khiến* vẻ đẹp đó *hiển lộ*? - May mắn thay có một triết gia cũng nói ngược lại ông. Đáng thần linh Platon (chính Schopenhauer gọi như vậy) uy tín ngất trời đã chủ trương một thuyết nghịch lại: một vẻ đẹp kêu gọi, xúi dục sự sinh đẻ - đó chính là hiệu quả đặc biệt của nó, từ cõi miền nhục cảm thấp nhất tới cõi tâm linh cao siêu nhất.

23.

Platon đi xa hơn nữa. Ông nói với sự ngây thơ mà phải là người Hy Lạp chứ không thể là người “Kitô giáo” mới có thể có được, rằng sẽ không thể có mấy may triết lí Platon nào nếu không có những trai tráng xinh đẹp như vậy ở thành phố Nhã Điện: chính khi nhìn thấy họ mà tâm hồn triết gia bay bổng vào cõi mộng tình ngây ngất và không thể an nghỉ cho đến khi nó reo rắc hạt mầm của mọi sự cao siêu vào lòng mảnh đất quá đẹp tươi như thế. Thêm một bậc thánh kì dị nữa - người ta không thể tin tai mình, dù giả thử rằng người ta tin Platon. Ít ra người ta thấy rằng ở Nhã Điện họ triết lí *một cách khác hẳn*, nhất là trong quần chúng. Không có gì ít tính chất Hy Lạp hơn là ngồi trong xô dẹt một cái lưới

nhận khái niệm, *amor intellectualis dei* ^[81] theo kiểu Spinoza. Triết lí theo kiểu Platon đúng ra phải được định nghĩa như một cuộc tranh biện dâm dật, như một sự khai triển và đào sâu của môn thể dục cổ điển và những *điều kiện tiên quyết* của nó... Cái gì cuối cùng nảy sinh ra từ cái dâm triết lí của Platon? Một hình thức nghệ thuật mới của cổ Hy Lạp: biện chứng pháp. Tôi nhắc thêm, chống lại Schopenhauer và đề tôn vinh Platon: tất cả mọi nền văn hoá và văn chương cao siêu của nước Pháp *cổ điển* đều nảy nở trên mảnh đất dục tình. Ở đây người ta có thể tìm thấy khắp chốn sự hào hoa, nhục cảm, sự tranh đua thư hùng, “đàn bà”, - người ta sẽ không bao giờ tìm kiếm vô ích...

21.

L'art pour l'art ^[82]. - Sự chống đối cứu cánh trong nghệ thuật bao giờ cũng là sự chống đối khuynh hướng *đạo đức hoá* ^[83] trong nghệ thuật, chống đối sự lệ thuộc của nghệ thuật vào đạo đức, *L'art pour l'art* có nghĩa là: “Thầy kệ luân lí” - nhưng chính sự thù nghịch này tố cáo rằng thành kiến luân lí hãy còn giữ phần ưu thắng. Khi người ta khai trừ khỏi nghệ thuật mục đích giảng dạy luân lí và cải thiện con người thì không nhất thiết nghệ thuật phải vô mục đích và không có một ý nghĩa nào, tóm lại, *l'art pour l'art* - một con rắn cắn đuôi chính nó. “Không có một mục đích nào cả tốt hơn là có một mục đích đạo đức!”, đam mê thuần túy nói như vậy. Một tâm lí gia hỏi ngược lại: tất cả mọi thứ nghệ thuật dùng để làm gì? nó không ca tụng sao? không tán dương sao? không lựa chọn sao? không tỏ lòng yêu quý sao? khi làm thế nó sẽ *làm mạnh* hay *làm yếu đi* một số sự thẩm định giá trị... Đó là một cái gì thứ yếu? một sự tình cờ? một cái gì bản năng của nghệ sĩ không tham dự vào chút nào? hay nó không phải là điều kiện tiên quyết cho phép người nghệ sĩ là nghệ sĩ?... Bản năng sâu xa nhất của nghệ sĩ có hướng về nghệ thuật hay đúng hơn về ý nghĩa của nghệ thuật, về *cuộc đời*, về *lòng khao khát cuộc đời*? - Nghệ thuật là sự kích thích mãnh liệt hướng về cuộc đời: tại sao người ta có thể coi nó như vô mục đích, như *l'art pour l'art*? - Vẫn còn lại một câu hỏi phải giải đáp: nghệ thuật còn đưa ra ánh sáng nhiều cái xấu xí, cay đắng, hồ nghi trong cuộc đời - chẳng phải vì thế mà nó khiến cho cuộc đời trở nên nhọc nhằn sao? - Và quả thực có những triết gia đem gán cho nghệ thuật ý nghĩa đó: “giải thoát khỏi ý chí” đó là tất cả đối tượng của nghệ thuật theo lời dạy của Schopenhauer, “khiến người ta nhàn nhạt”, đó là lợi ích lớn lao của bi kịch mà ông đề cao. - Nhưng điều này - như tôi đã cho thấy từ trước - là quan điểm và “ác nhãn” của người bi quan. *Người nghệ sĩ bi thảm truyền đạt điều gì tới những kẻ khác?* Hẳn không diễn tả thái độ vô úy trước tất cả những gì khủng khiếp và hồ nghi sao? - chính thái độ này là một điều đáng mơ ước vô cùng: kẻ nào hiểu đều cung kính tôn vinh nó trên tất cả mọi sự. Người nghệ sĩ truyền đạt điều này, *phải* truyền đạt điều này nếu hắn là nghệ sĩ, một thiên tài trong nghệ thuật cảm thông. Lòng dũng cảm và bình tĩnh trước kẻ thù hùng mạnh, trước bất hạnh tày trời, trước một vấn đề đầy kinh hoàng - chính thái độ *chiến thắng* này người nghệ sĩ lựa chọn, ca ngợi. Trước bi kịch, tính hiếu chiến trong tâm hồn chúng ta cử hành những cuộc tế lễ linh đình; kẻ nào tìm kiếm đau khổ, con người anh hùng, tán dương cuộc đời mình bằng bi kịch, - chỉ riêng đối với kẻ đó thôi, người nghệ sĩ bi tráng mới dâng tặng chén tàn bạo ngọt ngào tuyệt vời này.

25.

Chịu đựng mọi người, mở rộng cửa với tất cả tâm hồn - đó là lòng quảng đại, nhưng chỉ là lòng quảng đại phóng khoáng mà thôi, người ta biết có những tâm hồn hiếu khách *cao sang* trướng rủ rèm buông: họ để trống những căn phòng tốt nhất. Tại sao vậy? - Bởi vì họ chờ đợi những quý khách mà họ không phải “chịu đựng”...

26.

Chúng ta không tôn trọng mình lắm khi chúng ta thô lộ mình. Những kinh nghiệm riêng tư đích thực của chúng ta không có nhiều lời. Dù những kinh nghiệm ấy có muốn thô lộ mình đi chẳng nữa cũng không thể được. Ấy là bởi tại chúng ta thiếu lời. Chúng ta đã ở trên bất cứ điều gì mà chúng ta có thể diễn tả bằng ngôn từ. Trong tất cả mọi câu chuyện đều có một chút khinh bỉ. Dường như ngôn ngữ chỉ được tạo ra cho những cái tầm thường, trung bình, có thể thông tri được. Bằng ngôn ngữ, người nói *đã tầm thường hoá mình* đi ngay khi nói.- Trích luận lí dành cho những kẻ cầm điếu và những triết gia khác ^[84]

27.

“Bức tranh này đẹp mê hồn!”... ^[85] người đàn bà chuộng văn chương, bắt mẫn, bút rứt, trong tâm hồn và ruột gan, trống trải, tò mò lắng nghe từng phút, một cách đau đớn, cái mệnh lệnh từ cơ thể sâu kín của nàng thì thầm: “*aut liberi aut libri*” ^[86]: người đàn bà văn chương học hành đủ để nghe tiếng nói của thiên nhiên, dù cho khi nó nói bằng tiếng Latin, tuy nhiên khá kiêu căng, rỗng tuếch, khá đàn độn như ngan ngỗng để bí mật nói thì thầm với mình bằng tiếng Pháp: “*je me verrai, je me lirai, je m’extasierai et me dirai: Possible, que j’aie eut tant d’esprit?*” ^[87]...

28.

Những kẻ “vô ngã” nói. - “Đối với chúng ta, không có gì dễ hơn là trở nên khôn ngoan, kiên nhẫn, cao cả. Chúng ta xem xét tỉ mỉ với dầu mỡ bao dung và thiện cảm, chúng ta đẩy công lí đến chỗ phi lí, chúng ta tha thứ cho tất cả. Chính vì thế thỉnh thoảng chúng ta phải *nuôi dưỡng* một chút đam mê nhỏ, một chút tật xấu nhục tình. Điều đó có thể cực nhọc đối với chúng ta; và khi quây quần thân mật chỉ có chúng ta thôi, có thể chúng ta sẽ cười đáng vẻ bề ngoài ta có vì lẽ đó. Nhưng để làm gì? chúng ta không còn cách nào khác hơn là để tự vượt qua chúng ta: đó là sự khổ hạnh *của chúng ta*, khổ hình *của chúng ta*... Trở nên vô ngã - đức hạnh của những kẻ “vô ngã”...

29.

Từ một cuộc thi tiến sĩ. - “Sứ mệnh của tất cả mọi nền giáo dục cao đẳng là gì?” - Là biến con người thành một cái máy. - “Bằng cách nào?” - Phải dạy con người buồn chán. - “Làm thế nào để đạt được điều đó?” - Bằng ý niệm bồn phận.- “Ai là gương mẫu của nó?” - Nhà ngữ học: hấn dạy cách *nhá* ^[88]. - “Ai là con người hoàn toàn?” - Công chức nhà nước. - “Triết học nào cho người công chức nhà nước công thức tốt nhất?” - Triết học của Kant: người công chức nhà nước với tư cách vật tự nội đặt trên người công chức nhà nước với tư cách hiện tượng.

30.

Quyền ngu ngốc. - Người công nhân mệt mỏi, hơi thở chậm rãi, mắt nhìn dịu dàng, để sự vật tự do lưu chuyển: nhân vật điển hình này, mà ngày nay, trong Thời Đại của Lao Động (và của “*Reich*”! nữa -) người ta gặp trong mọi giai cấp xã hội đang đòi hỏi *nghệ thuật*, gồm cả sách vở và, trước hết, báo chí - nhất là vẻ đẹp của thiên nhiên Ý Đại Lợi chẳng hạn... Con người của buổi tối, với “những bản năng man rợ ngủ say” ^[89] mà Faust nói, con người này cần dưỡng sức, tắm biển, trượt băng, Beyreuth ^[90]... Trong những thời đại như thời đại của chúng ta, nghệ thuật có quyền *hoàn toàn điên khùng* ^[91] như một thứ nghỉ hè của tinh thần, trí tuệ và cảm giác. Wagner hiểu điều đó. Sự *điên khùng hoàn toàn* là

liều thuốc bổ...

31.

Lại một vấn đề chay tịnh nữa. - Những cách mà Jules César dùng để chống lại tình trạng bệnh hoạn và chứng đau đầu của ông ta là: đi bộ thật nhiều, sống hết mức đơn giản, nghỉ ngơi liên tục tại nơi phóng khoáng, gắng sức liên miên - đại để đó là những biện pháp phòng ngừa và tự vệ chống lại sự dễ bị thương cực kì của bộ máy vi diệu làm việc dưới áp lực cao nhất mà người ta gọi là thiên tài.

32.

Kẻ vô luân nói. - Không có gì nghịch lại với thị hiếu của triết gia cho bằng con người với *tư cách kẻ thêm muốn*... Nếu triết gia chỉ thấy con người trong hành vi, nếu hắn thấy con vật can đảm nhất, xảo quyệt nhất, nhẫn nại nhất, lạc lõng bơ vơ ngay cả trong những mê lộ tuyệt vọng - thì con người hiện ra với hắn đáng kính phục biết bao! Hắn khích lệ con người... Nhưng triết gia khinh bỉ con người thêm muốn, và cả con người “đáng thêm muốn” nữa - hắn khinh bỉ tất cả mọi cái đáng thêm muốn, mọi *lí tưởng* của con người. Nếu triết gia có thể là một kẻ theo hư vô chủ nghĩa, hắn sẽ là một kẻ theo hư vô chủ nghĩa ngay bởi hắn nhìn thấy hư vô đằng sau tất cả những lí tưởng của con người. Mà cũng không phải chính hư vô nữa - mà chỉ là những gì vô giá trị, phi lí, bệnh hoạn, hèn nhất, mệt mỏi, tất cả mọi thứ cặn bã trong cái li đã *uống cạn* của đời nó. Tại sao con người, kẻ đáng kính phục nhường ấy trong thực tại, lại không xứng đáng một chút kính trọng nào khi nó thêm muốn vậy? Phải chăng nó phải chuộc lỗi vì đã quá thích hợp trong thực tế? Nó phải cân bằng hành động của nó, cân bằng sự căng thẳng của tinh thần và ý chí vận dụng trong mọi hành động, bằng sự vươn tay đuổi chân ^[92] vào lãnh vực tượng tượng và phi lí chẳng? - Lịch sử của những ước vọng của nó từ xưa tới nay là *partie honteuse* ^[93] của con người. Phải cẩn thận đừng đọc quá lâu trong cuốn sử đó. Cái biện minh con người là thực tế của nó - thực tế sẽ vĩnh viễn biện minh cho nó. Con người đích thực giá trị biết chừng nào khi so sánh với bất cứ loại người nào chỉ được tạo nên bởi thêm muốn, mơ mộng, rác rưởi và dối trá? khi so sánh với bất cứ một con người *lí tưởng* nào?... Và chỉ có con người lí tưởng là kẻ nghịch lại với thị hiếu của triết gia mà thôi.

33.

Giá trị tự nhiên của lòng ích kỉ. - Giá trị của lòng ích kỉ tùy thuộc vào giá trị sinh lí của kẻ có lòng ích kỉ: nó có thể rất có giá trị, nó có thể vô giá trị và đáng khinh bỉ. Mỗi cá nhân đều có thể được xét đoán tùy theo hắn tượng trưng cho đường đi lên hay đi xuống của cuộc đời. Sau khi đã quyết định như thế người ta đã có một tiêu chuẩn để đánh giá giá trị lòng ích kỉ. Nếu nó biểu diễn đường đi lên, thì giá trị của nó quả thật phi thường - và vì lợi ích của cuộc đời toàn diện, sẽ cùng với nó tiến một bước dài về phía trước, sự lo lắng cho sự bảo tồn của nó, cho việc tạo ra những điều kiện tốt nhất cho nó có thể vô cùng. Con người đơn lẻ, “cá nhân”, như người ta cũng như những triết gia từ xưa tới nay hiểu, là một điều sai lầm: tự nó không là gì cả, nó không phải là một nguyên tử, một “mắt xích”, một cái gì chỉ do quá khứ để lại, - nó là tất cả dòng dõi *đơn biệt* của con người từ xưa lên đến nó. Nếu nó biểu diễn sự phát triển đi xuống, sự suy đồi, thoái hoá kinh niên, bệnh hoạn (- bệnh hoạn nói chung là những triệu chứng của suy đồi, chứ *không phải* là nguyên nhân), thì lúc đó nó chẳng có giá trị bao nhiêu, và sự công bình tối thiểu đòi hỏi rằng nó *lấy* của những người khoẻ mạnh càng ít chừng nào càng tốt chừng ấy. Nó chỉ là một con kí sinh trùng của họ mà thôi...

34.

Tín đồ Kitô và kẻ vô thần. - Khi kẻ vô thần, người phát ngôn của những giai cấp giai cấp xã hội *suy*

đòi lên tiếng đòi hỏi với sự phần nộ chính đáng những “quyền hạn” của hắn, “công lí”, “quyền bình đẳng”, hắn chỉ hành động dưới áp lực của sự thiếu văn hoá của hắn, mà không biết *lí do* đích thực tại sao mình khổ - mình nghèo khó về *phương diện* nào, trong cuộc đời... Một khuynh hướng về nguyên nhân mãnh liệt trong hắn lí luận: phải có một kẻ nào đó phải chịu trách nhiệm về tình cảnh tồi tệ đó của hắn... Sự “phần nộ chính đáng” này tự nó đã giúp ích cho hắn nhiều; bất cứ một kẻ đáng thương nào cũng tìm thấy khoái lạc trong sự chửi rủa - nó tìm thấy trong đó một chút say sưa của sức mạnh. Ngay sự ta thán và than vãn cũng đủ cho đời một sự quyến rũ mà vì nó người ta có thể chịu đựng được cuộc đời rồi: có một lượng *trả thù* nhỏ trong mỗi lời ta thán, người ta qui trách tình trạng tồi tệ, và trong một vài trường hợp, ngay cả sự xấu xa của mình cho những kẻ khác họ, như thể những kẻ này phạm một điều bất công hay có một đặc quyền trái phép. “Nếu tôi là một tên *Canaille*^[94] thì bạn cũng phải là một kẻ như vậy.”: người ta làm cách mạng trên nền tảng luân lí này. Than thở chẳng bao giờ vô ích cả: nó xuất phát từ những kẻ yếu đuối. Dù người ta gán tình trạng tồi tệ của mình cho những kẻ khác hay cho *chính mình* - những kẻ theo Xã hội chủ nghĩa làm việc đầu, những tín đồ Kitô giáo chẳng hạn, làm việc sau - thì thực ra cũng chẳng có gì khác nhau cả. Cái giống nhau của cả hai, chúng ta có thể thêm, cái *đê tiện đáng khinh* của cả hai, là cho rằng phải có kẻ nào đó *chịu trách nhiệm* về sự đau khổ của mình - tóm lại, kẻ đau khổ tự kê đơn thuốc ra cho chính mình, lấy mật ngọt của sự trả thù để trị nỗi đau khổ của mình. Những đối tượng của nhu cầu trả thù này cũng như nhu cầu khoái lạc đều chỉ là những nguyên nhân cơ ngẫu^[95]: kẻ đau khổ tìm thấy khắp mọi nơi những nguyên nhân^[96] để xoa dịu sự căm thù ti tiện của hắn - nếu hắn là một tín đồ Kitô giáo, xin nhắc lại, hắn tìm thấy những nguyên nhân này trong *chính mình*... Kẻ vô thần và tín đồ Kitô giáo - cả hai đều là những kẻ *décadents*^[97]. - Khi tín đồ Kitô giáo lên án, phỉ báng và bôi nhọ “*trần gian*”, hắn hành động như vậy bởi cùng bản năng thúc đẩy người công nhân Xã hội chủ nghĩa lên án, phỉ báng và bôi nhọ *xã hội*: ngay cả cuộc “phán xét cuối cùng” cũng chỉ là sự an ủi trả thù dịu dàng - cuộc cách mạng, như người công nhân theo Xã hội chủ nghĩa mong mỏi, có điều được quan niệm như một cái gì xa xôi hơn mà thôi... ngay cả “Thế giới bên kia” - thế giới bên kia để làm gì nếu không phải là một phương tiện để bôi nhọ thế giới này?...

35.

Phê bình luân lí “*Décadence*”^[98]. - Một luân lí “vị tha”, một luân lí trong đó lòng vị kỉ *suy yếu* - trong bất cứ trường hợp nào cũng đều là một dấu hiệu xấu cả. Điều này đúng cho những cá thể, điều này đặc biệt đúng hơn nữa cho những dân tộc. Cái tốt nhất thiếu vắng khi lòng vị kỉ bắt đầu thiếu vắng. Chọn cái có hại cho *chính mình*, bị *cám dỗ* bởi những nguyên nhân “vô vị lợi”, đó hầu như là định thức của *décadence*. “Không tìm lợi lộc *cho chính mình*” - đó chỉ là một cái lá đa lá đê luân lí cho một thực tại hoàn toàn khác hẳn, nghĩa là, sự kiện sinh lí: “Tôi không còn biết cách *tìm* lợi ích của riêng tôi nữa”... Sự phân hoá của những bản năng! - Con người tàn mạt khi nó bắt đầu vị tha. - Thay vì nói một cách ngây thơ: “Tôi không còn giá trị nữa.”, sự dối trá luân lí qua miệng của kẻ *décadent* lại nói rằng: “*không có gì có giá trị cả, - cuộc đời không có giá trị gì cả*”... Một phán đoán như vậy, cuối cùng, bao giờ cũng là một mối nguy hại lớn, nó có tính cách truyền nhiễm - trên mảnh đất vô cùng bệnh hoạn của xã hội, chẳng bao lâu nó nảy nở phồn thịnh thành một rừng tư tưởng nhiệt đới - khi thì dưới hình thức tôn giáo (Kitô giáo), khi thì dưới hình thức triết học (chủ thuyết Schopenhauer). Đôi khi những cây độc mọc lên từ sự mục nát thối tha này có thể đầu độc *cuộc đời* hàng ngày muôn ngàn năm sau bằng hơi độc chúng xông lên...

36.

Qui tắc luân lý cho y sĩ. - Kể bệnh hoạn là kí sinh trùng của xã hội. Trong một số trạng thái nào đó, tiếp tục sống là điều bất chính. Tiếp tục sống như cỏ cây trong sự lệ thuộc hèn nhát vào y sĩ và thuốc men, sau khi ý nghĩa cuộc đời, *quyền* sống đã mất, bắt buộc phải đi tới chỗ bị xã hội khinh bỉ sâu xa. Những y sĩ, tới lượt họ, phải là những kẻ trung gian truyền đạt sự khinh bỉ này - họ không được cho toa, chữa bệnh nữa, trái lại mỗi ngày họ phải mang lại một liều *ghê tởm* mới tới cho bệnh nhân... Tạo ra một trách nhiệm mới, trách nhiệm của y sĩ, áp dụng cho mọi trường hợp trong đó lợi ích tối cao của cuộc đời, của cuộc đời *đi lên*, đòi hỏi người ta gạt ra và chà đạp một cách tàn nhẫn cuộc đời đi xuống - chẳng hạn để xác định quyền sinh sản, quyền được sinh ra đời, quyền sống... Chết một cách kiêu hãnh khi không còn có thể sống một cách kiêu hãnh. Chết theo sự lựa chọn tự do, giữa đám con cháu và nhân chứng quây quần xung quanh: như thế lời vĩnh biệt đích thực còn có thể thực hiện trong khi kẻ đang từ trần *hãy còn đó*, và thực sự còn có thể đánh giá giá trị điều hấn đã hoàn thành và ước muốn trong cuộc đời, làm bảng *tổng kết* cuộc đời - tất cả những điều đó trái ngược với màn bi hài kịch thảm thương và kinh khủng mà Kitô giáo đã đóng trong giờ lâm chung. Không bao giờ người ta được phép quên rằng Kitô giáo đã lạm dụng sự yếu đuối của kẻ hấp hối để dùng bạo lực áp đảo ý thức hấn và lạm dụng ngay cả chính cách chết để dựng nên những phán đoán giá trị về con người và quá khứ hấn nữa! - Gạt ra ngoài tất cả những hèn nhát của thành kiến, vấn đề ở đây là thiết định sự đánh giá trị đích thực, nghĩa là có tính cách sinh lý, của cái gọi là *chết tự nhiên*: cái chết này, rốt cục, có tính cách “phản tự nhiên”, một cuộc tự tử. Người ta không bao giờ chết bởi kẻ khác mà chỉ bởi mình. Nhưng thường chỉ là cái chết trong những trường hợp đáng khinh bỉ nhất, một cái chết không tự do, một cái chết không đúng lúc, một cái chết của một kẻ hèn nhát. Vì lòng tha thiết yêu *cuộc đời*, người ta phải ao ước một

cái chết khác hấn: tự do, ý thức, không tình cờ, không đột ngột... [99] Sau cùng đây là một lời khuyên gửi quý vị bi quan và *décadents* thân mến khác. Chúng ta không nắm trong tay khả năng ngăn cản việc chúng ta ra đời: nhưng chúng ta có thể sửa chữa sự lầm lẫn này vì đôi khi đó là một sự lầm lẫn. Khi người ta *tự huỷ*, người ta đã làm một việc đáng kính trọng nhất: người ta gần như xứng đáng được quyền sống vì đã làm thế [100] ... Xã hội, tôi muốn nói chính *cuộc đời* rút tĩa được lợi ích từ việc làm như vậy nhiều hơn bất cứ từ một “cuộc đời” nào trôi qua trong sự khước từ ồm yếu xanh xao và những đức hạnh khác - người ta đã đi cho khuất mắt những kẻ khác, người ta đã giải thoát cho cuộc đời một *vấn nạn*... Chủ nghĩa bi quan *pur, vert* [101] chỉ có thể *tự chứng minh* bởi sự tự chối bỏ của những quý ông theo bi quan chủ nghĩa: người ta phải tiến thêm một bước nữa trong luận lý của mình, và không phải chỉ chối bỏ cuộc đời trong “ý chí và biểu tượng” như Schopenhauer đã làm - người ta trước hết phải *chối bỏ Schopenhauer*: Tiện thể xin nói qua, chủ nghĩa bi quan tuy hay lây nhưng không làm gia tăng tính chất bệnh hoạn của một thời đại hay một chủng tộc nói chung: nó chính là sự biểu lộ của tính chất bệnh hoạn đó. Người ta trở thành nạn nhân của nó giống như người ta trở thành nạn nhân của bệnh dịch tả: cơ thể người ta phải có những tổ tính bệnh hoạn trước đã: chủ nghĩa bi quan tự nó không tạo ra thêm dù là một kẻ *décadent* nào. Tôi xin nhắc lại rằng thống kê cho thấy những năm bệnh dịch tả hoành hành tổng số người chết không khác gì những năm khác.

37.

Chúng ta có trở nên đạo đức hơn không? - Như người ta đã chờ đợi, tất cả tính chất *tàn bạo* của sự xuẩn ngốc luân lý, từ xưa tới nay vẫn được làm coi là chính luân lý ở Đức, đã đổ xô vào tấn công quan niệm: “phi thiện ác” của tôi: tôi có thể kể nhiều chuyện ngộ nghĩnh về sự kiện này. Trên tất cả, người ta cố gắng khiến tôi suy nghĩ về “sự tối cao không thể chối cãi được” của thời đại chúng ta trong phán đoán luân lý, sự *tiến bộ* đích thực của chúng ta trong lãnh vực này: so với *chúng ta*, một César Borgia

chắc chắn không thể tượng trưng cho một “con người siêu việt”, một thứ *siêu nhân* theo kiểu tôi đã dựng lên... Một ông chủ bút Thụy Sĩ, chủ bút báo *Bund*, đi xa hơn - không những không bày tỏ lòng khâm phục của ông đối với sự can đảm dám làm một việc như thế này - mà ông còn “hiểu” rằng ý nghĩa tác phẩm tôi nằm trong việc đề xướng bãi bỏ tất cả mọi tình cảm đoan chính! Xin cảm ơn! - để trả lời, tôi tự cho phép nêu ra câu hỏi này: “Có thực chúng ta có trở nên đạo đức hơn không?” Sự kiện tất cả mọi người tin như vậy đã là một bác luận chống lại nó rồi. Chúng ta, những con người của thời đại mới, vô cùng tế nhị, vô cùng nhạy cảm, sẵn sàng đón nhận ý kiến tư tưởng hàng trăm cách khác nhau, quả thực chúng ta tưởng tượng rằng những tình cảm nhân loại dịu dàng mà chúng ta biểu lộ này, sự nhất trí đã đạt được trong lòng khoan dung, trong sự sẵn sàng giúp đỡ, trong lòng tin tưởng lẫn nhau, là một sự tiến bộ đích thực và chúng ta đã tiến xa con người thời Phục Hưng. Nhưng thời đại nào cũng nghĩ như vậy, *phải* nghĩ như vậy. Điều chắc chắn là chúng ta không dám tự đặt mình vào những hoàn cảnh ấy: thân kinh chúng ta trong không chịu đựng nổi một thực tại như vậy, nói chi đến những bấp bệch của chúng ta. Tuy nhiên sự bất lực này không chứng tỏ một sự tiến bộ mà chỉ cho thấy một thể chất muộn màng khác yếu đuối hơn, tế nhị hơn, nhạy cảm hơn, từ đó thiết yếu phải nảy sinh ra một luân lý *đầy cung kính*. Nếu chúng ta thử tưởng tượng sự tế nhị và trể muộn, sự suy nhược sinh lý của chúng ta coi như không có, thì lập tức luân lý “nhân đạo” mất ngay giá trị của nó - không có một luân lý nào tự nó có giá trị cả -: nó còn có thể khiến chúng ta khinh bỉ nữa. Trái lại, chúng ta hãy tin rằng chúng ta, những con người thời hiện đại, với lòng nhân đạo như tám chân bông nhồi nhét đầy bông len êm ái quần xung quanh, sợ hãi không muốn đụng chạm dù với một hòn đá nhỏ, chắc chắn sẽ đem lại cho những kẻ đồng thời với César Borgia một màn hài kịch khiến họ cười đến chết được. Quả thực, một cách vô ý thức, chúng ta khôi hài đến cùng độ, chúng ta với những “đức tính” hiện đại của chúng ta... Sự suy giảm của những bản năng thù nghịch và khêu gợi hồ nghi - và đó là cái xây dựng sự “tiến bộ” của chúng ta - chỉ tiêu biểu cho một trong những hậu quả của sự suy giảm tổng quát *sinh lực* của chúng ta: người ta phải vất vả và thận trọng hơn gấp trăm ngàn lần để sống một cuộc đời lệ thuộc và muộn màng như vậy. Lúc đó người nọ sẽ giúp đỡ người kia, lúc đó mỗi người, tới một cực độ nào đó, đều là bệnh nhân, và mỗi người là một khán hộ trông coi bệnh nhân. Cái đó được gọi là “đức hạnh” -: giữa những người đã biết một cuộc sống khác, một cuộc sống phong phú hơn, hoang tàng hơn, lai láng hơn, nó có thể được gọi bằng một cái tên khác, có thể là “hèn nhát”, “tì tiện”, “đạo đức của bà già”... Sự làm dịu nhẹ phong tục của chúng ta - đây là luận đề của tôi, sự *cải cách* của tôi, nếu bạn muốn, - là một hậu quả của sự suy đồi; ngược lại sự cứng rắn và tàn khốc của tập quán lại có thể là hậu quả của sự phong phú của cuộc đời. Bởi vì trường hợp sau đòi hỏi nhiều liều lĩnh, nhiều thách đố và nhiều *hoang phí*. Cái gì trước kia là hương vị của cuộc đời ngày nay có thể là *độc dược* cho chúng ta... Để lãnh đạm lạnh lùng - đó cũng là một hình thức của sức mạnh - chúng ta cũng đã quá già, quá muộn: thứ đạo đức bác ái của chúng ta mà tôi là kẻ đầu tiên đề cao cảnh giác, thứ đạo đức người ta có thể gọi là

l'impressionnisme morale ^[102], cũng lại là một biểu lộ khác của sự nhạy cảm sinh lý quá đáng, đặc tính của tất cả những gì là *décadent*. Phong trào này với *đạo đức bác ái* của Schopenhauer đã cố gắng tự trình bày một cách khoa học - một cố gắng đại bất hạnh! - đúng là một phong trào đích thực của sự *décadence* trong luân lý và như thế rất gần gũi với luân lý Kitô giáo. Những thời đại hùng mạnh, những nền văn hoá *cao quý* đều nhìn thấy trong lòng bác ái, trong “lòng yêu thương đồng loại”, trong sự thiếu vắng lòng ích kỷ và thiếu vắng độc lập một cái gì đáng khinh bỉ. - Phải đo lường những thời đại theo những *sức mạnh tích cực* của chúng - và, nếu đo lường theo tiêu chuẩn ấy thì thời đại Phục Hưng, hoang tàng và đầy bất tường hung hiểm, hiện ra như thời đại *lớn* cuối cùng và chúng ta, chúng ta những con người thời hiện đại, với sự thận trọng lo âu cho bản thân và tình yêu đồng loại, với những đức tính cần lao, khiêm tốn, công bình, khoa học - thu thập, tiết kiệm, máy móc - hiện ra như một thời đại *yếu*

đuôi. Những đức tính của chúng ta bị điều kiện hoá, bị sự yếu đuối của chúng ta *đòi hỏi phải có...* “Bình đẳng”, một sự đồng hoá xác thực, phát biểu qua lí thuyết về “quyền bình đẳng” cốt yếu thuộc về sự suy đồi: vực thẳm chia cách giữa con người và con người, giai cấp và giai cấp, sự đa tạp của những chủng loại, ý chí muốn là mình, muốn tách biệt đứng riêng một mình, cái mà tôi gọi là *cảm thức đau nhức về khoảng cách* ^[103] - là đặc tính của mọi thời đại *mạnh*. Sự đàn hồi, căng thẳng giữa những thái cực ngày nay càng ngày càng trở nên thu hẹp lại - cuối cùng chính những thái cực tự xoa đi và đến chỗ trở nên tương đồng... Tất cả mọi lí thuyết chính trị và những cơ cấu tổ chức quốc gia của chúng ta, không vì lẽ gì không kể “Đế quốc Đức”, đều là những hậu quả, những hậu quả thiết yếu của sự suy đồi; ảnh hưởng vô thức của sự *décadence* còn bắt đầu chế ngự ngay cả trên lí tưởng của một số khoa học. Tôi bài bác toàn thể môn xã hội học ở Anh và Pháp bởi nó chỉ biết do kinh nghiệm những *hình thức suy đồi* của xã hội và hoàn toàn ngây thơ coi chính những bản năng suy đồi của nó như *qui phạm* của phán đoán giá trị xã hội học. Cuộc sống *suy đồi*, sự suy giảm của tất cả những sức mạnh tổ hợp, nghĩa là những sức mạnh chia cách, đào vực sâu xếp đặt trên dưới tự thiết định thành *lí tưởng* trong xã hội học hiện đại... Những nhà xã hội học của chúng ta là những kẻ *décadent*, nhưng ông Herbert Spencer cũng là một kẻ *décadent* nữa, - ông nhìn thấy sự thắng lợi của lòng vị tha là một cái gì đáng mơ ước!...

38.

Quan niệm của tôi về tự do... - Giá trị của một sự việc đôi khi không nằm trong sự kiện người ta được gì khi thủ hữu nó mà trong sự kiện người ta phải trả giá nào để được nó - trong *giá* mà chúng ta phải trả. Tôi đan cử một thí dụ. Những chế độ tự do lập tức hết là tự do khi người ta đạt tới: sau đó, không có gì vô cùng nguy hại cho tự do cho bằng những chế độ tự do. Người ta biết rõ hậu quả chúng mang lại: chúng phá hoại ngầm ý chí hùng cường, chúng san bằng núi cao và thung lũng và gọi đó là luân lí, chúng khiến con người nhỏ bé, hèn nhát và thêm khát dục vọng, - và lần nào bấy thú vật cũng chiến thắng cùng với chúng... Chủ nghĩa tự do: nói cách khác, sự *súc vật hoá thành bầy lũ*... Cùng những thể chế đó, khi người ta còn đang phải chiến đấu để giành chúng, lại tạo ra những hậu quả hoàn toàn khác hẳn; lúc đó chúng thăng tiến tự do một cách mạnh mẽ. Nhìn gần hơn nữa người ta thấy rằng chính cuộc chiến tạo ra những hiệu quả đó, cuộc chiến, với tư cách chiến tranh đã cho phép những bản năng *phản tự do* tiếp tục tồn tại. Và chiến tranh huấn luyện cho tự do. Vì, thế nào là tự do? Đó là người ta phải có ý chí tự gánh vác trách nhiệm đối với bản thân. Đó là người ta phải giữ khoảng cách chia cách với chúng ta. Đó là người ta phải trở nên lãnh đạm hơn nữa đối với vất vả, khổ cực, thiếu thôn, ngay cả đối với cuộc đời. Đó là người ta phải sẵn sàng hi sinh con người cho lợi ích của mình, kể cả chính con người mình. Tự do có nghĩa là những bản năng hùng tráng, những bản năng hân hoan trong chiến tranh và chiến thắng đã trỗi vượt chế ngự trên tất cả những bản năng khác - trên bản năng hướng về “hạnh phúc” chẳng hạn. Con người *đã trở nên tự do* - và *tinh thần* còn phải trở nên tự do biết chừng nào nữa - chà đạp lên thứ hạnh phúc yên ấm đáng khinh mà những tên chủ tiệm tạp hoá, những tín đồ Kitô giáo, những con bò cái, đàn bà, dân Ảng Lê và những tên dân chủ khác thường mơ ước. Con người tự do là một *chiến sĩ*. - Tự do được đo lường cách nào nơi những cá nhân cũng như nơi những quốc gia? Bằng sự đối kháng phải vượt qua, bằng sự cực khổ phải trải để được ở mãi *trên cao*. Người ta phải tìm mẫu người tự do cao cả nhất nơi nào mà sự đối kháng lớn lao nhất cần phải được khắc phục thường xuyên: cách sự độc tài năm bước, gần sát bên ngưỡng cửa của hiểm họa nô lệ. Điều này đúng về phương diện tâm lí nếu người ta hiểu sự “độc tài” là những bản năng tàn bạo và khủng khiếp, để chống lại nó, cần phải vận dụng tối đa uy quyền và kỉ luật đối với bản thân - mẫu tốt đẹp nhất là Jules César; - điều này còn đúng về phương diện chính trị: người ta chỉ cần giở lại lịch sử. Những dân

tộc có một giá trị nào đó, chưa bao giờ chiêm được dưới những chế độ tự do: chính *hiểm hoạ lớn lao* khiến những dân tộc trở thành một cái gì đáng kính trọng, hiểm hoạ trước hết dạy chúng ta biết những tài nguyên của chúng ta, đức hạnh của chúng ta, khí giới tự vệ và tấn công của chúng ta, *tinh thần* chúng ta, - nó *bắt buộc* chúng ta phải mạnh... Nguyên tắc *thứ nhất*: người ta cần phải mạnh, nếu không người ta không bao giờ trở nên mạnh cả. - Những trường huấn luyện vĩ đại dành cho những con người mạnh đó, cho loại người mạnh mẽ nhất chưa bao giờ từng có đó, những cộng đồng quý tộc theo kiểu mẫu La Mã và Venice, đã hiểu chữ tự do theo đúng nghĩa mà tôi muốn nói: như một cái gì người ta có và *không có*, một cái gì người ta *muốn*, một cái gì người ta đang *chinh phục*...

39.

Phê bình thời hiện đại. - Những chế độ của chúng ta không còn lợi ích một chút nào nữa: tất cả mọi người đều đồng ý với nhau về điểm này. Tuy nhiên lỗi lầm không phải ở nơi những chế độ mà ở nơi *chúng ta*. Sau khi đã đánh mất tất cả những bản năng mà từ đó những thể chế phát sinh, hiện chúng ta đang đánh mất chính những thể chế ấy, bởi *chúng ta* không còn thích hợp đối với chúng. Chế độ dân chủ bao giờ cũng là hình thức suy đồi của sức mạnh tổ chức; trong “*Phạm phu, quá đồi phạm phu*”, I, 518, tôi đã biểu thị chân tướng của chế độ dân chủ hiện đại, cùng với những biện pháp nửa vời của nó như “*Đế quốc Đức*”, như là hình thức *suy đồi* của quốc gia. Để có những thể chế, phải có một thứ ý chí, bản năng, mệnh lệnh, phản tự do đến độ tàn ác: một ý chí hướng về truyền thống, về quyền uy, về trách nhiệm thiết lập trên nhiều thế kỉ, về sự *liên đới* giữa những thế hệ nối tiếp, trong quá khứ và

tương lai, *in finitum* ^[104]. Khi ý chí này hiện hữu, thì sẽ có một cái gì như *imperium Romanum* ^[105] được thành lập; hoặc như nước Nga, sức mạnh *duy nhất* ngày nay còn sức mạnh bền bỉ, còn có thể chờ đợi, còn có thể hi vọng một cái gì đó - nước Nga, phần đề của bệnh thần kinh và hệ thống chính trị nhược tiểu đáng thương của Âu châu mà cùng với sự thành lập của *Đế quốc Đức* đã đi vào giai đoạn khẩn trương nghiêm trọng... Toàn thể thế giới Tây phương đã đánh mất những bản năng này mà từ đó phát sinh ra *tương lai*: có lẽ không có gì nghịch lại với “*tinh thần hiện đại*” hơn điều đó. Người ta sống cho hiện tại, người ta sống vội vàng - người ta sống rất vô trách nhiệm: đó chính là cái người ta gọi là “*tự do*”. Cái *khiến* một chế độ là một chế độ thì bị khinh rẻ, thù ghét, bỏ rơi: bất cứ khi nào nghe nói tới chữ “*uy quyền*” người ta đều tưởng mình đang ở trong hiểm hoạ của một chế độ nô lệ mới. Tính chất *décadence* trong bản năng thẩm định giá trị của những chính khách của chúng ta, những chính đảng của chúng ta, xuống sâu đến nỗi *họ tự nhiên thích* cái gì đưa tới băng hoại, cái gì dục thanh than hơn thảm hoạ tận thế... Hãy coi *hôn nhân thời hiện đại*. Rõ ràng là tất cả mọi lí trí đều đã biến mất khỏi hôn nhân hiện đại, tuy nhiên đó không phải là một vấn nạn chống lại hôn nhân mà là chống lại thời hiện đại. Tính cách hợp lí của hôn nhân nằm trong trách nhiệm pháp lí duy nhất của đàn ông: do đó hôn nhân có một trọng tâm, trong khi ngày nay nó đi khắp khiêng trên cả hai chân. Tính cách hợp lí của hôn nhân nằm trong sự vững chắc theo nguyên tắc của nó: do đó có một chủ âm có thể được nghe thấy trên sự tình cờ của cảm giác, đam mê và xúc động thoáng qua. Nó còn nằm trong trách nhiệm lựa chọn vợ chồng của gia đình. Với sự khoan dung gia tăng cho hôn nhân *vì tình*, người ta đã loại trừ chính nền tảng của hôn nhân, cái duy nhất khiến nó trở thành một chế độ. Không bao giờ, tuyệt đối không bao giờ người ta có thể thiết lập một chế độ trên một đặc tính; tôi nhắc lại, người ta *không* xây dựng hôn nhân trên “*tình yêu*”, - người ta xây dựng hôn nhân trên bản năng dục tình, trên bản năng tư hữu (vợ con được coi như tài sản), trên *bản năng cai trị* không ngừng tổ chức cho chính nó những cơ cấu cai trị nhỏ bé nhất, gia đình, và cần con cái và những kẻ thừa kế để duy trì - theo cả nghĩa sinh lí nữa - một số lượng sức mạnh, ảnh hưởng, tài sản đã thừa hưởng được, để sửa soạn cho những công việc lâu dài, cho một sự liên đới của bản năng giữa những thế kỉ. Hôn nhân, với tư cách một chế độ, đã bao hàm trong

chính nó sự khẳng định của hình thức tổ chức rộng lớn nhất và bền bỉ nhất: nếu xã hội như một toàn thể không thể tự *đứng bảo lãnh* cho chính nó trong những thế hệ xa xôi nhất, thì hôn nhân hoàn toàn vô nghĩa. - Hôn nhân thời hiện đại *đã mất ý nghĩa* của nó - do đó, nó đang bị bãi bỏ.

40.

Vấn đề thợ thuyền. - Chính sự xuẩn ngốc, hay đúng hơn, sự suy đồi của bản năng mà ngày nay người ta tìm thấy nơi cùng đáy của *tất cả* mọi sự xuẩn ngốc, đã làm nảy sinh ra vấn đề thợ thuyền. Có một số sự việc mà người ta không hề đặt câu hỏi: mệnh lệnh đầu tiên của bản năng. - Tôi tuyệt nhiên không hiểu người ta muốn làm gì với người công nhân Âu châu sau khi đã đặt hẳn thành một vấn đề. Hẳn thấy địa vị hẳn quá tốt đẹp để không “đòi hỏi” hơn nữa - để đòi hỏi một cách quá đáng hơn nữa. Rốt cuộc, hẳn có đa số ủng hộ hẳn. Phải hoàn toàn từ bỏ hi vọng thấy một loại người khiêm tốn và tự túc tự mãn, một mẫu người Trung Hoa, có thể phát triển thành một giai cấp ở đây: và điều đó rất hợp lí, đó đúng là một điều cần thiết thiết thực. Nhưng người ta đã làm gì? - Tất cả mọi sự đều sắp đặt để giết chết ngay từ trong trứng nước ngay cả những điều kiện tiên quyết của vấn đề, - với một sự khinh suất vô trách nhiệm nhất người ta đã hoàn toàn tiêu diệt những bản năng mà nhờ đó người công nhân có thể trở thành một giai cấp, có thể *dưới mắt hẳn*. Người công nhân đã được qui định có thể đi quân dịch, có quyền tổ chức hội đoàn và đầu phiếu: có gì đáng ngạc nhiên khi người công nhân ngày nay thấy sự hiện hữu của mình như một nguy cơ (như một *bất công*, nói theo ngôn ngữ đạo đức -)? Nhưng người ta *muốn* gì? - tôi xin hỏi lại lần nữa. Nếu người ta muốn một cứu cánh, người ta phải muốn cả những phương tiện: nếu người ta muốn có nô lệ thì người ta điên khi giáo dục họ để trở thành những chủ nhân ông.

41.

“Tự do không theo nghĩa của tôi...”^[106]. Trong những thời đại như thời đại của chúng ta, buông thả theo những bản năng của mình là một tai hoạ thêm nữa. Những bản năng này đối chọi, quấy rối và phá hoại lẫn nhau; tôi đã định nghĩa thời *hiện đại* như sự tự-mâu thuẫn sinh lí. Tính cách thuần lí của giáo dục đòi hỏi rằng, dưới sự đè nén sắt đá, ít nhất là một trong những hệ thống bản năng này phải *bị tê liệt* để cho phép một hệ thống khác chiếm đoạt sức mạnh, trở thành mãnh liệt, trở thành chủ nhân. Ngày nay cách duy nhất khiến cá nhân còn có thể có được là *cắt xén nó*: có thể nghĩa là *hoàn toàn*... Điều ngược lại là cái đang xảy ra: sự đòi độc lập, phát triển tự do, *laisser-aller*^[107] được đề xướng một cách nồng nhiệt nhất bởi những kẻ mà đối với họ không xiềng xích nào quá *khắc nghiệt* - điều đó đúng *in politicis*^[108], điều đó đúng trong nghệ thuật. Nhưng điều đó là một triệu chứng của *décadence*^[109]: quan niệm về “tự do” của thời hiện đại chúng ta là một bằng chứng thêm nữa của sự suy đồi của những bản năng.

42.

Nơi nào đức tin cần thiết. - Không có gì hiếm hoi hơn nơi những nhà đạo đức và những bậc thánh cho bằng sự lương thiện; có lẽ họ nói điều ngược lại, có lẽ họ còn *tin tưởng* điều đó nữa. Bởi vì khi đức tin ích lợi hơn, hữu hiệu hơn, hùng hồn hơn sự giả đạo đức *ý thức*, thì sự giả đạo đức trở thành hồn nhiên *ngây thơ* ngay: nguyên tắc thứ nhất để hiểu những bậc thánh vĩ đại. Trong trường hợp những triết gia, một thứ nhánh khác, cũng vậy. Nghề nghiệp họ chỉ cho phép họ chấp nhận một số chân lí: những chân lí mà nhờ đó nghề nghiệp của họ được *công chúng* công nhận. Nói theo ngôn ngữ của Kant, đó là những chân lí của lí trí *thực tiễn*. Họ biết điều mà họ phải *chứng minh*, họ thực tiễn ở chỗ đó - họ nhận ra nhau bởi sự đồng ý về những “chân lí”. - “Mi không được nói dối” - nói cách khác: xin *cố giữ*

đừng nói thật, triết gia thân mến của tôi...

43.

Nói nhỏ với những người bảo thủ. - Cái mà ngày xưa người ta không hiểu, cái mà người ta có thể hiểu, - một sự *qui hồi*, một sự trở về theo bất cứ ý nghĩa nào và bất cứ mức độ nào là điều không thể được. Ít ra đó là điều mà những tâm lí gia chúng ta hiểu. Nhưng tất cả mọi tu sĩ và luân lí gia tin rằng điều đó có thể - họ *muốn* đưa nhân loại trở lui, *cưỡng bách* nhân loại trở lui về một tiêu chuẩn cũ của đức hạnh. Đạo đức bao giờ cũng là cái giường của Procuste^[110]. Ngay cả những chính trị gia cũng bắt buộc những người rao giảng đức hạnh điều đó: ngay cả ngày nay vẫn có những đảng phái mơ tưởng tiến mọi sự bằng cách đi *giật lùi* như những con cua. Nhưng không ai được tự do làm một con cua. Không thể được: người ta *phải* tiến lên, nghĩa là đi chậm rãi *từng bước một* tiến tới *décadence* (- đó là định nghĩa *của tôi* về “sự tiến bộ” hiện đại...). Người ta có thể *cản trở* sự phát triển này và, trong khi cản trở, đập đập ngăn và tích lũy sự suy đồi và khiến nó trở nên dữ dội và *đột ngột* hơn: người ta không thể làm được gì hơn nữa...

44.

Quan niệm của tôi về thiên tài. - Những vĩ nhân cũng như những thời đại lớn, là những chất nổ trong đó chứa chất những năng lực khổng lồ; về phương diện lịch sử và sinh lí, điều kiện tiên thiên của họ bao giờ cũng là có một sự thu thập, tàng chứa, tiết kiệm và bảo tồn đi trước họ trong một thời gian lâu dài - nghĩa là trong một thời gian rất lâu không có một vụ nổ nào xảy ra cả. Khi sự căng thẳng trong quần chúng đã trở nên quá căng, thì chỉ cần một sự kích thích nhỏ nhất không đáng kể nhất cũng đủ mời gọi “thiên tài”, “hành động”, định mệnh lớn lao đến trên thế giới. Vậy thì hoàn cảnh, thời đại, “tinh thần thời đại”, “dư luận quần chúng” lúc đó có đáng kể gì! - Hãy lấy trường hợp Napoléon làm thí dụ. Nước Pháp tiên cách mạng lẽ ra phải đẻ ra một mẫu hoàn toàn ngược lại với mẫu Napoléon mới phải, và quả thực nó đã đẻ ra mẫu người đó. Và bởi vì Napoléon *khác hẳn*, kẻ thừa kế của một nền văn minh mạnh mẽ hơn, trường cửu hơn, kì cựu hơn^[111] nền văn minh đang tan tành ra thành tro bụi ở Pháp lúc đó nên ông trở thành chủ nhân ông ở đây, chủ nhân ông duy nhất ở đây. Những vĩ nhân thiết yếu, thời đại mà họ xuất hiện chỉ là tùy phụ; nếu hầu như bao giờ họ cũng trở thành chủ nhân của thời đại họ là vì họ mạnh hơn, kì cựu hơn, vì trước họ đã có một sự thu thập sức mạnh lâu dài giành cho họ. Sự liên hệ giữa một thiên tài và thời đại giống như sự liên hệ giữa người mạnh và người yếu, người già và người trẻ: thời đại bao giờ tương đối cũng trẻ hơn, thiếu cốt yếu hơn, kém chín mùi hơn, ít tin chắc ở mình hơn, trẻ con hơn. - Sự kiện ngày nay người ta *hoàn toàn nghĩ khác hẳn* như thế ở

Pháp (ở cả Đức nữa, nhưng điều đó không quan trọng gì cả) sự kiện lí thuyết về *milieu*^[112], một lí thuyết thác loạn thần kinh đích thực, đã trở thành bất khả xâm phạm và hầu như khoa học, được sự tín dụng ngay cả trong đám những nhà sinh lí học - sự kiện đó có một mùi “khó ngửi”, sự kiện đó đưa tới những ý tưởng ưu phiền. - Ở Anh, người ta cũng tin như vậy nhưng không ai sâu nào vì điều đó cả. Người Anh chỉ có hai đường lối để thoả thuận với thiên tài và “vĩ nhân”: hoặc là đường lối *dân chủ* theo kiểu Buckle hay là đường lối *tôn giáo* theo kiểu Carlyle. - Hiếm hoạ nằm trong những vĩ nhân và những thời kì vĩ đại thật phi thường; sự kiệt quệ đủ mọi loại, sự khô cạn đi theo họ bết bát. Vĩ nhân là một tận điểm; thời đại lớn, thời đại Phục Hưng chẳng hạn, là một tận điểm. Thiên tài - trong hành động, trong sự nghiệp - thiết yếu là một kẻ hoang tàng phung phí: chính sự kiện *hắn phung phí* mình là sự vĩ đại của hắn... Bản năng tự bảo tồn một cách nào đó ngưng lại; áp lực cực độ của những sức mạnh tuôn trào từ hắn ngăn cấm bất cứ một sự thận trọng hay cẩn thận nào. Người ta gọi điều đó là “hi

sinh”, người ta ca ngợi lòng “anh hùng” của hần, thái độ lãnh đạm đối với sự yên ấm của riêng hần, sự nhiệt thành của hần cho một ý tưởng, một chính nghĩa, một tổ quốc: tất cả đều là những sự hiểu lầm... Hần trào dâng, chan chứa, hần tự phung phá hần, hần không giữ gìn bản thân hần, một cách nguy hại, không thể tránh được, ngoài ý muốn, như sự ngập lụt của dòng sông là điều ngoài ý muốn vậy. Nhưng bởi vì người ta mang ơn những con người bùng nổ này rất nhiều nên người ta đã cho lại họ nhiều thứ, chẳng hạn một thứ *đạo đức cao siêu*... Đó là cách biết ơn của nhân loại: nhân loại *hiểu lầm* những ân nhân của mình.-

45.

Kẻ tội phạm và những gì liên quan tới nó. - Mẫu người tội phạm là mẫu người mãnh liệt bị đặt trong những hoàn cảnh bất lợi, một con người mạnh bị làm cho trở nên bệnh hoạn. Điều mà nó thiếu là không được sống trong một chốn man rợ, trong một thiên nhiên và hình thức sinh tồn tự do và nguy hiểm hơn, trong đó tất cả những gì là tấn công và tự vệ nơi bản năng con người mạnh *được đặt đúng chỗ của nó*. Những *đức tính* của nó bị xã hội khai trừ, những bản năng sống động nhất mà nó mang đi từ khi sinh ra đời lập tức lẫn lộn với những hậu quả trầm trệ suy yếu, với nghi kỵ, sợ hãi và nhục nhã. Tuy nhiên đó hầu như là *định thức* của sự suy đồi sinh lí. Kẻ nào phải làm một cách bí mật điều mà hần làm hay nhất và thích làm nhất, với sự căng thẳng kéo dài, với thận trọng, giao quyết, sẽ trở nên thiếu máu; và bởi vì nó không bao giờ gạt hái được gì từ nơi những bản năng của nó ngoài những hiểm họa, ngược đãi, thảm họa nên ngay cả những cảm giác của nó cũng quay lại chống chính những bản năng của nó nữa - nó cảm nghiệm những bản năng của nó như một điều bất hạnh. Chính xã hội, xã hội thuần hoá, tầm thường, bị thiếu hoạn mất đàn ông tính của chúng ta, trong đó một con người sống gần thiên nhiên, kẻ đến từ đồi núi hay từ những cuộc phiêu lưu trên biển cả trở về, thiết yếu phải suy đồi thành một kẻ tội phạm. Hay gần như thiết yếu: bởi vì có những trường hợp trong đó một con người chứng tỏ mạnh hơn xã hội: con người đảo Corse, Napoléon là trường hợp lừng danh nhất. Về vấn đề đang nằm trước mặt chúng ta đây, bằng chứng của Dostoïevski rất quan trọng - nhân tiện xin nói qua, Dostoïevski là tâm lí gia duy nhất mà tôi có vài điều để học: ông thuộc về những tình cờ hạnh phúc nhất của đời tôi, còn hơn cả sự khám phá ra Stendhal nữa. Con người *sâu thẳm* này, đúng mười mười trong sự khinh thường dân Đức là hơi hợt của ông, đã sống một thời gian lâu dài giữa đám tù khổ sai Tây Bá Lợi Á, những tù nhân tồi tệ nhất chẳng còn đường nào trở về với xã hội loài người nữa, và ông thấy họ khác hẳn điều mà chính ông đã chờ đợi - ông thấy họ được gọt đẽo từ thứ gỗ tốt nhất, cứng rắn nhất và có giá trị nhất mọc ở bất cứ nơi nào trên đất Nga. Chúng ta hãy tổng quát hoá trường hợp của kẻ tội phạm: chúng ta hãy nghĩ tới những bản chất thiên phú mà vì một lí do nào đó, không được công chúng thừa nhận, họ biết họ không được coi như ân nhân hoặc kẻ có ích lợi, - cảm thức Tchêndôla cùng mặt cảm thấy rằng họ không được coi như một kẻ bình đẳng mà như một kẻ bị gạt ra ngoài lề, vô giá trị, nguồn gốc của ô nhục xấu xa. Những bản chất thiên phú này mang một màu sắc dưới hăm trên hành động và tư tưởng họ; nơi họ tất cả mọi sự đều trở nên xanh xao hơn nơi những kẻ mà đời sống được phơi ra ánh mặt trời. Nhưng hầu như tất cả mọi hình thức hiện hữu mà ngày nay chúng ta nể trọng ngày xưa đều sống trong bầu không khí nửa âm u mộ địa này: khoa học gia, nghệ sĩ, thiên tài, tinh thần tự do, diễn viên, thương gia, nhà phát minh vĩ đại... Chừng nào mà *giáo sĩ* còn được coi như mẫu tối cao thì *tất cả mọi* loại người có giá trị vẫn còn bị hạ giá khinh khi... Thời đang tới - tôi xin hứa - khi giáo sĩ sẽ bị coi như kẻ *đê tiện nhất*, như kẻ Tchêndôla mặt cùng *của chúng ta*, như kẻ dối trá nhất, như loại người thô tục nhất.. Tôi xin lưu ý sự kiện ngay cả ngày nay, dưới tập quán mềm dịu nhất chưa từng có trên trái đất, ít ra là ở Âu châu, tất cả những gì sống riêng biệt, tất cả những gì lâu nay, rất lâu nay ở *dưới*, tất cả mọi hình thức đang sinh tồn khác thường và bí ẩn, đang đưa con người lại gần mẫu người mà kẻ tội phạm là mức tuyệt hảo. Tất cả mọi nhà cải tạo tinh thần đều mang trong một thời gian cái dấu

hiệu xanh xao và định mệnh của giai cấp Tchândâla cùng mặt trên vầng trán: *không phải* bởi tại người ta coi họ như vậy, nhưng bởi tại chính họ cảm thấy cái vực thẳm khủng khiếp chia cách họ với tất cả những gì là truyền thống và được kính trọng xưa nay. Hầu hết mọi thiên tài đều biết, như một giai đoạn trong sự phát triển của mình, “cuộc sống Catilina”^[113], cảm giác thù hận, trả thù và nổi loạn chống lại tất cả những gì đã *hiện hữu*^[114], chống lại tất cả những gì không *biến dịch*^[115] nữa... Catilina - hình thức tiền hữu của *tất cả mọi* César.

46.

Nơi đây cái nhìn cởi mở. - Khi một triết gia giữ im lặng thì đó có thể là sự cao cả của tâm hồn; khi ông ta nói ngược lại mình thì đó có thể là tình yêu; người đi tìm hiểu biết có thể nói dối vì lịch sự. Không phải là người ta thiếu tế nhị khi nói rằng: *Il est indigne des grands cocurs de se répandre le trouble qu'ils ressentent*^[116]: có điều phải nói thêm rằng không sợ *không xứng đáng chút nào* cũng có thể là sự cao cả của tâm hồn nữa. Một người đàn bà hi sinh danh dự của nàng khi yêu; một thức giả có lẽ có thể hi sinh nhân loại của mình khi “yêu”: một Thượng Đế khi đã yêu trở thành một người Do Thái...

47.

Cái đẹp không phải là một tai nạn. - Vẻ đẹp của một chủng tộc, một gia đình, sự duyên dáng và hoàn hảo của nó trong mọi cử chỉ, phải vất vả lắm mới thủ đắc được: giống như thiên tài, nó là chung kết của nỗ lực thâm góp nhiều thế hệ. Người ta phải hi sinh rất nhiều cho thị hiếu phong nhã, người ta đã phải làm rất nhiều và bỏ rơi rất nhiều thứ vì nó - thế kỉ mười bảy của Pháp đáng được ngưỡng mộ về cả hai phương diện này -, người ta phải thủ đắc từ nơi nó một nguyên tắc lựa chọn nơi giao tế, chỗ ở, quần áo, sự thoả mãn dục tình của mình; người ta phải thích cái đẹp hơn lợi ích, thói quen, dư luận, tính biếng nhác ù lì. Nguyên tắc cư xử tối cao: ngay cả khi chỉ có một mình người ta cũng không được phép “buông thả mình”. - Sự vật tốt lành giá đắt vô cùng: và luật bao giờ cũng chủ trương rằng kẻ *có* chúng thì khác kẻ *thủ đắc* chúng. Tất cả những gì tốt lành đều do di sản: cái gì không do di sản truyền lại đều bất toàn, đều chỉ là một sự khởi đầu... Ở Nhã Điện, vào thời Cicéron, ông ta ngạc nhiên trước sự kiện đàn ông và trai tráng đẹp hơn đàn bà rất nhiều: nhưng phái mạnh đã đòi hỏi mình từ nhiều thế kỉ biết bao công lao và cố gắng để phục vụ cho sắc đẹp! - Tuy nhiên người ta không được làm lẫn phương pháp được dùng ở đây: một kỉ luật của tình cảm và tư tưởng đơn độc gần như không đem lại gì cả (- đó là sự làm lẫn lộn lao của nền giáo dục Đức, một nền giáo dục hoàn toàn ảo tưởng): trước hết người ta phải thuyết phục *thân thể*. Giữ gìn nghiêm cẩn những cử chỉ quý phái và chọn lọc, bắt buộc chỉ sống với những người không “buông thả mình”, hoàn toàn đủ để trở nên quý phái và chọn lọc rồi: trong hai, hay ba thế hệ, tất cả đều thâm nhiễm vào bên trong. Điều có tính cách quyết định đối với vận mệnh của một dân tộc và nhân loại là văn hoá phải bắt đầu đúng chỗ - *không phải* từ *linh hồn* (như sự tin nhảm của những tu sĩ và bán tu sĩ): chỗ đúng nhất là thân thể, cử chỉ, đồ ăn thức uống hằng ngày, sinh lí: *phần còn lại* do đó mà ra... Đó là lí do tại sao người Hy Lạp vẫn là *biến cố văn hoá* đầu tiên của lịch sử - họ biết, họ *làm* cái cần phải làm; Kitô giáo, miệt thị thân thể, là điều đại bất hạnh cho nhân loại từ xưa cho tới tận ngày nay.

48.

Tiến bộ theo quan điểm của tôi. - Tôi cũng nói về một cuộc “trở về với thiên nhiên”, tuy nhiên thực ra nó không phải là một cuộc trở lui mà là một cuộc *đi lên* - lên tới một thiên nhiên và tự nhiên cao vợi, lồng lộng và khủng khiếp nữa, như đùa với những trọng trách, *có quyền đùa* với những trọng trách...

Nói bằng biểu tượng: Napoléon là một phần của “cuộc trở về thiên nhiên” như tôi hiểu (thí dụ, *in rebus tacticis* ^[117]; còn hơn thế nữa, như những nhà quân sự hiểu, về phương diện chiến lược nữa. - Nhưng Rousseau - thực ra ông ta muốn trở về cái gì? con người hiện đại thứ nhất, kẻ theo lí tưởng chủ nghĩa và dân *Canaille* ^[118] kết hợp trong cùng một con người - kẻ cần “phẩm hạnh” để có thể chịu đựng nổi chính hình dáng mình, đau bệnh vì tính khoa trương không giới hạn và lòng tự khinh bỉ mình không giới hạn. Ngay cả kẻ sẩy non bất thành nhân này, nằm trên ngưỡng cửa thời đại mới, cũng muốn “trở về thiên nhiên” - xin hỏi lại một lần nữa, ông ta muốn trở về đâu? - Tôi còn ghét Rousseau ngay cả *trong* cuộc Cách mạng Pháp nữa: nó là sự biểu lộ lịch sử của con người hai mặt, lí tưởng và *Canaille* này. Trò hề đầm máu do Cách mạng đó đóng, sự “vô luân” của nó, tôi không quan tâm lắm: điều tôi ghét là thứ *luân lí* kiểu Rousseau của nó, - những cái tự gọi là “chân lí” của cuộc Cách mạng mà qua đó Cách mạng còn tác động và lôi cuốn tất cả những gì nông cạn và tầm thường. Lí thuyết bình đẳng!... Không có thứ thuốc độc nào độc hơn: bởi nó *có vẻ* được rao giảng bởi công lí, trong khi chính nó là sự *chấm dứt* của công lí... “Bình đẳng với những kẻ bình đẳng, bất bình đẳng với những kẻ bất bình đẳng” - đó phải là ngôn ngữ đích thực của mọi công lí: và, do đó: “Không bao giờ bình đẳng hoá những bất bình đẳng.” - Chung quanh thuyết bình đẳng này đã diễn ra biết bao cảnh đầm máu khủng khiếp đến nỗi nó đã đem lại cho “ý tưởng tân thời” *par excellence* ^[119] này một thứ vinh quang và hào quang đến độ cuộc Cách mạng như một màn kịch đã cảm dỗ ngay cả những đầu óc quý phái nhất. Cuối cùng, chúng ta không còn lí do gì để tôn kính nó nữa. - Tôi chỉ thấy có một người duy nhất đã cảm nghiệm nó - với *sự ghê tởm* - Goethe...

49.

Goethe. - Không phải là một biến cố của nước Đức mà là một biến cố của cả Âu châu: một mưu đồ vĩ đại nhằm vượt qua thế kỉ thứ mười tám bằng một cuộc trở về với thiên nhiên, bằng một nỗ lực *vươn lên* cái tự nhiên của thời Phục Hưng, bằng một thứ tự vượt mình về phần thế kỉ của chúng ta. - Goethe mang trong ông những bản năng mạnh mẽ nhất của nó: tính đa cảm, sự sùng bái thiên nhiên, chủ trương phi lịch sử, lí tưởng, hư ảo và tinh thần cách mạng (- tính cách sau cùng chỉ là một trong những hình thức của cái hư ảo). Ông cầu viện tới lịch sử, vạn vật học, thượng cổ sử, cả Spinoza, và nhất là hành động thực tiễn; ông tự rào rậu xung quanh ông bằng những chân trời khép kín; ông không hề tách mình ra khỏi cuộc đời, trái lại lao mình vào lòng đời; ông không khiếm nhược trốn tránh bản phận, trái lại, gánh vác tất cả trách nhiệm trên vai, ôm ấp trong lòng mình. Điều ông muốn là *toàn thể*; ông chiến đấu chống lại sự tách biệt của lí trí, nhục cảm, cảm giác và ý chí (- được rao giảng bằng thứ triết học kinh viện đáng ghê tởm nhất bởi Kant, đối cực của Goethe); ông tự đào luyện mình để đạt tới toàn thể, ông tự *sáng tạo* mình... Giữa thời đại của tình cảm giả tạo, Goethe là một người tin chắc vào chủ trương hiện thực: ông khẳng định tất cả những gì tương tự như ông về phương diện này - không có kinh nghiệm riêng tư nào lớn hơn kinh nghiệm *ens realissimum* ^[120] mang tên Napoléon. Goethe tưởng tượng một con người mạnh, văn hoá cao, thể dục khéo léo, tự chủ hoàn toàn, kính trọng mình, dám cho phép mình hưởng trọn vẹn nhiên tính ^[121] trong tất cả sự phong phú tràn đầy của nó, kẻ đủ mạnh cho một sự tự do đó; một con người bao dung độ lượng, không phải vì sự yếu đuối mà bởi sức mạnh, bởi ông biết cách dùng làm sao cho có lợi cho mình cái có thể tiêu diệt một bản chất tầm thường; một người mà không có gì là cấm đoán đối với hắn nữa, trừ *sự yếu đuối*, dù sự yếu đuối ấy mang tên là tật xấu hay đức hạnh... Một tinh thần *đã trở nên giải thoát* như vậy, đứng giữa lòng vũ trụ với lòng hân hoan tin vào định mệnh, với niềm *tin tưởng* rằng chỉ có cái gì tách rời và cá biệt mới đáng lên án và thể tất cả

đều được cứu chuộc và khẳng nhận trong toàn thể - *hẳn không phủ nhận nữa...* Nhưng một niềm tin như vậy là niềm tin tối thượng trong tất cả mọi đức tin có thể có được: tôi làm lễ rửa tội cho nó với tên *Dionysos*.

50.

Theo một ý nghĩa nào đó, người ta có thể nói rằng thế kỉ thứ mười chín *cũng* cố gắng hướng về tất cả những điều Goethe đã cố đạt tới một mình: phổ quát tính trong sự lãnh hội, trong sự ung thuận, một sự mở rộng-đón chào-tất cả-mọi-sự-đến-với-mình ^[122], một thực tại luận can đảm, một thái độ coi trọng sự kiện. Tại sao lại đưa tới kết quả toàn diện không phải là một Goethe mà lại là một sự hỗn độn, một tiếng thở dài hư vô chủ nghĩa, một sự bối rối Không-biết-hướng về-ngả nào-nữa ^[123], một khuynh hướng mệt mỏi *in praxi* ^[124] liên tục *cố lùi lại thế kỉ mười tám?* (- chẳng hạn như tình cảm lãng mạn, như lòng vị tha và tình cảm suốt mướt, như đàn bà tính trong thị hiếu, như xã hội chủ nghĩa trong chính trị.) Phải chăng thế kỉ mười chín, nhất là giai đoạn kết thúc, chỉ là một thứ thế kỉ thứ mười tám cường liệt, *tàn bạo hoá*, nói khác đi, một thế kỉ của *décadence*? Đến nỗi Goethe chỉ là một sự tình cờ, một sự “vô ích” đẹp đẽ, không phải đối với riêng nước Đức mà cả với toàn cõi Âu châu? Nhưng người ta ngộ nhận những vĩ nhân nếu người ta nhìn họ dưới viễn tượng lợi ích công cộng hèn mọn. Sự kiện người ta không thể rút ra được từ nó một lợi ích nào *có lẽ chính là đặc tính của sự vĩ đại...*

51.

Goethe là người Đức cuối cùng mà tôi kính trọng: chắc ông cũng cảm thấy ba điều mà tôi cảm thấy - chúng tôi còn đồng ý với nhau về “thập giá” nữa... ^[125] Người ta thường hỏi tôi tại sao tôi lại viết *bằng tiếng Đức*: không ở nơi nào tôi bị đọc một cách tồi tệ hơn ở quê hương tôi. Nhưng cuối cùng ai biết được ngày nay tôi còn *muốn* được đọc không? - Sáng tạo những sự kiện mà trên đó thời gian cố gặm nhấm hoài một cách uổng công; bằng hình thức và bằng *thực chất*, cố gắng đạt tới một sự bất tử nhỏ bé - chưa bao giờ tôi đủ khiêm tốn để đòi hỏi tôi ít hơn. Cách ngôn, châm ngôn, trong đó tôi là bậc thầy đầu tiên trong đám người Đức, là những hình thức của “vĩnh cửu”; tham vọng của tôi là nói trong mười câu điều mà tất cả những người khác *không* nói trong một cuốn sách...

Tôi đã cho nhân loại cuốn sách sâu thẳm nhất mà nó có, tác phẩm *Zarathustra* của tôi: vắn tắt, tôi sẽ cho nhân loại một cái gì độc lập nhất.

*

Tôi nợ những gì nơi cổ nhân

1.

Để kết luận, tôi nói thêm một lời về thế giới mà tôi đã tìm đường đi tới, thế giới mà có lẽ tôi đã tìm thấy một con đường mới để đi tới - thế giới thượng cổ. Thị hiếu của tôi, có lẽ ngược lại với thị hiếu khoan dung dễ dãi, trong trường hợp này lại càng xa với thái độ chấp thuận xô bồ: một cách tổng quát nó ghét chấp thuận, nó thích nói không là đằng khác; nhưng trên tất cả, nó không muốn nói gì hết... Điều đó có thể áp dụng cho toàn thể những nền văn hoá, điều đó có thể áp dụng cho sách vở, - có thể áp dụng cho cả những thị thành và phong cảnh nữa. Rốt cuộc chỉ có một số rất ít sách cổ đáng kể trong đời tôi; những tác phẩm nổi tiếng nhất không được kể trong số đó. Cảm thức của tôi về bút pháp, bút pháp phúng thi, được đánh thức dậy gần như tự nhiên khi tôi giao tiếp với Sallust. Tôi không quên được sự kinh ngạc của ông Corsen, vị giáo sư khả kính của tôi, khi ông bị bắt buộc phải cho cậu sinh viên học tiếng Latin tệ nhất của ông hạng điểm cao nhất - tôi đã tự thành cái một. Chặt chẽ, nghiêm khắc với càng nhiều thực chất bao nhiêu càng hay bấy nhiêu, một sự độc ác lạnh lùng đối với những “lời đẹp” cũng như đối với “tình cảm đẹp” - ở đây tôi tìm thấy tôi. Ngay cả trong tác phẩm *Zarathustra* của tôi, người ta cũng sẽ nhận ra tham vọng vô cùng trang trọng nhằm đạt tới một thứ bút pháp *La Mã*, đạt tới tính chất *acre parennius* ^[126] trong bút pháp. - Kinh nghiệm của tôi trong lần tiếp xúc đầu tiên với Horace cũng không khác thế. Cho tới nay không một thi sĩ nào mang lại cho tôi một sự sáng khoái nghệ thuật mà một bài đoản thi của Horace đã cho tôi ngay từ lúc đầu. Trong một vài ngôn ngữ người ta chưa thể *muốn* nói điều đã tự thành ở đây. Tám khảm từ vựng này, trong đó mỗi chữ, bởi âm thanh, bởi vị trí, bởi ý niệm mà nó diễn tả, tuôn trào sức mạnh sang phải, sang trái và phủ lên toàn thể, cái tối thiểu trong tổng số và số lượng những dấu hiệu đó tạo thành một tối đa năng lực của những dấu hiệu này - tất cả những tính chất đó là *La Mã* và quý phái *par excellence* ^[127], nếu người ta muốn tin tôi. So sánh với nó, tất cả thi ca trở thành một cái gì quá bình dân - một mớ tình cảm luộm thuộm dài dòng...

2.

Tôi tuyệt đối không nhận được một ấn tượng nào mãnh liệt như những ấn tượng đó từ nơi người Hy Lạp cả; và thành thực mà nói, họ *không thể* như người *La Mã* đối với chúng ta. Người ta không thể *học hỏi* từ nơi người Hy Lạp - bút pháp của họ quá lạ lùng, và cũng quá trôi chảy chuyển động để tạo nên một hiệu quả có tính cách bắt buộc, một hiệu quả “cổ điển”. Từ xưa tới nay ai đã từng học viết văn từ nơi một người Hy Lạp! Từ xưa tới nay ai đã từng học viết văn mà *không* cần người *La Mã*! Xin đừng đưa Platon ra để bài bác tôi. Tôi rất hoài nghi về Platon và chẳng bao giờ có thể vào hùa ca tụng *người nghệ sĩ* Platon, một trong những nhà thông thái theo truyền thống. Sau cùng, tôi có những nhà phán đoán thị hiếu thượng cổ tinh tế nhất bên cạnh tôi. Đối với tôi, dường như Platon xáo xáo lẫn lộn đủ mọi hình thức bút pháp, do đó, ông ta là kẻ *décadent* đệ nhất trong lĩnh vực bút pháp: ông ta phạm những lỗi tương tự như những lỗi của học phái khuyến nhô, những người đã làm ra phúng thi *satura Menippea*. Muốn tìm thấy sự quyến rũ của đối thoại Platon - một thứ biện chứng pháp tự mãn và trẻ con ghê gớm - người ta phải chưa từng đọc bất cứ một tác giả Pháp hay nào - Fontenelle chẳng hạn.

Platon tê ngắt. Sau cùng, lòng hoài nghi Platon của tôi xuống sâu tận đáy con người ông ta: tôi thấy ông ta đã lạc quá xa tất cả bản năng căn bản của Hy Lạp, quá nhiễm đầy đạo đức, quá Kitô giáo tiền Kitô - ông ta đã coi khái niệm “thiện” là khái niệm tối cao - đến nỗi để chỉ toàn thể hiện tượng “Platon” tôi thích dùng chữ tàn bạo “tên bịp siêu đẳng”, hay, nếu người ta muốn, “lí tưởng chủ nghĩa”, hơn bất cứ một phẩm từ nào khác. - Nhân loại đã phải trả giá khá đắt cho người đàn ông Nhã Điện này đi học với những người Ai Cập (hay với những người Do Thái ở Ai Cập?...) Trong cơn bĩ vận của Kitô giáo, Platon là sự hàm hồ và cảm dỗ mang tên “lí tưởng”, cho phép những con người bản chất cao quý của thời thượng cổ ngộ nhận mình và cho phép họ đặt chân lên *cầu dẫn* tới “thập giá”... Và còn lại biết bao dấu vết của Platon trong khái niệm “Giáo hội”, trong cơ cấu, hệ thống, tập tục của Giáo hội! - Sự tiêu khiển của tôi, sự ưa thích của tôi, *phương thuốc chữa bệnh* của tôi khỏi chủ nghĩa duy tâm Platon bao giờ cũng là *Thucydides*. Thucydides và có lẽ tác phẩm *Quân Vương* của Machiavelli gần tôi nhất bởi ý chí tuyệt đối nhất định không chịu lừa gạt mình và nhất định tìm lí lẽ trong *thực tại* của họ, - chứ *không phải* trong “lí trí” và càng không phải trong “đạo đức” nữa... Không có gì hiệu nghiệm triệt để hơn Thucydides trong việc chữa trị chứng bệnh lí tưởng hoá tô lộng chuốt hồng tề lậu của người Hy Lạp mà đám thanh niên được giáo dục trong nền “văn hoá cổ điển” đem vào cuộc sống như phần thưởng của sự chuyên cần của họ nơi học đường. Phải theo sát ông từng dòng một và chăm chú đọc những ẩn ý của ông một cách rõ ràng như đọc những lời của ông vậy: ít có triết gia nào nhiều ẩn ý như thế. Nền *văn hoá nguy hiểm*, tôi muốn nói tới *văn hoá hiện thực*, đã đạt tới sự diễn tả toàn bích nơi ông - đó là phong trào thượng thượng giữa sự lường gạt đạo đức và lí tưởng chủ nghĩa của những trường phái theo Socrate lúc đó đang làm mưa làm gió khắp nơi. Triết học Hy Lạp là sự *décadence* của bản năng Hy Lạp; Thucydides là tổng số, sự phát lộ cuối cùng của tinh thần duy kiện mạnh mẽ, nghiêm nhặt nằm trong bản năng của cổ Hy Lạp. Sau cùng, đó là lòng *can đảm* trước thực tại phân cách những con người như Thucydides với Platon: Platon là một kẻ hèn nhát trước thực tại, - do đó ông chạy trốn vào lí tưởng; Thucydides làm chủ được mình - do đó ông cũng làm chủ được sự vật...

3.

Đánh hơi tìm nơi người Hy Lạp những “tâm hồn đẹp”, những “trung dung vàng” và những sự toàn bích khác, thán phục nơi họ thái độ bình thản trong sự vĩ đại, tình cảm lí tưởng, sự ngây thơ siêu phàm của họ - nhà tâm lí học trong tôi đã ngăn ngừa giùm tôi sự “ngây thơ siêu phàm” đó, đảo cùng chỉ là một *niaiserie allemande* ^[128]. Tôi thấy bản năng mãnh liệt nhất của họ, ý chí hùng cường, tôi thấy họ run rẩy trước sức mạnh bất trị của bản năng này, - tôi thấy tất cả mọi thể chế của họ nảy sinh từ những biện pháp phòng ngừa nhằm bảo vệ lẫn nhau khỏi những *chất nổ* nằm trong con người họ. Sự căng thẳng nội tâm ghê gớm bèn tuôn ra thành những cơn cuồng nộ, tàn bạo khủng khiếp bên ngoài: những đô thị xâu xé lẫn nhau ngổ hầu những công dân trong những đô thị ấy tìm thấy sự an bình trong chính họ. Người ta cần phải mạnh: sự nguy hiểm luôn luôn cận kề, - nó rình rập khắp nơi. Sự mềm mại huy hoàng của thân thể, chủ trương duy thực và vô luân đặc biệt của dân Hy Lạp là một sự *thiết yếu* chứ không phải là một “đặc tính tự nhiên”. Nó là một hậu quả chứ không phải có đó ngay từ nguyên thủy. Và người ta dùng những hội hè và nghệ thuật không nhằm mục đích nào khác hơn là để tự cảm thấy mình *ở trên, tự chứng tỏ mình ở trên*. Đó là những cách tự tôn vinh mình, và trong một vài trường hợp, còn là cách khiến mình trở nên đáng sợ nữa... Làm sao người ta có thể phán đoán dân tộc Hy Lạp theo kiểu Đức, nghĩa là phán đoán họ theo những triết gia của họ, dùng thứ luân lí hương nguyệt của những trường phái Socrate như chìa khoá để khám phá đâu là nền tảng sâu xa của tính chất Hy Lạp!... Hiển nhiên những triết gia là những kẻ *suy đồi* của tinh thần Hy Lạp, vận động đối nghịch lại thị hiếu cổ điển, cao nhã (- đối nghịch bản năng, đối nghịch *Polis*, đối nghịch giá trị của chủng tộc, đối nghịch uy quyền của

truyền thông). Những đức hạnh theo tinh thần Socrate được đem ra giảng dạy bởi vì dân tộc Hy Lạp đã đánh mất chúng: dễ bị kích động, nhút nhát, hay thay đổi, tất cả đều đóng trò, họ thừa đủ lí do để người ta giảng dạy luân lí cho mình. Không phải điều đó có thể mang lại một lợi ích nào: mà bởi những danh từ đao to búa lớn và những thái độ đẹp quá thích hợp với những kẻ *décadents*...

4.

Tôi là người đầu tiên coi trọng hiện tượng tuyệt vời mang tên Dionysos như một phương tiện để thấu hiểu cái bản năng Hy Lạp cổ xưa, một bản năng hãy còn phong phú và lai láng nữa. Nó chỉ có thể giải thích được như một sự *thặng dư* của sức mạnh. Bất cứ người nào nghiên cứu dân tộc Hy Lạp như vị giáo sư sành sỏi văn hoá họ hiện đại, Jacob Burckhardt ở Basel, tất nhận thức được ngay giá trị của dòng nhận định đó: Burckhardt đã thêm vào tác phẩm *Kultur der Griechen* ^[129] của ông một chương đặc biệt về hiện tượng này. Nếu người ta muốn thấy sự đối nghịch, người ta chỉ cần nhìn qua sự nghèo nàn của bản năng gần như đáng tức cười nơi những nhà ngữ học Đức khi họ đề cập tới vấn đề Dionysos. Nhất là nhà ngữ học nổi danh Lobeck, đã bỏ vào thế giới huyền bí này với lòng xác tín khả kính của một con mọt sách khô khan và tự thuyết phục rằng mình có tinh thần khoa học trong khi ông ta hời hợt và trẻ con đến buồn nôn, - với sự uyên bác sâu xa, Lobeck cho thấy rằng tất cả những sự hiểu kì đó chẳng có gì là quan trọng cả. Quả thực những giáo sĩ có thể nói cho những người dự những cuộc tế lễ tửu thần say sưa đó một vài điều không phải là không có đôi chút giá trị; chẳng hạn rượu khơi gợi dục vọng, người ta đôi khi có thể sống bằng hoa quả, cây cối trở hoa về mùa xuân và úa tàn về mùa thu. Về phần những nghi lễ biểu tượng, thần thoại phong phú về nguồn gốc tế tửu thần tràn ngập thế giới thượng cổ, Lobeck tìm thấy trong đó một cơ hội để trở nên khôn khéo hơn một bậc nữa. Ông nói (Aglaophamus, I, trang 672): “Khi rảnh rang, không có việc gì để làm, dân Hy Lạp thường cười đùa, nhảy nhót, chạy quanh, hoặc, vì đôi khi người ta cảm thấy muốn như vậy, họ ngồi bệt xuống đất khóc lóc, kêu gào than thở. Kế đó *những kẻ khác* tới tìm hiểu lí do của hành vi lạ lùng này; và do đó nảy sinh ra vô vàn thần thoại và truyện truyền kì để giải thích tập tục đó. Trái lại, người ta tin rằng những *cử chỉ khô hạn* diễn ra vào những ngày hội hè sau đó là thuộc phần nghi lễ cần thiết và giữ những cử chỉ đó lại như một thành phần không thể thiếu được của nghi thức thờ phụng.” - Thật là những lời nói bậy bạ đáng khinh bỉ và tôi tin chắc rằng không một ai coi trọng một người như ông Lobeck này, dù trong chốc lát. Chúng ta có một cảm thức khác hẳn khi chúng ta nghiên cứu ý niệm “Hy Lạp” thiết định bởi Winkelmann và Goethe và thấy nó không xứng hợp với yếu tố từ đó nảy sinh ra nghệ thuật Dionysos - với lễ tửu thần. Quả thực tôi tin chắc rằng Goethe đã loại trừ một ý tưởng tương tự khỏi những khả tính của tâm hồn Hy Lạp. Do đó, *Goethe không hiểu dân tộc Hy Lạp*. Bởi vì *thực tại căn bản* của bản năng Hy Lạp - “ý chí sinh tồn” của nó - chỉ tự biểu lộ trong những niềm bí ẩn Dionysos, trong tâm lí của trạng thái Dionysos. Hy Lạp bảo đảm gì bởi những niềm bí ẩn này? *Cuộc sống vĩnh cửu*, sự qui hồi vĩnh cửu của cuộc đời; tương lai được hứa hẹn và thánh hoá trong quá khứ; sự khẳng định chiến thắng của cuộc đời trên sự chết và đổi thay; cuộc sống *đích thực* như sự kéo dài tập thể bởi sự sinh sản, bởi những bí ẩn của dục tình. Vì lẽ đó, đối với người Hy Lạp, biểu tượng *dục tình* là biểu tượng đích thực tuyệt vời, ý nghĩa sâu thẳm đích thực trong toàn thể sự kính tín cổ điển. Mọi chi tiết cá biệt trong tác động sinh sản, mang thai, sinh đẻ đều gợi ra những tình cảm cao cả nhất và trang trọng nhất. Trong mật giáo, sự *đau khổ* được thần thánh hoá, mọi sự đau khổ nói chung - mọi sự biến dịch và trưởng thành, mọi bảo đảm tương lai, *thiết yếu tạo ra* đau đớn... Để có nguồn vui vĩnh cửu của sáng tạo, để cho ý chí sống tự khẳng định muôn đời, những nỗi “đau đớn của sinh sản” cũng phải hiện hữu muôn đời... Đó là tất cả ý nghĩa của danh từ “Dionysos”: tôi không biết biểu tượng *Hy Lạp* này, biểu tượng yến tiệc Dionysos. Bản năng sâu thẳm nhất của đời sống, sự vĩnh cửu của đời sống, được cảm nghiệm một cách tôn giáo trong danh từ này - và đường đời, sự sinh sản, được coi như con đường

thiên liêng. Chính Kitô giáo, với lòng *oán hận* cuộc đời trong đáy lòng, đã biến tình dục thành một cái gì nhơ nhớp: nó ném bùn nhơ lên nền tảng, lên điều kiện tiên quyết của cuộc đời chúng ta...

5.

Tâm lí của lễ cuồng ẩm tế thần Dionysos như một cảm thức về cuộc đời và sức mạnh tuôn trào lai láng, trong đó ngay cả đau đớn cũng tác động như một kích thích tốt, đã cho tôi chìa khoá khám phá khái niệm về cảm thức *bi tráng* ^[130], đã bị hiểu lầm rất nhiều bởi Aristote và đặc biệt bởi những kẻ bi quan của chúng ta. Bi kịch không hề chứng tỏ chủ nghĩa bi quan của dân tộc Hy Lạp theo nghĩa chữ bi quan của Schopenhauer, trái lại, nó có thể được coi như là sự phủ nhận triệt để và *lên án ngược lại* ý tưởng đó. Sự khẳng định cuộc đời, ngay cả trong những vấn đề kì dị nhất và gay go nhất; ý chí sống, hân hưởng chính tính chất bất tận của nó, ngay cả trong việc phải hi sinh những mẫu mực tối cao của mình - *đó* là cái tôi gọi là tính chất Dionysos, *đó* là cái tôi nhận thức như cây cầu đưa tới tâm lí người thi sĩ *bi tráng*. *Không phải* để giải thoát khỏi sự bi thương và kinh sợ, không phải để thanh tẩy mình khỏi một cảm xúc nguy hiểm bởi sự phát tán hung hăng cuồng bạo của nó - Aristote hiểu như vậy - mà là để tự *thể hiện trong chính mình* nguồn hân hoan bất diệt của biến dịch tự thành, trên tất cả mọi kinh hoàng và bi thương - nguồn hân hoan này còn hàm chứa trong nó nỗi *hân hoan trong sự phá huỷ*... Và do đó, tôi lại trở về nơi mà từ đó tôi đã xuất phát ngày xưa - *Sự khai sinh của Bi kịch* là một cuộc đảo hoán mọi giá trị đầu tiên của tôi: bởi đó tôi lại trở lại đứng trên mảnh đất ước muốn, khả năng của tôi tăng trưởng - tôi, môn đồ cuối cùng của triết gia Dionysos - tôi, bậc thầy của sự phục hồi vĩnh cửu...

Cây búa nói

“Tại sao quá cứng rắn! - than trong bếp một hôm hỏi kim cương: chúng ta chẳng phải là bà con họ hàng gần với nhau sao?”

“Tại sao quá mềm? hỏi các anh, ta cũng xin hỏi các anh như thế: các anh chẳng phải là - anh em với ta sao?”

Sao quá mềm, quá nhu nhược và dễ khuất phục làm vậy? Sao quá nhiều khước từ và chối bỏ trong tâm các anh? Sao quá ít định mệnh trong ánh mắt các anh nhìn?

Và nếu các anh không muốn là những định mệnh, những kẻ khốc liệt: làm sao một ngày kia các anh có thể cùng ta-chiến thắng?

Và nếu sự cứng rắn của ác anh không muốn loé sáng và cắt, cứa: làm sao một ngày kia các anh có thể cùng ta-sáng tạo?

Bởi những kẻ sáng tạo đều cứng rắn. Và in bàn tay lên muôn ngàn năm như lên sáp ong mềm dường như phải là diễm phúc của các anh. - diễm phúc viết lên ý chí của muôn ngàn năm như trên đồng thau, - cứng rắn hơn đồng thau, cao nhả hơn đồng thau. Duy kẻ cứng rắn nhất mới là kẻ cao nhả nhất.

Tám bảng mới mẻ này, hỏi anh em, ta xin đặt trên đầu các anh: hãy trở nên cứng rắn!

*Zarathustra đã nói như thế,
Những bảng giá trị cũ và mới, 29.*

Lời cuối của người dịch

Nếu tác phẩm *Zarathustra* đã nói như thế, Tác phẩm dành cho tất cả mọi người và không dành cho một ai được coi là tiền sảnh trong toàn thể kiến trúc tư tưởng Nietzsche thì *Buổi hoàng hôn của những Thần tượng* hay *Làm cách nào người ta triết lý với cây búa* chính là hậu đường của kiến trúc đó vậy. Người đọc *Zarathustra* có thể chưa biết gì về tư tưởng Nietzsche, lần đầu tiên được giới thiệu bước vào tiền đường của lâu đài tác phẩm ông thì người đọc *Buổi hoàng hôn của những thần tượng*, người đã bước vào tới hậu đường, phải được giả thiết là đã đọc toàn bộ tác phẩm Nietzsche. Sự khó khăn trong việc lãnh hội và diễn dịch tác phẩm này là ở chỗ đó. Thêm nữa, *Buổi hoàng hôn của những thần tượng*” được viết vào chính buổi hoàng hôn của cuộc đời-tư tưởng tác giả. Ở đây Nietzsche quyết liệt vùng lên đánh phá lần cuối cùng bóng tối, - cái bóng tối dày đặc, ngàn đời đã và sẽ còn tiếp tục trùng trùng phủ vây nhân loại - trong thịnh nộ và hân hoan mê cuồng, trong cả hi vọng bão táp lẫn tuyệt vọng âm u. Và vì e rằng đối thủ đã quen đấu pháp, ở đây Nietzsche thay đổi cả khí giới lẫn chiêu thức. Thay vì dùng trường kiếm ông dùng tuyệt đao. Tuyệt đao theo nghĩa siêu phàm, tuyệt đao theo nghĩa tối hậu, tuyệt đao theo nghĩa liêu lĩnh: đánh trí mạng để kết thúc cuộc chiến.

Giờ đây cuộc chiến đã tạm ngưng trong bóng đêm. Nhưng liệu những kẻ đã chứng kiến buổi hoàng hôn của những thần tượng có đủ sức để khơi mở những mạch nguồn tiềm ẩn trình nguyên chưa bị đầu độc của cuộc sống, phôi dựng một Bình Minh mới cho tâm thức bằng tuyệt đao Nietzsche vừa buông tay? Một câu hỏi cũng quá đen, quá lớn, cũng biến cuộc đời kẻ đặt câu hỏi thành một định mệnh tàn khốc, cũng không ngừng thúc đẩy hấn phải lao thẳng vào mặt trời và vào cái chết từng giây phút. Nhưng dù có bị thiêu đốt hay thủ đắc được đủ mọi khả thể phục sinh thì hấn cũng đã được diễm phúc sống trong ánh sáng. *Luôn luôn và luôn luôn trong ánh sáng.*

N.H.H.

30-10-71

Phụ lục

Người dịch đã đọc Nietzsche đúng mười năm nhưng không dám quả quyết có diễn tả đúng tư tưởng và ngôn ngữ Nietzsche. Và không ai có thể quả quyết điều đó. Đoạn trích nguyên tác “Cây búa nói” dưới đây và bản dịch của nhiều thể hệ dịch giả Anh, Pháp, Hoa Kỳ cho thấy rõ điều này. Vì thế trong bản dịch *Hoàng hôn của những thần tượng* hiện tại sẽ được dịch lại trong năm 1972.

N.H.H.

Phụ lục 1

Der Hammer redet

“Warum so hart!- sprach zum Diamanten einst die Küchen-Kohle: sind wir denn nicht Nah-Verwandte?”

Warum so weich? O meine Brüder, also frage ich euch: seid ihr denn nicht - meine Brüder?

Warum so weich, so weichend und nachgebend? Warum ist so viel Leugnung, Verleugnung in eurem Herzen? so wenig Schicksal in eurem Blicke?

Und wollt ihr nicht Schicksale sein un Unerbittliche: wie könntet ihr einst mit mir - siegen?

Und wenn eure Härte nicht blitzen und schneiden und zerschneiden will: wie könntet ihr einst mit mir- schaffen?

Alle Schaffenden nämlich sind hart. Und Seligkeit muß es euch dünken, eure Hand auf Jahrtausende zu drücken wie auf Wachs,-

- Seligkeit, auf dem Willen von Jahrtausenden zu schreiben wie auf Erz,- härter als Erz, edler als Erz, Ganz hart allein ist das Edelste.

Die neue Tafel, o meine Brüder, stelle ich über euch: werdet hart! -

Also sprach Zarathustra,

Von alten und neuen Tafeln, 29

Le marteau parle

Bản dịch của Henri Albert

Mercure de France, 1899.

“Pourquoi si dur?- dit un jour au diamant le charbon de cuisine; ne sommes-nous pas intimement parents?”^[131]

Pourquoi si mous? Ô mes frères, ainsi vous demande, je, *moi*: n’êtes-vous donc pas - mes frères?

Pourquoi si mous, si fléchissants, si mollissants? Pourquoi y a-t-il tant de reniement, tant d’abnégation dans votre cœur? si peu de destinée dans votre regard?

Et si vous ne voulez pas être des destinées, des inexorables: comment pourriez-vous un jour *vaincre* avec moi?

Et si votre dureté ne veut pas étinceler, et trancher, et inciser: comment pourriez-vous un jour *créer* avec moi?

Car les créateurs sont durs. Et cela doit vous sembler béatitude d’empreindre votre main en des siècles, comme en de la cire molle, - béatitude d’écrire sur la volonté des millénaires, comme sur de l’airain, - plus dur que de l’airain, plus noble que l’airain. Le plus dur seul est le plus noble.

Ô mes frères, je place au-dessus de vous cette table nouvelle: DEVENEZ DURS!

*Ainsi parlait Zarathustra,
Des vieilles et des nouvelles tables, 29.*

*

Bản dịch của Geneviève Bianquis

AUBIER

“Pourquoi si dur? dit un jour la houille au diamant. Ne sommes-nous pas proches parents?”

Pourquoi si mous? Ô mes frères, voilà ce que je vous demande. N’êtes-vous pas mes frères?

Pourquoi si mous, si amollis, indolents? Pourquoi y a-t-il tant de reniement, de renoncement dans vos cœurs? si peu de fatalité dans vos regards?

Et si vous ne voulez par être fatalité et destin inexorable, comment pourriez-vous être un jour avec moi-vainqueurs?

Et si votre dureté refuse d’étinceler, de couper, de trancher, comment pourriez-vous être un jour avec moi-créateurs?

Car les créateurs sont durs, et il faut que vous sentiez la félicité d’imprimer votre main sur les millénaires comme sur une cire, la félicité de graver votre empreinte dans le vouloir des millénaires comme dans un plus noble que l’airain. Le métal le plus noble est aussi le plus dur.

Voilà la table nouvelle que je dresse à présent au-dessus de vos têtes, ô mes frères: *devenez durs*.

Ainsi parlait Zarathustra,

Des tables anciennes et nouvelles, 29.

*

Bản dịch của Maurice Betz
GALLIMARD, 1947.

“Pourquoi si dur? - dit un jour au diamant le charbon de cuisine; ne sommes-nous pas proches parents?”

Pourquoi si mous? Ô mes frères, je vous le demande: n’êtes-vous donc pas mes frères?

Pourquoi si mous, si mollissants, si fléchissants? Pourquoi y a-t-il tant de reniement, tant de dénis dans votre cœur? si peu de destinée dans votre regard?

Et si vous ne voulez pas être des destinées, des inexorables: comment pourriez-vous un jour vaincre avec moi?

Et si votre dureté ne veut pas étinceler, et trancher, et inciser: comment pourriez-vous un jour créer avec moi?

Car les créateurs sont durs. Et cela doit vous sembler une félicité d’empreindre votre main en des siècles, comme en de la cire.

Félicité d’écrire sur la volonté des millénaires, comme sur de l’airain, - plus dur que de l’airain, plus noble que de l’airain. Le plus dur seul est le plus noble.

Cette table nouvelle, ô mes frères, je la place au-dessus de vous: *devenez durs!*

*Ainsi parlait Zarathustra,
Des vieilles et des nouvelles tables, 29.*

*

The hammer speaks

Bản dịch của Water Kaufmann
THE VIKING PRESS, 1951.

“Why so hard?” the kitchen coal once said to the diamond. “After all, are we not close kin?”

Why so soft? O my brothers, thus I ask you: are you not after all my brothers?

Why so soft, so pliant and yielding? Why is there so much denial, self-denial, in your hearts? So little destiny in your eyes?

And if you do not want to be destinies and inexorable ones, how can you one day [\[132\]](#) triumph with me?

And if your hardness does not wish to flash and cut and cut through, how can you one day create with me?

For all creators are hard. And it must seem blessedness to you to impress your hand on millennia as on wax,

Blessedness to write on the will of millennia as on bronze - harder than bronze, nobler than bronze. Only the noblest is altogether hard.

This new tablet, O my brothers, I place over you: *become hard!*

*Thas Sproke Zarathustra,
On old and new tablets, 29.*

*

Bản dịch của Marianne Cowan
A GATEWAY EDITION, 1957.

“Why so hard?” said the kitchen coal to the diamond. “Aren’t we near relatives?”.

Why so soft? I ask you, ho my brothers! Aren’t you-my brothers?

Why so soft, so soft and ready to give in? Why so much lying and denying in your hearts? Why so little fatefulness in your eyes?

If you will not be fates, inexorable men, how could you be victors together with me?

And if your hardness will not flash and cut and slice- how could you some day create together with me?

For creators are hard. And your bliss must be to print your hand on millenniums as if they were wax, to inscribe yourselves upon the will of millenniums as if they were brass - harder than brass, more precious than brass. Only the most precious materials are really hard.

This new tablet I give you, my brothers: *Become hard!*

*Thus Spoke Zarathustra,
About Old and New Tablets, 29.*

*

Bản dịch của R.J.Hollingdale
PENGUIN BOOKS, 1968 [\[133\]](#)

“Why so hard?” the charcoal once said to the diamond; “for are we not close relations?”

Why so soft? O my brothers, thus I ask you: for are you not-my brothers?

Why so soft, unresisting and yielding? Why is there so much denial and abnegation in your hearts? So little fate in your glances?

And if you will not be fates, if you will not be inexorable: how can you-conquer with me?

And if your hardness will not flash and cut and cut to pieces: how can you one day-create with me?

For creators are hard. And it must seem bliss to you to press your hand upon millennia as upon wax,
bliss to write upon the will of millennia as upon metal - harder than metal, nobler than metal. Only the
noblest is perfectly hard.

This new law-table do I put over you, O my brothers: *Become hard!*

*Thus Spoke Zarathustra,
Of Old and New law-tablets, 29.*

*

Phụ lục 2

Những “thần tượng” được nói tới trong tác phẩm

ARISTOTE (384-322 trước T.L.):

Nietzsche hết sức tán dương những triết gia Tiền-Socrate nhưng coi nhẹ, và đôi khi giản lược và cường ép Socrate và những triết gia trường phái này, nhất là Platon, coi họ như những “triệu chứng suy đồi, những công cụ của sự băng hoại của Hy Lạp, những kẻ bài Hy Lạp” (*Sự khai sinh của Bi kịch*). Ông kịch liệt bài bác quan niệm coi bi kịch như “catharsis”; - trạng thái cảm xúc pha trộn giữa kinh sợ và thương xót - của Aristote. Nếu Aristote có lí thì bi kịch chỉ là “một nghệ thuật nguy hại cho cuộc đời”, trong khi theo ông nó chính là một liều thuốc bổ, “kích thích vĩ đại hướng về cuộc đời, một nỗi say sưa cuộc đời, một ý chí sinh tồn” (*Ý chí hùng dũng* II, 460).

BAUDELAIRE, Charles (1821-1867):

“Ai là kẻ ủng hộ *thông minh* đầu tiên của Wagner? Chính Baudelaire...” (*Ecce Homo*, II, 5). Nietzsche dùng Baudelaire để chứng minh rằng Wagner chỉ là một kẻ *décadent* (suy đồi) Pháp quốc. Trong khi Baudelaire là một “Richard Wagner không âm nhạc”. Cả hai đều là những kẻ “lệ thuộc văn chương, vô cùng học thức, và cả hai đều là văn sĩ. Kích động thần kinh, bệnh hoạn, dày vò, không mặt trời.” (*Ý chí hùng dũng*, II, 3: 208).

BORGIA, César (chết năm 1507):

Quận công xứ Valentinois, người được Machiavelli dùng làm kiểu mẫu trong tác phẩm *Quân vương*, một chính khách tài ba, xảo quyệt và tàn bạo. Nietzsche gọi César Borgia là một con “mãnh thú”, một “ác quỷ nhiệt đới”, thuộc loại “mãnh thú tóc vàng” như những hải tặc Viking Bắc Âu, Nietzsche từ chối coi Borgia là một hình thức bệnh hoạn, suy đồi của con người (*Phi thiện ác*, 19). Trái lại chính những con người nguyên thủy dũng mãnh như César, những kẻ đến từ biển cả hay rừng

núi bị xã hội của những “con người ôn hoà”, bầy thú “thuần hoá” suy nhược của những “vùng ôn đới” xua đuổi, xa lánh, sợ hãi, dồn đến chỗ khiến họ trở thành những kẻ nổi loạn, tội phạm, bệnh hoạn. Có thể nói họ là những anh hùng sa sầy vì thiếu một môi trường hoang dã, phóng khoáng, nguy hiểm. Đó là những cây khoẻ mạnh của rừng nhiệt đới bị còi cọc khi bị đánh sang trồng trên những mảnh đất ôn đới. (*Hoàng hôn của những Thần tượng*, IX, 45). Nietzsche chịu ảnh hưởng quan niệm về anh hùng, kẻ tội phạm cao nhã của Dostoïevski, rút tĩa từ kinh nghiệm tù đầy của ông ở Tây Bá Lợi Á nơi, sau nhiều năm sống chung chạ với những tù khổ sai Nga, Dostoïevski nhận định: tất cả những người này đều có trong mình những tài nguyên tuyệt vời, có lẽ họ là những tài năng thiên phú nhất, những đứa con mãnh liệt nhất của dân tộc ta.” (*Hồi kí về chốn địa ngục trần gian*).

BUCKLE, Henry Thomas (1821-1862):

Sử gia Anh, tác giả bộ *Lịch sử văn minh*. Trong *Phổ hệ luân lí* (I, 4), Nietzsche tán công quan niệm của Buckle về những định luật tổng quát chế ngự những cuộc cách mạng của nhân loại, cho đó là *chủ trương duy tiện dân* của tinh thần thời hiện đại.

BURCKHARDT, Jacob (1818-1897):

Sử gia Đức, bạn đồng nghiệp với Nietzsche ở đại học Basel, tác giả bộ *Văn minh thời Phục Hưng ở Ý* nổi tiếng. Nietzsche rất kính phục Burckhardt, lấy lại một số nhận định của ông về những nguyên lí phát khởi của một nền văn minh.

CARLYLE, Thomas (1795-1881):

Sử gia và phê bình gia Anh, tác giả bộ *Anh hùng và sự tôn thờ anh hùng*. Nietzsche phê bình Carlyle là một “người theo phong trào lãng mạn điển hình”, một người có ngôn ngữ và cử chỉ hùng mạnh, ồn ào nhưng trong cùng đáy tâm hồn lại là một kẻ yếu đuối, dấn vật, thường xuyên bị dao động bởi nhu cầu tìm một đức tin mạnh, tích cực để trấn áp mình, lằm lằm giữa khát vọng tin tưởng với ý chí tìm chân lí. (*Ý chí hùng dũng*, 455).

CATILINA, Lucius Sergius (109-62 trước T.L.):

Nhà quý tộc La Mã, âm mưu chống Nguyên lão Nghị viện nhưng thất bại (63-2 t.T.L.)

CÉSAR, Jules (101-44 trước T.L.):

Kẻ chinh phục, nhà độc tài La Mã, hùng biện khéo léo, đầy nghị lực, biểu dương lịch sử của con người ý chí hùng dũng thăng hoa, khác với Borgia là con người ý chí hùng dũng bị thui chột.

COMTE, Auguste (1798-1857):

Triết gia duy nghiệm Pháp. Theo Nietzsche, Comte, *nói tiếp thế kỉ* thứ XVIII, đặt *trái tim* trên *đầu óc*, chủ trương một tri thức luận duy cảm giác, đề xướng một thứ vị tha ảo tưởng (*YCHD*, III, 40). *Quan điểm chủ yếu* của Comte lằm lạp: chủng loại siêu đẳng không có *bốn phận* hướng dẫn chủng loại hạ đẳng, trái lại, phải coi chủng loại dưới như nền tảng, điểm tựa để hoàn thành sứ mệnh của chính mình: vượt qua con người, vượt quá nhân loại-lí tưởng của Comte.

CORNARO, Luigi (1467-1566):

Tác giả bộ sách lừng danh về nghệ thuật điều dưỡng đã được dịch ra nhiều thứ tiếng “*Discorsi sulla vita Sobria*” (1558). Rút kinh nghiệm từ chính cuộc sống đau ốm của ông từ lúc nhỏ tới năm trên bốn mươi tuổi, Cornaro cổ võ một phép ăn uống kiêng cử như một phương thuốc cho một cuộc sống trường thọ và khoẻ mạnh. “Trong phần đời sau, ông thấy một trái trứng đủ là thực phẩm vững chắc cho một ngày” (*Encyclopedia Britannica*). Theo Nietzsche, Cornaro đã làm lẫn cho hậu quả là nguyên nhân.

DANTE ALIGHIERI (1265-1321):

Thi hào Ý. Trong bảng giá trị của Nietzsche, những nghệ sĩ được đặt trên cả tư tưởng gia. Nhưng đó là những nghệ sĩ vĩ đại, đi trên những trào lưu tư tưởng. Trong thực tế có những nghệ sĩ lớn *đầu hàng* tư tưởng và thường khi tự thành chính những trào lưu tư tưởng ấy làm Nietzsche nản lòng: Dante với Giáo hội Thiên Chúa, Richard Wagner với phái lãng mạn, Shakespeare với tư tưởng tự do của Montaigne. Nietzsche không đọc Dante nhiều vì “những tinh thần giáo điều như Dante và Platon là những tinh thần mà tôi cảm thấy *vô cùng xa cách*” (YCHD, III, 379).

DARWIN, Charles (1809-1882):

Nhà vạn vật học Anh chủ trương thuyết tiến hoá:

1. Vạn vật phải *tranh đấu để sinh tồn* (*struggle for life*).
2. Muốn sinh tồn, sinh vật phải thay đổi *cơ thể* ngày một hoàn hảo hơn. Bộ phận nào ích dụng sẽ tăng trưởng, bộ phận nào dư thừa sẽ suy yếu và biến mất. Đó là sự *chọn lọc tự nhiên* (*natural selection*).
3. Sự chọn lọc đó đưa tới sự *tiến hoá* (*evolution*) của chủng loại: chỉ những sinh vật nào mạnh mới tồn tại, những sinh vật yếu sẽ bị đào thải, tiêu diệt.

Nietzsche kịch liệt chống lại Darwin:

1. Nơi nào có tranh đấu là *tranh đấu giành sức mạnh* (*struggle for power*).
2. *Tinh thần* phát triển ngày một hoàn hảo hơn chứ không phải cơ thể.
3. Những chủng loại *không* tiến hoá. Trái lại những mẫu *suy đồi*, bệnh hoạn chế ngự dần những mẫu chọn lọc lành mạnh: những kẻ yếu càng ngày càng thắng lướt những kẻ mạnh - bởi chúng đông hơn, khôn khéo hơn, thận trọng hơn, yếm trá hơn, tự chủ mạnh mẽ hơn, bắt chước tài tình hơn, đức độ hơn - tóm lại bởi chúng *tinh thần* hơn. (*Tri thức hân hoan*, 349, YCHD I: 181, 182, 219- 222, 243; II: 129, 249).

DOSTOÏEVSKI, Fyodor (1821-1881):

Đại văn hào Nga, thuộc về “những tình cờ hạnh phúc nhất” của đời Nietzsche. “Một vài tuần lễ trước tôi không biết ngay cả tên Dostoïevski nữa... Một sự tình cờ may mắn trong một hiệu sách dẫn dắt tôi để ý tới một tác phẩm dịch bằng tiếng Pháp *L'Esprit souterrain* (*Hồi kí viết dưới hầm*)... Bản năng họ hàng (nếu không thì gọi bằng gì bây giờ?) nổi lên ngay lập tức, nổi vui sướng của tôi thật vô bờ: tôi phải trở lại việc làm quen với tác phẩm *Rouge et noir* của Stendhal để gợi lại một nỗi hân hoan tương tự” (Thư ngày 23 tháng Hai, 1887). Tháng Ba năm đó, Nietzsche còn mê man đọc *Hồi kí về chốn địa ngục trần gian* và *Những kẻ bị chà đạp và sỉ nhục* cũng qua bản dịch tiếng Pháp. “Giải thoát siết bao khi đọc Dostoïevski!... Dostoïevski là người duy nhất dạy tôi được vài điều về tâm lí học”:

1. *Tội ác* phải được xếp vào những “cuộc phản kháng trật tự xã hội” hiện hữu. Một kẻ phản kháng có thể là một người đáng thương và đáng khinh, nhưng một cuộc phản kháng chống lại thứ xã hội yếu hèn của chúng ta thì không hề làm giảm giá trị của một người.
2. Không được xét đoán giá trị của một người căn cứ vào hành động duy nhất. Trong mọi tội ác hầu như đều biểu lộ những đức tính mà không người nào được thiếu.
3. Phải bãi bỏ hình phạt và sự ghê tởm dành cho kẻ phạm tội vì người ta không thể nâng dậy một người bằng cách hành hạ và khinh bỉ hắn. Sự khinh bỉ ngược đãi là một sự đòi bại và đòi bại hoá tâm hồn còn tệ hại và dã man hơn cả tội ác.
4. Những kẻ phạm tội thường là những kẻ man rợ, mãnh liệt, quá trớn không thích nghi nổi với những điều kiện sinh tồn nền nếp, nghèo nàn, yếu đuối, gò bó, tiết chế của xã hội.
5. Sự gia tăng của tội ác có thể là một triệu chứng báo hiệu sự băng hoại của xã hội nhưng đồng thời đó là một điềm lành cho thấy khả tính của một nền văn minh mới; một sự bình phục mới: không có thời nào nhiều tội ác khủng khiếp bằng thời Phục Hưng, bình minh của nền văn minh hiện tại.
6. Tất cả những kẻ tội phạm đều có thể là những kẻ phi nhân. Nhưng tất cả những vĩ nhân đều thiết yếu phải là những kẻ tội phạm.

Đó là những bài học Nietzsche đã học từ nơi Dostoïevski.

ELIOT, George (1819-1890):

Nữ sĩ Anh, Nietzsche chỉ biết Eliot qua một người bạn gái, cô Druscowicz, và chỉ nhắc tới Eliot một lần duy nhất là trong tác phẩm này.

EMERSON, Ralph Waldo (1803-1882):

Không bậc thầy nào của Nietzsche cuối cùng không bị ông chê trách. Nhưng cũng có những nguồn tư tưởng Nietzsche trung thành suốt đời và khó phân biệt với tư tưởng của chính ông. Emerson là một. “Tôi cảm thấy ông rất gần tôi”, Nietzsche nói về Emerson như vậy. Nietzsche rất thán phục cuộc sống cô đơn, lạnh lẽ, hân hoan, đầy hứng khởi của Emerson, Emerson chính là một trong những kiểu mẫu đầu tiên của Zarathustra. “Tâm hồn cao cả” (The Oversoul) của Emerson chính là “Siêu nhân” (Übermensch) của Nietzsche, Nietzsche tán thành sự lên án nghiêm khắc thời hiện đại của Emerson, một thời đại hùng hồn trong những lời rên xiết thở than, bạc nhược trong tinh thần, nghèo nàn trong tâm

tưởng. Theo Emerson, tất cả mọi *tín điều* đều là nô lệ. Không có gì thiêng liêng bằng sự nguyên vẹn của tinh thần, bằng *lòng tự tin* (*Self-Reliance*). Trên đời không có gì khủng khiếp bằng có một ý chí. “*Cuộc đời là một sự kiếm tìm sức mạnh*” (*Life is a search for power*). Nói theo ngôn ngữ Nietzsche: “*Cuộc đời là Ý Chí Hùng Dũng* (*Leben ist Wille zur Macht.*)” Lịch sử quá khứ là một lịch sử tồi tàn. Những dân tộc của chúng ta trên trái đất đều là tiện dân. “*Chưa bao giờ chúng ta thấy một người thực sự là người.*” (*We have never seen a man*)” hay nói theo điệu Nietzsche: “*Chưa bao giờ chúng ta có một Siêu Nhân*” (*Niemals noch gab es einen Uebermensen*). Tất cả sự vĩ đại của quá khứ mới chỉ là bước đầu.

FONTENELLE, Bernard (1657-1757):

Nhà văn Pháp, một trong nhóm sáu nhà luân lý Pháp mà Nietzsche ngưỡng mộ vì “đọc họ người ta gần thời thượng cổ cao nhã hơn bất cứ một nhóm tương tự nào ở một quốc gia nào khác.” Đó là Fontenelle, Montaigne, La Rochefoucauld, La Bruyère, Vauvenargues và Chamfort. - (*Lữ khách và bóng hình mình*, 214).

GONCOURT, Edmond (1822-1896) và Jules (1830-1870):

Hai nhà văn thuộc trường phái tự nhiên Pháp. Bi quan, hư vô chủ nghĩa, dị hợm. “Những điều họ trình bày đều xấu xí, nhưng nếu họ trình bày, là vì họ thích sự xấu xí đó...” (*YCHD*, II, 343) một cách căn đẽ, tất cả những nhà văn này đều thiếu một cái chính yếu - “*la force*” (Thư ngày 10 tháng Mười, 1887).

HARTMANN, Eduard von (1842-1906):

Triết gia Đức, theo chủ trương bi quan, tác giả bộ *Triết lý vô thức*. Nietzsche thường qui chiếu “ông” Hartmann khi bài xích bi quan chủ nghĩa.

HÉRACLITE (vào khoảng 500 tr.T.L.):

Trong những triết gia Tiền-Socrate mà Nietzsche ngưỡng mộ, ông kính trọng nhất Héraclite. Cũng như Emerson, Héraclite là bậc thầy mà Nietzsche theo sát tư tưởng, về cả nhân sinh quan lẫn vũ trụ quan sinh động, và không bao giờ tỏ ra bất cung kính. Khi Nietzsche phát biểu: “*Con người là một cái gì cần phải vượt qua*” là ông theo những bậc tiền bối Héraclite, Empédocle, Spinoza, Goethe (*Triết lý thời Bi kịch Hy Lạp*, phần dẫn nhập). “*Khi tôi trình bày thế giới như một trò chơi thần thánh đặt bên trên thiện ác, tôi có các bậc tiên phong: triết học Vêdânta và Héraclite*” (*YCHD* IV, 628). Héraclite nói rất ít. Những phát biểu của ông vắn tắt, mãnh liệt như những sấm ngữ khắc trên đền Delphes và không ngừng là những cảm hứng cho những thi sĩ lớn, như René Char... vì “triết lý ít minh chứng của Héraclite có một giá trị nghệ thuật lớn lao hơn tất cả mọi định đề của Aristote” (*YCHD* IV, 172). Thái độ kiêu hãnh huy hoàng, như sấm sét của Héraclite là kiểu mẫu tối thượng của Zarathustra.

HORACE, Quintus, Horatius Flaccus (65-8 tr.T.L.) :

Thi sĩ Latin, tác giả *Phúng thi*, *Đoản thi*, *Nghệ thuật thi ca*.

HUGO, Victor (1802-1885):

Nietzsche thường nhắc tới Victor Hugo và Richard Wagner khi công kích phái lãng mạn, duy cảm giác hạ lưu (*Trường hợp Wagner*, 11).

KANT, Immanuel (1721-1804):

Nietzsche giễu cợt quan niệm “sự vật tự nội” và nhất là lòng tin tưởng của Kant vào “trật tự thế giới có tính cách luân lí”. Theo Nietzsche không có những sự kiện luân lí mà chỉ có những cách giải thích, diễn dịch luân lí. Cùng với sự sai lầm căn bản đặt ý chí con người vào sự vật này, Kant còn sai lầm nặng nề trong sự thẩm định những giá trị lịch sử (Cuộc Cách mạng Pháp). Tóm lại Kant là một tâm lí gia tầm thường, một kẻ cuồng tín luân lí như Rousseau, một tín đồ Kitô giáo trong sự thẩm định những giá trị, một kẻ giáo điều trong tận cùng tâm hồn.

LISZT, Franz (1811-1886):

Soạn nhạc gia và dương cầm thủ Hung Gia Lợi, cha vợ Wagner. Liszt là một nhạc sĩ mà “sự quý phái trong hợp khúc thật vô song” (*Ecce Homo*, II, 7), nhưng vẫn không tránh khỏi đôi khi bị Nietzsche bốn cợt nhẹ nhàng như một “diễn viên” theo kiểu Wagner.

LOBECK, Christian-August (1781-1860):

Nhà ngữ học thượng cổ học Đức, chuyên gia về lịch sử ngôn ngữ Hy Lạp.

MACHIAVELLI, Niccolo (1469-1527):

Sử gia và chính trị gia Ý, tác giả “*Quân Vương*”, “*Nghệ thuật chiến tranh*”, Nietzsche thần phục chủ trương hiện thực của Machiavelli.

MALTHUS, Thomas Robert (1766-1834):

Kinh tế gia Anh, tác giả *Luận về Nguyên tắc dân số* chủ trương kiểm soát sinh đẻ vì “dân số, khi không kiểm soát, gia tăng theo tỉ lệ hình học trong khi thực phẩm chỉ tăng theo tỉ lệ toán học... năng lượng của dân số lớn gấp bội so với năng lực của trái đất để tạo ra thực phẩm cho con người.”

MICHELET, Jules (1798-1874):

Sử gia của nước Pháp và của cuộc Cách mạng Pháp. Nietzsche đặt Carlyle, Schiller và Michelet là bộ ba sử gia theo chủ trương lí tưởng (*YCHD* I, 299).

MILL, John Stuart (1806-1873):

Triết gia Anh. Nietzsche ít đề cập tới Mill, và rất coi thường chủ trương Duy Dụng của triết gia này.

NAPOLÉON BONAPARTE (1769-1821):

Nietzsche thường nhắc tới Napoléon với Goethe, Napoléon với César, Napoléon với Bismarck, Napoléon với Beethoven như những thí dụ điển hình về con người thượng đẳng, ý chí mãnh liệt, quý phái, cô độc, cách biệt, trầm lặng. Napoléon là đối cực của Rousseau, của thế kỉ thứ XVIII, đó là một tâm hồn thượng cổ, sắt đá, một sự tổng hợp của *Phi nhân (Unmensch)* với *Siêu nhân (Übermensch)* (*Phổ hệ Luân lí* I, 16), Napoléon hiểu sự liên kết cần thiết giữa vĩ nhân và con người đáng sợ (*YCHD* III, 532).

PLATON (428-347 tr.T.L.):

“Điều chia cách chúng ta với Kant cũng như với Platon và Leibniz là chúng ta tin vào sự biến dịch ngay cả trong những sự việc tinh thần”. (*Triết học thời bi kịch Hy Lạp*). Nietzsche chống Platon vì lý thuyết về những hình thức siêu cảm giác và khuynh hướng về một thế giới khác về Linh Tượng giới. Platon “thích sự dối trá và ảo tượng thì ca hơn chân lý, cái phi thực hơn hiện tại” (*YCHD I*, 209). Với Socrate, triết học bị đặt dưới sự thống trị của lý trí. Với Platon, triết học phải mang thêm một cái ách nữa: luân lý.

RENAN, Ernest (1823-1892):

Văn sĩ duy lý Pháp, tư tưởng gia tự do nhưng không thoát nổi sự cám dỗ của tôn giáo. Cảm quan đàn bà, tọc mạch như Sainte-Beuve.

ROUSSEAU, Jean-Jacques (1712-1778):

Trong cuộc chiến giữa Voltaire và Rousseau, Nietzsche đứng về phía Voltaire. Trạng thái thiên nhiên khủng khiếp, con người là một con vật săn mồi, nền văn minh của chúng ta là sự *chiến thắng kì diệu trên thú tính*: đó là lý luận của Voltaire. Trong “năm không” của Nietzsche, cái không thứ ba chống lại thế kỉ XVIII và Rousseau, chống lại sự mời gọi “trở về thiên nhiên”, chống lại quan niệm “nhân chi sơ tính bản thiện”, chống lại sự tin tưởng của Rousseau vào quyền tối thượng của tình cảm - chống lại sự mềm yếu hoá, đạo đức hoá con người; lý tưởng phát sinh từ *sự thù hận nên văn minh quý phái*, thiết yếu đưa tới sự thắng thế của cảm hờn, đam mê hỗn loạn, đàn bà tính, thú tính, bình dân, hạ lưu. (*YCHD III*, 14, 38, 39, 40...)

SAINTE-BEUVE, Charles-Augustin (1804-1869):

Phê bình gia và sử gia nổi tiếng của Pháp. Nietzsche phê bình chủ trương khách quan của Sainte-Beuve vì Sainte-Beuve dối trá trong chính chủ trương của mình: Sainte-Beuve không ngớt ghen tức với những vĩ nhân như Montaigne, Charron, La Rochefoucauld, Chamfort, Stendhal.

SALLUST (86-35 tr.T.L.):

Sử gia Latin, ghi chép về cuộc âm mưu nổi loạn của Catalina, bút pháp sắc bén, cô đọng.

SAND, George (1804-1876):

Tiểu thuyết gia Pháp. Theo Nietzsche, George Sand giả tạo, khoa trương, khoác lác, khoan hồng giả dối như bất kì kẻ nào theo Rousseau.

SCHILLER, Friedrich (1759-1805):

Tác phẩm *Thảo khấu* của Schiller, năm 1859, đã gieo nơi Nietzsche trẻ tuổi một ấn tượng khó phai mờ về Siêu Nhân. Ngày 22 tháng Năm 1872, khi dự buổi trình diễn *Hoà tấu Khúc số IX* của Beethoven, đoạn cuối phổ nhạc bài thơ *Ca ngợi nguồn vui* của Schiller khiến Nietzsche xúc động sâu xa vì nguồn vui bi tráng. Theo Schiller, tất cả mọi vẻ đẹp cao quý đều qui ngã trên trần gian. Chân lý về cuộc đời và thế giới tiêu diệt sức sống trong con người. Vì thế phải giáo dục thẩm mỹ cho con người. Nghệ thuật, nhất là bi kịch là “một sự trồng độc để chống lại định mệnh không thể tránh khỏi”. Từng chút một, bằng bi kịch, cảm xúc bi tráng được tiêm trích vào con người để con người sẵn sàng

đón nhận ngày sự kinh hoàng thật sự xảy ra. *Amor fati*, tình yêu định mệnh của Nietzsche nảy sinh từ cảm hứng Schiller. Kịch của Schiller luôn luôn cho thấy những tâm hồn mãnh liệt phản kháng chống lại thời đại và định mệnh mình, hiến mình cho cái chết non yếu nhưng đồng thời tạo ra cái đẹp và sự vĩ đại. Chính thiếu số tinh hoa này lãnh đạo thế giới một cách vô hình. Trong giai đoạn đầu, Nietzsche giữ lại phần lớn tư tưởng Schiller. “Mục đích của tôi là mục đích của Schiller nhưng được nâng cao đến vô cùng”.

SCHOPENHAUER, Athur (1788-1860):

Cùng với Goethe, Schiller, Hölderlin, Kleist, Fichte, Schopenhauer là một bậc thầy vĩ đại của Nietzsche trẻ tuổi. Có một thời Nietzsche coi Schopenhauer như cha và tự nhận là một đồ đệ nhiệt thành của Schopenhauer. Nietzsche rất tán đồng bằng phân chia đẳng cấp tinh thần và vay mượn hoàn toàn lý thuyết về *thiên tài* của Schopenhauer. Nhưng sau đó Nietzsche không chấp nhận quan điểm của Schopenhauer về tác dụng của bi kịch và nhất là chủ nghĩa bi quan, hư vô, nhị nguyên tính của ý chí và trí tuệ, thái độ thù nghịch với bản năng, cảm xúc, dục tình của ông. Nietzsche không bao giờ tha thứ sự thẩm định giá trị theo quan điểm luân lý của Schopenhauer nhằm triệt hạ giá trị cuộc đời, phá huỷ sự khẳng định của “ý chí sống”, những hình thức phong phú của cuộc đời khi diễn dịch nghệ thuật, anh hùng tính, thiên tài, vẻ đẹp, lòng từ bi, trí tuệ... như hậu quả của sự phủ nhận hay đoạn diệt “ý chí sống”, trong khi theo Nietzsche đó chính là kết quả của sự khẳng nhận ý chí, của ý chí sung mãn. Nietzsche chủ trương một sự thẩm định giá trị theo quan điểm *thâm mĩ* và lên án sự thẩm định theo quan điểm *luân lý* của Schopenhauer là một vụ làm bạc giả lớn lao nhất trong lịch sử sau Kitô giáo.

SOCRATE (470-399 tr.T.L.):

Theo Nietzsche, tất cả những vấn đề lớn đều được đặt ra trước Socrate. Với Socrate, triết lý suy đồi thành triết học, những bản năng Hy Lạp băng hoại và bi kịch hấp hối vì chủ trương duy lý và duy hạnh phúc, vì lòng tin tưởng vào một Thượng Đế tốt lành, vào con người tốt lành vì *nó hiểu biết* của ông. Socrate đoạn tuyệt với những giá trị truyền thống và bắt đầu đưa Hy Lạp xuống dốc. Tóm lại, Socrate đã làm những việc độc hại sau đây:

1. Ông ta đã phá huỷ sự ngây thơ chân chất của phán đoán luân lý.
2. Ông ta đã tiêu huỷ khoa học.
3. Ông ta không có một cảm thức nào về nghệ thuật.
4. Ông ta đã cắt đứt con người với sự liên hệ lịch sử của nó.
5. Ông ta đã đề cao trò chơi chữ và biện chứng pháp dài dòng.

SPENCER, Herbert (1820-1903):

Triết gia Anh, sáng lập thuyết tiến hoá. Nietzsche không nhìn thấy trong xã hội *tuương lai*, khi mọi cá thể đồng nhất với nhau, cũng như trong hạnh phúc của số đông, sự thanh bình của tâm hồn, đức hạnh, thiện nghi - lý tưởng của ông Spencer - một cái gì tốt đẹp cả. Đặt hoà bình trên chiến tranh là một phán đoán phản sinh vật học, đặt đa số lên trên thiểu số là một phán đoán phản tiến hoá. “Ông Spencer là một kẻ suy đồi, trong sinh vật học; ông cũng là một kẻ suy đồi với tư cách một nhà luân lý”. Triết

học duy lợi của ông Spencer: “hoàn toàn thiếu vắng lí tưởng, trừ lí tưởng của con người bình phàm.” (YCHD I, 438, 285).

SPINOZA, Baruch (1632-1677):

Triết gia Hà Lan, sống bí mật, lặng lẽ, thanh thản trong cảnh bần hàn như một ông thánh. Ông từ chối làm giáo sư đại học để suốt đời mài kiếng bên lề đường. Ông cũng không chịu phổ biến tư tưởng mình. Bộ *Đạo đức* vĩ đại của Spinoza chỉ được in ra sau khi ông từ trần nhờ một Mạnh Thường Quân vô danh. Nietzsche đồng ý với Spinoza về năm điểm: khước từ tự do ý chí, mục đích, trật tự thế giới có tính cách luân lí, tính bất vị kỉ và sự hiện hữu của tội lỗi. Tuy nhiên, Nietzsche không tán thành sự khó hiểu toán học mà Spinoza dùng như giáp trụ và mặt nạ che dấu triết học hay đúng hơn “lòng yêu chuộng minh triết” của ông (*Phi thiên ác*, 5). Công thức toán học khô cứng như nơi Spinoza, công thức đã tạo ra trên Goethe một ấn tượng quá nặng nề, chỉ có thể tự biện minh như một cách diễn tả thẩm mỹ. (*Triết học thời bi kịch Hy Lạp*).

STENDHAL, bút hiệu của Henri Beyle (1783-1842):

“Người nghệ sĩ tự bản chất có thể thiết yếu là một người đa dục, xúc động trước tất cả, dễ bị thương vong trong mọi chiều hướng, tự nhiên hướng về tất cả mọi sự kích thích và những gì gọi ra những kích thích này. Nhưng dưới ảnh hưởng của sứ mệnh hần, của ý chí đi tới tự chủ của hần, hần thường tiết độ nghĩa là trình tiết” (YCHD, III, 441). Goethe và sau đó là Stendhal là những nghệ sĩ mãnh liệt, tự chủ, đáp ứng được chủ trương “*lí trí trong thái độ sống*” này của Nietzsche. Ngoài ra Nietzsche còn vô cùng thán phục Stendhal vì trực giác bén nhạy và chủ trương *vô thần lương thiện* của ông. Stendhal không khước từ Thượng Đế vì những tội lỗi và sự xấu xa của thế gian mà khước từ chính sự hiện hữu của Thượng Đế. “Có lẽ tôi ganh tị với cả Stendhal. Ông đã đánh cắp mất chữ hay nhất mà chủ trương vô thần của tôi có thể tìm thấy: “Sự miễn thứ duy nhất của Thượng Đế là đừng hiện hữu...” (*Ecce Homo*, II, 3).

THUCYDIDES (vào khoảng 460-395 tr.T.L.):

Triết sử gia vĩ đại Hy Lạp, bút pháp cô đọng, mạnh mẽ, lối kể truyện khúc triết, dồn dập, tác giả bộ *Lịch sử cuộc chiến tranh Péloponnèse*. “Thucydides và Tacite *thiết yếu* là những thi sĩ” (YCHD, III, 126).

WAGNER, Richard (1813-1883):

Soạn nhạc gia Đức, tác giả *Tristan und Isold*, *Parsifal*, chồng thứ hai của Cosima Liszt, người mang ảnh hưởng văn hoá Pháp cho Wagner... Wagner là một thiên tài âm nhạc, ông cố gắng nối kết thi ca, vũ điệu và âm nhạc. Nguồn cảm hứng thường xuyên của Wagner là những thần thoại dòng Nhật Nhĩ Man. Nietzsche vô cùng thán phục Wagner, một thiên tài lớn nhất của nước Đức còn sống. Nhưng dần dần Nietzsche không chịu nổi không khí âm u, siêu hình của nhạc Wagner. Năm 1876, Nietzsche đoạn tuyệt với Wagner và không tha thứ cho Wagner khi Wagner đầu hàng tôn giáo, tìm hứng khởi trong đề tài Cứu Chuộc. Nietzsche lên án âm nhạc của Wagner bệnh hoạn. Năm 1882, Nietzsche tìm thấy trong nhạc của Bizet, nhất là trong ca vũ *Carmen*, một thứ âm nhạc lí tưởng đối trị với nhạc Wagner. Nhạc Bizet có tính cách “Địa Trung Hải”, trong sáng, thồn thức, bi tráng, tàn bạo một cách ngây thơ, say sưa nhẹ nhàng, đem lại cho tư tưởng những đôi cánh lâng lâng.

ZOLA, Emile (1840-1902):

Tiểu thuyết gia Pháp, tác giả bộ trường thiên *Rougon Macquart*. Zola là thủ lĩnh trường phái tự nhiên, đem khoa học giải thích những sự kiện nhân sinh và xã hội. Những sự kiện trường phái này trình bày thường xấu xa ô uế, đen tối bi quan, cần phải đả phá, tiêu diệt. Theo chủ trương nghệ thuật Dionysos rạt rào sức sống của Nietzsche thì không có nghệ thuật bi quan. Nghệ thuật bao giờ cũng khẳng định. “Nhưng còn Zola? còn anh em Goncourt? - Những sự việc họ trình bày đều xấu xí, đó là vì họ thích sự xấu xí đó...” (YCHD IV, 461). Zola hay là “thú phóng uế” (HHTT IV, 1).

*

Những năm tháng trọng đại trong cuộc đời Nietzsche

(Dựa theo Walter Kaufmann và Charles Andler)

“Tôi chính là con người tiền định, chỉ định những giá trị cho muôn ngàn năm. Một người bí ẩn bị thúc bách đủ trăm chiều, một người không nguồn vui, đã liệng xa khỏi mình mọi tổ quốc, mọi nghỉ ngơi. Cái làm nên phẩm cách cao nhã: Trở thành chủ hạnh phúc cũng như bất hạnh của chính mình.”

1844 Nietzsche chào đời tại Röcken, Đức ngày 15 tháng Mười.

1849 Phụ thân, một mục sư Tin Lành, từ trần vào ngày 30 tháng Bảy.

1850 Gia đình rời về Namburg.

1858-64 Nietzsche theo học trường nội trú Schulpforta. Say mê Goethe, Emerson, Fichte. Ngưỡng mộ thiên tài. Chọn chí hướng.

1864 Theo học cổ ngữ học cổ điển tại Đại học Bonn. Nghiên cứu âm nhạc: Bach, Schumann, Berlioz.
- Giáo sư ngữ học Ritschl qui định ý hướng Nietzsche về Hy Lạp. Kết bạn với Deussen.

1865 Leipzig. Gặp lại Ritschl. Nghiên cứu về Aristote, Homère, Hésiode, Diogène, Laerce. Tình cờ khám phá ra tác phẩm “*Thế giới như ý chí và biểu tượng*” của Schopenhauer trong một tiệm sách cũ. Bắt đầu thân với Erwin Rohde.

1866 Khủng hoảng. Thán phục Bismarck. Đi quân dịch. Xung vào pháo binh. Tai nạn.

1868 Gặp Wagner lần thứ nhất.

1869 Được Ritschl tiến cử làm giáo sư ngữ học cổ điển tại Đại học Basel, Thụy Sĩ.

1870 Đời sống đại học. Quen Jacob Burckhardt. Đổi sang quốc tịch Thụy Sĩ. Ngưỡng mộ Cosima Wagner. Làm tổng hợp Schopenhauer và Wagner. Xung phong vào đội cứu thương trong cuộc chiến tranh Pháp-Phổ. Đau ốm. Trở lại Basel tháng 10. Kết bạn đời với Franz Overbeck.

1873 Ấn hành tác phẩm đầu tay *Die Geburt der Tragödie aus dem Geiste der Musik* (*Sự khai sinh của bi kịch từ tinh thần âm nhạc*).

1872 Ấn hành hai tác phẩm *Unzeitgemässe Betrachtungen* (*Những suy tưởng phi thời*): *David Strauss, der Bekenner und Schriftsteller* (*David Strauss, Kẻ nhiệt tín và nhà văn*), *Von Nutzen und Nachteil der Historie für das Leben* (*Về sự lợi ích và bất lợi của lịch sử đối với cuộc đời*).

1874 *Suy tưởng phi thời* thứ ba: *Schopenhauer als Erzieher* (*Schopenhauer nhà giáo dục*).

1876 *Suy tưởng phi thời* thứ tư: *Richard Wagner in Bayreuth* (*Richard Wagner ở Bayreuth*), tập *Suy tưởng* chót được in sau nhiều lần đo. Sức khoẻ suy yếu. Rồi bỏ đại học. Đi Sorrento.

1878 Ấn hành *Menschliches, Allzumenschliches* (*Phàm phu, quá đỗi phàm phu*).

1879 Thôi dạy học hẳn nhưng vẫn được hưởng ân bổng. In *Vermischte Meinungen und Sprüche* (*Ý kiến tương hợp và châm ngôn*). Tới Engadin vào mùa hè.

1880 Ấn hành *Der Wanderer und sein Schatten* (*Lữ khách và bóng hình mình*).

1881 *Die Morgenröte* (*Bình minh*) ra đời. Nietzsche đi tìm mặt trời miền Nam. Ở Genoa vào mùa đông và xuân, ở Sils Maria vào mùa hạ và mùa thu ở lại Genoa.

1882 *Die Fröhliche Wissenschaft* (*Tri thức hân hoan*). Mùa đông ở Genoa, mùa xuân ở Messina, hạ ở Tautenburg cùng Lou Andreas-Salomé, nữ sinh viên Nga ái mộ Nietzsche và em gái Elisabeth. Mùa thu trở về Leipzig. Tới Rapallo vào tháng 11.

1883 Nietzsche viết phần đầu tác phẩm *Also sprach Zarathustra* trong mùa đông ở Rapallo, viết phần hai vào mùa hạ ở Sils Maria.

1885 Phần ba và phần kết viết ở Nizza và Mentone trong mùa đông. Nietzsche bỏ tiền riêng ra in 40 bản nhưng trong 70 triệu dân Đức ông chỉ tìm thấy 7 người để tặng.

1886 Ấn hành *Jenseits von Gut und Böse* (*Phi thiện ác*). Viết tựa mới cho *Sự khai sinh của bi kịch*. Tái bản *Phàm phu, quá đỗi phàm phu*, đề tựa mới.

1887 Ấn hành *Zur Genealogie der Moral* (*Phổ hệ luân lý*). Tái bản *Bình minh*, đề tựa mới. Tái bản *Tri thức hân hoan*, thêm phần thứ năm và thơ.

1888 Mùa đông ở Nizza, xuân ở Turin, hạ ở Sils Maria, thu trở lại Turin. Ấn hành *Der Fall Wagner* (*Trường hợp Wagner*). Nietzsche bắt đầu nổi tiếng.

1889 Và bắt đầu điên, tháng Giêng ở Turin, Overbeck, bạn đồng liêu cũ đưa Nietzsche về Basel. Nietzsche được đưa vào dưỡng trí viện Jena nhưng chẳng bao lâu sau đó được thân mẫu đưa về Naumburg. Tác phẩm *Die Götzen-Dämmerung* (*Buổi hoàng hôn của những thần tượng*) được xuất bản vào tháng Giêng 1889.

1891 Phần lớn *Zarathustra* được in và phát hành rộng rãi.

1895 *Kẻ chống Chúa* (*Der Antichrist*) và *Nietzsche chống Wagner* (*Nietzsche contra Wagner*) được ấn hành.

1897 Thân mẫu Nietzsche tạ thế. Bà Elisabeth Förster Nietzsche, cô em gái triết gia đưa ông về Weimar.

1900 Ngày 25 tháng Tám năm 1900, Nietzsche từ trần tại Weimar.

1901 Bà Elisabeth Förster Nietzsche cho ấn hành khoảng 400 kí chú dưới tiêu đề *Der Wille zur Macht (Ý chí hùng cường)*.

1904 Elisabeth Förster Nietzsche viết về cuộc đời anh: *Das Leben Friedrich*.

1908 *Nietzsche, Ecce Homo* được ấn hành lần thứ nhất.

1910-11 Toàn bộ *Ý chí hùng dũng* được san định và ấn hành gồm 1067 kí chú.

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

[1] Tinh thần lớn mạnh, sức khoẻ gia tăng bởi vết thương - Ghi chú của Dịch giả (G.c.D.)

[2] Tức *Kẻ chống Chúa* - (G.c.D.)

[3] *Suche Nullen!* “Nullen” có nghĩa là không ai cả, số không và đồng thời cũng có nghĩa là Hư không. - (G.c.D.)

[4] *Posthume menschen*. Nietzsche thường tự coi mình như một con người sống *phi thời gian (unzeitghe mäss)*, trên thời gian, độc lập với thời đại, sống như một cái bóng trong lúc sinh thời và chỉ hồi sinh, sống động sau khi đã chết đi. Con người thuộc về tương lai, sống cho và sống với thế hệ mai hậu. CT. “Những suy tưởng phi thời” (*Unzeitgemässe Betrachtungen*). - G.c.D.

[5] Pháp văn trong nguyên bản: “Ist sie nicht ein Attentat auf alle unsre *pudeurs*?”: “Nó không phải là sự xâm phạm tiết hạnh của chúng ta sao?” - G.c.D.

[6] Kể từ ngày thành lập *Reich* (Đế Quốc)

[7] Trái ngược về thời gian

[8] Có lẽ phải viết: “Vì muốn tìm về nguồn gốc khởi nguyên, người ta trở thành một con cua”. Nhưng Nietzsche viết: “Damit, dass man nach den Anfängen sucht, wird man Krebs” - G.c.D.

[9] Pháp văn trong nguyên bản: “Người ta chỉ có thể suy tưởng và viết khi ngồi.” - G.c.D.

[10] Esculape hay Asklepios viết theo tiếng Hy Lạp, là Thần Y thuật hay tổ sư nghề thuốc.

[11] La văn: sự đồng ý của những kẻ khôn ngoan. “Der consensus sapientium beweist die wahrheit”: “Sự đồng ý của những kẻ khôn ngoan là bằng chứng của chân lý.”

[12] Pháp văn trong nguyên bản: *suy đồi*, một trong những khai ngữ của Nietzsche, chỉ những kẻ bi quan, hướng vọng quá khứ, Thiên Đàng, Thượng Đế và tuyệt vọng - G.c.D.

[13] Niedergangs – Typen - G.c.D.

[14] der Wert des Lebens nicht abgeschätzt werden kann.

[15] Nietzsche công kích Engène Dühring, tác giả *Giá trị của cuộc đời* - G.c.D.

[16] La văn trong nguyên tác: một quái vật trên nét mặt, một quái vật trong linh hồn.

[17] Nietzsche phân biệt hai thứ tội phạm, một thứ tội phạm vì dũng mãnh, một thứ tội phạm vì yếu hèn. Do đó có một thứ tội phạm phẩm cách cao nhã, một thứ tội phạm đáng kinh tởm. Ở đây nói về loại thứ hai, trong khi ở đoạn 45, chương “Những cuộc viễn hành của

con người phi thời” đề cập tới loại thứ nhất. - G.c.D.

[18] Reineke Fuchs - G.c.D.

[19] *Từ quan điểm vĩnh cửu* - Ghi chú của Dịch giả.

[20] Sein, Pêtre, Being

[21] Schein, Apparence, apparence. - G.c.D.

[22] Pháp văn trong nguyên bản: *định kiến*

[23] Héraclite là triết gia tiền-Socrate duy nhất tin vào Biến Dịch, vào hiển thể và những gì giác quan chứng nghiệm. - G.c.D.

[24] Nguyên nhân của chính nó.

[25] *Hữu thể chân thực nhất.* - G.c.D.

[26] Täter und Tun - G.c.D.

[27] Ich-Substanz.

[28] Vernunft Kategorien. “Phạm trù” (Kategoric) ở đây chỉ có nghĩa là phương tiện, không mang một âm hưởng nào “Phạm trù” của Kant cả - G.c.D.

[29] “wahres Sein”

[30] Nicht-Sein

[31] Hay *hư vô*, Nicht

[32] Danh từ Phật giáo: Sắc giới - G.c.D.

[33] Wahrheit = chân lí, tương đương với *wahre Wet* = thể giới chân thực.

[34] Nietzsche muốn nói tới Kant và tỉnh Königsberg, miền bắc nước Đức, nơi Kant sống và chết. - G.c.D.

[35] NƠI ĐÂY BẮT ĐẦU ZARATHUSTRA (Và bắt đầu triết lí Nietzsche) - G.c.D.

[36] Pháp văn trong nguyên bản: “*Phải giết chết những đam mê*”. - G.c.D.

[37] Dòng Trappe, dòng luyện tâm, nổi tiếng vì kỷ luật khắc khe. - G.c.D.

[38] Instinkte des Lebens, Thoát ra ngoài sự câu thúc của ngôn ngữ, “Instinkte des Lebens”, ở đây còn có thể hiểu như “khuy nh hướng về đời sống”. Trái với tất cả những nền luân lí khác đàn áp cuộc sống, đây những cấm kỵ, hướng về điều “thiện” như một cứu cánh tuyệt đối, đức lý lành mạnh theo Nietzsche nhằm xiển dương cuộc đời, kích thích bản năng sinh động, hướng về một cuộc sống giải thoát, nguy hiểm, mãnh liệt. Tư tưởng sau có thể nói lên chủ trương của tất cả những nền đức lý lành mạnh (*gesunde Moral*) ấy: “*Tất cả những gì sống đều thiêng liêng.*” (everything that lives is holy - William Blake, *America*) và *Cuộc sống đích thực của những giác quan và xác thịt tôi siêu thắng những giác quan và xác thịt tôi*” (the real life of my senses and flesh transcending my senses and flesh - Walt Whitman, *Leaves of Grass*) - G.c.D.

[39] das Leben selbst zwingt uns, Werte anzusetzen; das Leben selbst wertet durch uns, wenn wir Werte ansetzen...

[40] Lời của Pilate khi rửa tay trao Jésus Christ do dân Do Thái “Ecce homo” có nghĩa là: “‘Đây là con người đó!’ hay ‘Hãy nhìn người này!’” (Saint Jean, XIX, 5) - G.c.D.

[41] Ở đây chúng ta không thể không nhắc tới Spinoza, một trong những triết gia mà Nietzsche coi như tiền bối của mình, với chủ trương đón nhận tìm hiểu và không bao giờ lên án con người tương tự: “*Seducere curavi, humanas actiones non redere non lugere neque detestari, sed intelligere*”, *Tractatus politicus* (1677) ch. 1, 4. “Tôi đã cố gắng một cách thận trọng để không chế giễu hay thương hại hoặc ghê tởm những hành vi con người, mà chỉ để thấu hiểu chúng” - G.c.D.

[42] Wir verneinen nicht leicht, wir suchen unsre Ehre darin, Bejahende zu sein. Tất cả định tắc luân lí của Nietzsche nằm trong một chữ “Ừ” hoặc “Phải” hay “Vâng” (Yea) trước cuộc đời, trước tất cả những nguồn vui, trước tất cả khổ đau, trước tất cả dâu bể tang thương thâm và khủng khiếp của cuộc đời. Con người lí tưởng của Nietzsche khẳng định giống như những nhân vật bi tráng trong bi kịch Hy Lạp sau khi đã trải qua tất cả khảm kha bất bình: “Tất cả đều tốt lành.” (Tout est bien) - G.c.D.

[43] Pháp văn: Phép ăn uống kiêng cử.

[44] Hãy tin kẻ đã thí nghiệm!

[45] In Formel: seine Tugend ist die Folge seines Glücks... - G.c.D.

[46] In Formel: seine Tugend ist die Folge seines Glücks... - G.c.D.

[47] Alles *Gute* ist Instinkt.

[48] Việc trước, tiền sự của một sự việc hay sự kiện gì. - G.c.D.

[49] Phần xấu xa đáng xấu hổ. - G.c.D.

[50] Thần kinh giao cảm. - G.c.D.

[51] *Nguyên nhân đệ nhất*. - G.c.D.

[52] Nietzsche dùng chữ này đầu tiên trong “Phổ hệ luân lí”, chỉ những con người hùng mạnh cao quý như những anh hùng của Homère, những hải tặc Viking - Ghi chú của Dịch giả.

[53] Giai cấp hạ lưu ngoài lề xã hội - G.c.D.

[54] Môi nhỏ. - G.c.D.

[55] Sự xảo trá thành tín - G.c.D.

[56] Trong sự nhor nhóp tự nhiên.

[57] *Der Trompeter von Sackingan*, tác phẩm nổi tiếng của Joseph Victor von Scheffel. - G.c.D.

[58] Sữa dôi dào

[59] Con bò sữa “đẹp mã”

[60] Anh em Goncourt

[61] Pháp văn trong nguyên bản: *khoa học và quý phái*. - G.c.D.

[62] Pháp văn trong nguyên bản: *phúc âm của những kẻ bản cùng*. - G.c.D.

[63] Pháp văn trong nguyên bản: *xoi mói, dèm pha*

[64] Pháp văn trong nguyên bản: *lòng hờn oán, hiềm khích*

[65] Pháp văn trong nguyên bản: *phong trào hay chủ trương lãng mạn*

[66] Pháp văn trong nguyên bản: kẻ (sự) phóng túng, vô kỉ luật, vô tôn giáo

[67] *Gương Chúa Jesus*, tác phẩm nổi tiếng của Thomas à Kempis (1379 – 1471)

[68] Nghĩa đen: mà không cảm thấy một sự đối kháng sinh lí (ohne einen physiologischen Widerstand).

[69] *das Ewig-Weibliche*, một trong những câu thơ cuối cùng trong tác phẩm *Faust* của Goethe (“Người nữ đời đời kéo chúng ta lên cao), đối tượng chế giễu của Nietzsche.

[70] Pháp văn trong nguyên bản: *kiểu* Eliot

[71] Pháp văn trong nguyên bản: *sự kiện nhỏ nhất*

[72] Homospathische hay là phép lấy bệnh trị bệnh

[73] Nói *ừ*, sagen *ja* là thuật ngữ Nietzsche dùng để chỉ thái độ khẳng định tích cực đối với cuộc đời của kẻ chấp nhận cuộc đời với tất cả những gì kinh khủng, bi đát nhất của nó, một dionysien, tín đồ của Dionysos - kẻ khẳng định vĩ đại.

[74] Trong Sự khai sinh của bi kịch. - G.c.D.

[75] Tôi chính là kẻ kế vị tôi. - G.c.D.

[76] “Mặc dù thiếu sức mạnh, nhưng dục vọng thì thực đáng khen.”

[77] Kinh tế học gia người Anh (1766- 1834), chủ trương hạn chế nhân khẩu. - G.c.D.

[78] Nietzsche đổi lại câu cuối cùng bài *Ein fester Burg* của Luther, đại ý: những gì thuộc về trần gian này hãy ra đi, ở lại những gì thuộc về *Reich*, nước thiên đàng. - G.c.D.

[79] Menschenkenner

[80] Nguyên văn: một *kẻ* miệt thị con người - Menschen-Verächter - G.c.D.

[81] “Tình yêu Thượng đế bằng tình thần”. - G.c.D.

[82] Pháp văn trong nguyên bản: “Nghệ thuật vị nghệ thuật”.

[83] Túc chủ trương “văn dĩ tải đạo”. - G.c.D.

[84] So sánh Lão Tử: “Đạo khả Đạo, phi thường Đạo. Danh khả Danh, phi thường Danh”, “Ngôn giả bất tri, tri giả bất ngôn” và Héraclite: “Kẻ im lặng bao giờ cũng đẹp.”

[85] Dòng mở đầu nhạc khúc: “Tiếng sáo mê hồn” của Mozart.

[86] Trẻ con hay sách vở. - G.c.D.

[87] Tôi sẽ thấy chính tôi, ta sẽ đọc tôi, tôi sẽ xuất thần và tôi sẽ nói: Có thể tôi có nhiều tinh thần đến thế kia ư?- Galiani: thư gửi bà Épinay ngày 18 tháng 9 năm 1709. Nguyên văn không có dấu phết sau chữ Possible - G.c.D.

[88] Nguyên tác: *ochsen*: làm việc siêng năng vất vả, còn có nghĩa là học hành chuyên cần, học gạo. - G.c.D.

[89] Lấy trong câu thơ của Goethe: “*Entschlafen sind nun wilde Triebe*” (*Faust*, Hồi I, cảnh 3.)

[90] Nơi Wagner ở, thỉnh thoảng có tổ chức hoà nhạc.

[91] Parsifal, nhân vật chính trong vở nhạc kịch cuối cùng của Wagner được mô tả như một kẻ trong trắng, thuần khiết, điên khùng (*reine Tor*), Nietzsche cho câu truyện *Parsifal* là phi lí và dùng chữ *reine Torheit* (thuần túy điên) theo nghĩa *hoàn toàn điên*. - G.c.D.

[92] Mit einem Gliederstrecken im Imaginären und Absurden ausgleichen: ý nói sự buông xả.

[93] Pháp văn trong nguyên bản: *Phần ô nhục* - Ghi chú của Dịch giả.

[94] Pháp văn trong nguyên bản: *súc sinh, đê tiện*. - G.c.D.

[95] Gelegenheit-Ursachen (Trường hợp-Nguyên nhân): nguyên nhân cơ hội, cơ ngẫu, ngẫu nhiên: nguyên nhân thay đổi tùy theo trường hợp,- duyên có ngẫu nhiên.

[96] Hay duyên có

[97] Pháp văn: *những kẻ suy đồi*. - G.c.D.

[98] Pháp văn: *Sự suy đồi*. - G.c.D.

[99] “Chết đúng lúc: đó là điều mà Zarathustra giảng dạy.”. - Zarathustra.

[100] So sánh nhân vật Kirilov trong tác phẩm “*Bầy quỉ*” của Dostoïevski.

[101] Pháp văn: thuần túy, non nớt. - G.c.D.

[102] Pháp văn, *moral* không có *e* như Nietzsche viết. - G.c.D.

[103] Pathos der Distanz - “Giữ *khoảng cách*” là một trong những mệnh lệnh tuyệt đối của đức lí Nietzsche. - G.c.D.

[104] Bất tận.

[105] Đế quốc La Mã. - G.c.D.

[106] “Freiheit, die ich nicht meine...”, ám chỉ bài thơ “Freiheit, die ich meine” (Tự do theo nghĩa tôi hiểu) của Max von Schenkendorf - G.c.D.

[107] Pháp văn trong nguyên bản: *buông thả, dễ dãi*.

[108] Trong lãnh vực chính trị.

[109] Suy đồi

[110] Procuste, tướng cướp ở Attique, có một cái giường sắt. Procuste bắt nạn nhân của hắn nằm đo giường. Người nào dài hơn giường, hắn sẽ chặt chân đi, người nào ngắn hơn, hắn lấy dây kéo dài ra cho bằng cái giường. Procuste sau bị Thésée giết cũng bằng hình phạt do chính hắn đặt ra. (Thần thoại). - G.c.D.

[111] Nền văn minh thượng cổ

[112] Pháp văn trong nguyên tác: lí thuyết về *hoàn cảnh*, chủ trương hoàn cảnh tạo ra tất cả. - G.c.D.

[113] Lucius Sergius Catilina (109-63 T.L.S) nhà quý tộc La Mã, âm mưu chống lại Nguyên lão Nghị viện.

[114] Hay những gì *đã là* (was schon ist)

[115] Hay những gì không *trở thành nữa* (was nicht mehr wird)

[116] Pháp văn trong nguyên bản: Giải bày nỗi bối rối mình cảm thấy là điều bất xứng với những tâm hồn cao cả. Clothilde de Vaux.

- G.c.D

[117] Về phương diện chiến thuật. - G.c.D.

[118] Pháp văn trong nguyên bản: *hạ lưu, ti tiện*. - G.c.D.

[119] Pháp văn: tuyệt hảo, tuyệt vời. - G.c.D.

[120] Chân nhân. - G.c.D.

[121] Natürlichkeit. - G.c.D.

[122] ein An-sich-heran-kommen-lassen von jedwedem.

[123] ein Nicht-wissen-wo-aus-noch-ein.

[124] Trong thực tiễn. - G.c.D.

[125] Nietzsche muốn nhắc tới tác phẩm “*Phúng thi thành Venice*”, trong đó Goethe nói rằng thập giá là một trong bốn cái ông không chịu nổi. - G.c.D.

[126] La văn trong nguyên tác: *cứng rắn hơn đồng*. - G.c.D.

[127] Pháp văn trong nguyên tác: *tuyệt hảo, tuyệt vời*. - G.c.D.

[128] Pháp văn trong nguyên tác: sự ngây ngô của dân Đức. - G.c.D

[129] Văn hoá Hy Lạp. - G.c.D

[130] *tragisches Gefühl*. - G.c.D.

[131] Bản in năm 1912 sửa lại là *proches parents*- N.H.H.

[132] Đoạn trên đây trích trong cuối bản dịch *Twilight of the Idols*, của Kaufmann đã sửa lại bản dịch *Thus spoke Zarathustra*, 1954, thiếu hai chữ “one day” và “all”. - N.H.H.

[133] Đoạn trên trích trong bản dịch *Twilight of the Idols* ấn hành năm 1968, trong khi bản dịch *Thus Spoke Zarathustra* của cùng dịch giả ấn hành lần thứ nhất năm 1961. Không có sai biệt. - N.H.H.